

Lời nói đầu:

Thưa các vị,
Đức Ngài khai mở Vô Vi Quy Nguyên và vạch sẵn con đường cho đệ tử Từ Tôn. Bốn phận mỗi chúng ta là mở sáng con đường đến tất cả nhân sanh. Đức Ngài ban những vật liệu cần để xây ngôi nhà Đạo Pháp, chúng ta có bốn phận xây ngôi nhà để chúng sanh cùng hưởng và làm thế nào để thực hiện?

Ngày nay về phương diện Tâm Pháp, Đức Thầy Từ Minh Đạt dạy các pháp hữu bằng hành động cụ thể: Đi vào từng hoàn cảnh sống, đi vào từng diễn biến nơi tâm thức các pháp hữu để từ đó khai tâm từng vị một; đi vào hòa đồng tâm thức từng vị để mở đường đánh thức tâm linh, làm sống lại con người thật của chúng ta đang vướng phải vọng ngã trái qua vô số kiếp luân hồi; đi vào giải phẫu tâm tư từng vị để mở sáng những vướng mắc đã diễn lưu hàng ngàn đời kiếp và chỉ ra hướng đi thích ứng.

Mỗi bài học được ban ra là chặn đường nhiều sóng gió đã qua mà Đức Thầy là vị đứng mũi hứng chịu! Các pháp hữu từng bước bước đi, Đức Thầy từng bước mở ra những thử thách từ hữu vi như qua mọi sinh hoạt thường ngày đến vô vi như qua giấc ngủ - giấc mộng hay đi thẳng vào tâm thức tiềm ẩn điểm tắc buộc bản năng, làm hiện chân tướng chúng sanh tánh giúp chúng ta nhận thẳng những gì còn tồn tại nơi tâm thức cần gội rửa và thanh lọc.

Mỗi một bước đi mà Đức Thầy ban các pháp hữu là một chặn đường đầy khó khăn, các vị phải đi qua. Các vị đi qua được, Đức Thầy bước thêm một bước mới. Các vị không đi qua được, Đức Thầy dừng chân chờ

các vị. Nếu các vị lùi bước, Đức Thầy lùi bước theo các vị.

Thưa các vị! Đường hành pháp Đức Thầy ban các pháp hữu là mỗi vị tự bước đi. Bước từng bước lên con đường Đức Ngài mở ra. Thật sự là bước đi của chính mỗi vị, không phải là bước đi của người đã đi mà mình nhìn thấy hay học hiểu. Đường đi thích ứng với bước chuyển tâm của nhân sanh còn sót lại vào giai đoạn cuối cùng của thời Mạt Pháp với tôn chỉ: Đòi Tròn - Đạo Hiện - Pháp Ứng! Tôn chỉ được đặt trên căn bản: Tu là sửa! Công phu là phương tiện! Trau dồi đức hạnh là căn cơ!

Tu sửa từ hành động đến tâm thức! Lìa bỏ dần các điểm kẹt, hiện dần A Lại Da Thức trong sáng. Để thực hiện điều này, trước phải học Bát Chánh làm căn bản, đem vào thân tâm cho nhuần. Thực thi Bát Chánh qua lập hạnh - hành hạnh nguyện hay hành pháp. Thực thi Bát Chánh xuyên qua chỗ Hành phát huy Bi - Trí - Dũng và Tâm Hòa Đồng từ hội nhập vào thể sự đến hòa nhập tâm thức nhân sanh mà khai thị thức giác.

Tu là sửa! Chúng ta đang sống với vọng ngã nơi cõi hữu vi thì việc đầu tiên là nương theo vọng ngã - nương theo ngã tướng qua các sự việc, qua các hình thái sinh hoạt hằng ngày mà gội rửa và thanh lọc ngã tướng, gội rửa và thanh lọc tâm - ý - ý thức thanh sạch. Đây là hướng tu tập nương theo hiện tượng giới tướng qua sự sống nơi cõi thể nhằm khai thông điểm kẹt nơi tâm. Nơi hiện tượng giới tướng không có mình bị trôi lăn theo tuy rằng mình đang sống cùng mọi hiện tượng giới tướng luôn thay đổi. Chỗ này, Đức Thầy đã từng dùng tướng đối tướng nhằm khai thị tri và hành cho các pháp hữu.

Các vị tu thiền làm phương tiện đi vào thanh tịnh, tức là đi dần vào: Lìa bỏ mọi sự cầu vọng tưởng cảnh giới, lìa bỏ hết nhất thiết ngoại tướng nơi tâm, lìa bỏ tâm - ý - ý thức. Tu thiền không có nghĩa là chỉ chuyên lo tọa thiền - ngọa thiền hay các pháp công phu đã được học, mà là luôn vững tình trạng công phu trong mọi sinh hoạt bình thường của một nhân sanh, thì mọi hiện tượng giới tướng nơi tâm tự tịch tĩnh ngay nơi sự việc - ngay nơi sinh hoạt bình thường hằng ngày. Đây là hướng lìa hiện tượng giới tướng nơi tâm đi vào tịch tĩnh ngay nơi thế sự. Nơi tâm mình không bị động vì các hiện tượng giới tướng tác động. Chỗ này, Đức Ngài đã dạy: “Tất cả phải đi vào cõi hư không, tịch tĩnh trong mọi sinh hoạt. Đó là sự tu thiền!”

Kết hợp 3 điểm vừa trình bày vào trau dồi đức hạnh chính là mở dần công đức hữu vi và công đức vô vi, góp phần hoàn thiện kho tàng A Lại Da Thức, mở dần Đức Tánh Thanh Tịnh, sống dần với Định Lực Tự Tại chính là Thật Ngã! Kiến Tánh - Phật Tánh - Chơn Như Bản Tánh hiện hữu nơi sự sống đời thường của mỗi nhân sanh!

Thưa các vị! Các vị trải qua tận lực - chuyên cần tu tập đều nhận thấy rằng: Tuy Đức Ngài đã mở sẵn con đường, ban sẵn Thánh Giáo, nhưng chúng ta thật hiểu hay không thật hiểu những gì được ban là do chỗ thật tâm hành dụng hay không thật tâm hành dụng. Biết 1 chúng ta hành 1, biết 2 chúng ta hành 2; phát huy hết cái tốt của mình vì bản thân - vì nhân sanh - vì Đạo Pháp mà vẫn chưa thật sự thông sáng những gì mình muốn tỏ tường, chắc chắn rằng trong vô vi Ở Trên hay Đức Ngài - Đức Vua Cha sẽ mở chìa khóa cho chúng ta tiếp tục hành trình như Đức Ngài đã dạy trong Thánh Giáo. Từng bước tiến tu cũng là từng bước Ở Trên mở khóa theo tiến trình hành dụng khai sáng Tâm Pháp theo mức độ phát triển tâm linh của mỗi chúng

ta. Những chìa khóa nơi Thánh Giáo lần lượt được mở ra qua hành dụng của chính mình chứ không phải do nơi tri kiến hay ngôn ngữ trình bày như một giáo lý hoàn chỉnh.

Vào năm tháng sắp hồi vị, Đức Ngài truyền ban các pháp hữu Pháp tu tập của các Đấng Thế Tôn và lưu lại hậu thế “Con Đường Sống”. Sau khi hồi vị, Đức ngài vẫn ban Pháp đến từng vị một qua chỗ hành dụng từng bước khai sáng Tâm Pháp chứ không phải bằng ngôn từ truyền dạy như khi Đức Ngài còn tại thế.

Thế nên, có thể nói rằng đường nhập thế độ sanh mà Đức Ngài Pháp Chủ và Đức Thầy Từ Minh Đạt mở ra ban cho nhân sanh chính là đường nhập thế khai tâm xuyên qua hành dụng, là đi vào lẫn lộn trong hạnh của nhân sanh để tự độ mình và độ người ; đồng thời cũng là hướng: “Tu ngã tướng, tu hữu tướng, học Đức Tánh Thanh Tịnh đi vào Thân chứng lý Vô Ngã - Thể ngộ pháp Vô Sanh!” Vậy Đồi Tròn - Đạo Hiện - Pháp Ứng mở ra cho chúng ta Đồi Tròn Đạo Hiện Chơn Như sống với bản thể Bất Sanh Bất Diệt!

Từ đây, đặt mình vào vị trí này, chúng ta sẽ nhận ra: Vô minh và trí huệ như nhau! Ngã và vô ngã khác chi đâu! Đồi chính là Đạo và Đạo chính là Đồi! Minh bạch tỏ tường thì có chi là giải thoát trần gian sanh tử hay lo tìm về Niết Bàn an lạc! Chỉ tại tâm mình chưa thanh sạch, mang nhiều vọng niệm nên vướng mắc đó thôi. Phải biết, thế gian là trường thi tiến hóa cho mỗi chúng ta tu học là vậy!

Thưa các vị! Khai Tâm Điển Pháp trình bày qua trao đổi thông tin của các pháp hữu với nhau nhằm góp phần cởi bỏ vướng mắc trên đường tu học theo từng thời điểm mà Đức Thầy Từ Minh Đạt đã mở sáng cho các pháp hữu chúng ta. Nội dung Khai Tâm Điển Pháp

được trình bày không theo trình tự như giáo trình mà đôi khi còn lặp lại qua các bài, một vài điểm có hướng trình bày không giống nhau là do tiến trình mở tâm và những thí dụ giúp sáng tỏ thêm, đa số là có thật đã diễn ra nơi Pháp Đạo. Được sự cho phép của Đức Thầy Từ Minh Đạt, chúng tôi thành thật tri ân:

Các vị huynh trưởng đã tận tâm truyền lại những gì mà Đức Ngài đã dạy qua truyền khẩu.

Các vị pháp hữu từ khắp nơi trên thế giới đã gởi bài, tài liệu và cho ý kiến về những gì mình trải qua theo tiến trình tu học.

Các vị pháp hữu qua các buổi sinh hoạt tại hải ngoại với những lời thỉnh Pháp đã được Đức Thầy chỉ dạy.

Các vị pháp hữu trong Ban Biên Tập và Khối Tuyên Huấn đã góp phần làm nên Khai Tâm Điển Pháp này.

Sau hết, chúng con kính tâm dập đầu đảnh lễ Đức Ngài Pháp Chủ và Đức Thầy Từ Minh Đạt từng bước khai tâm chúng con trên đường thể nhập Điển Linh Quang của Thượng Đế và thành tâm kính mong Đức Ngài Pháp Chủ và Đức Thầy Từ Minh Đạt ân xá - chỉ dạy cho những lỗi lầm khi viết lại các bài này theo khả năng có giới hạn của chúng con. Nam Mô A Di Đà Phật!

Mến chào các vị!
Ban Biên Tập TCQN.

TÂM - Ý - Ý THỨC

Tâm - Ý - Ý Thức, bài viết trình bày theo vạn pháp duy thức với điểm nhìn từ Duy Thức học. Điều này là một sự khó chấp nhận vì lời Đức Ngài xuất phát từ Bạc Minh Sư xuất thế hay đúng hơn là Hóa Thân Phật trong khi chúng ta đang lặn hụp nơi dòng sông tâm thức. Tuy nhiên, TCQN không ngần ngại với khả năng có hạn, tìm hiểu vài điểm chính có quan hệ mật thiết trên đường tu học Vô Vi Quy Nguyên Pháp khả dĩ có thể một phần nào giúp hiểu lời Đức Ngài.

Mỗi nhân sanh đều sẵn có Tâm - Ý - Ý Thức với 8 sự thấy biết:

1. Nhãn Thức.
2. Nhĩ Thức.
3. Tỉ Thức.
4. Thiệt Thức.
5. Thân Thức.
6. Ý Thức.
7. Ý hay Mạt Na Thức.
8. Tâm hay A Lại Da Thức.

Ngũ Thức: 5 thức đầu.

Lục Thức: 6 thức đầu.

Bát Thức: Gồm cả 8 thức, còn gọi Bát Thức Vô Minh.

I. Ngũ Thức:

Nơi thân người có 5 căn:

1. Nhãn Căn: Mắt
2. Nhĩ Căn: Tai
3. Tỉ Căn: Mũi
4. Thiệt Căn: Lưỡi
5. Thân Căn: Thân Thể

Đối tượng tiếp xúc của 5 căn là 5 trần:

- Sắc Trần: Hình thể, hình ảnh, cảnh giới, màu sắc.
- Thinh Trần: Âm thanh.
- Hương Trần: Mùi hương (ngửi).
- Vị Trần: Mùi vị (nếm).
- Xúc Trần: Sự tiếp xúc va chạm.

Sanh ra 5 thức hay Tiền Ngũ Thức:

- Nhãn tiếp xúc với Sắc sanh ra Nhãn Thức.
- Nhĩ tiếp xúc với Thinh sanh ra Nhĩ Thức.
- Tỉ tiếp xúc với Hương sanh ra Tỉ Thức.
- Thiệt tiếp xúc với Vị sanh ra Thiệt Thức.
- Thân tiếp xúc với Xúc sanh ra Thân Thức.

Năm căn tiếp xúc với 5 trần sanh ra 5 thức có thể tạm chia làm 2 giai đoạn: (1) Giai đoạn đầu là trực nhận trần cảnh, tức là khả năng trực giác (chưa có phân biệt của thức) khi chưa có ý thức hợp tác. (2) Giai đoạn sau là phân biệt trần cảnh, tức là khả năng thấy biết phân biệt của 5 căn khi có sự hợp tác của ý thức.

Vấn tắt: Năm căn còn gọi là Nhân Căn. Năm Trần còn gọi là Duyên Trần. Nhân và Duyên tiếp xúc sanh ra Thức. Hay: Ngũ Thức do Nhân Duyên hình thành, còn gọi là Pháp Duyên Sanh.

II. Ý Thức:

A. Sự phát sanh Ý Thức:

Tương tự như Ngũ Thức: Từ Tiền Ngũ Thức gọi là Pháp Trần làm Duyên, lấy Mạt Na Thức làm Nhân, Nhân và Duyên tiếp xúc giao cảm sanh ra Ý Thức.

Nói cách khác: Ý Thức lấy chỗ nương tựa là Mạt Na Thức làm Nhân căn, lấy đối tượng là Tiền Ngũ Thức làm Duyên Trần mà sanh ra.

Cho nên: Mạt Na Thức còn gọi là Ý Căn (Nhân). Tiền Ngũ Thức còn gọi là Pháp Trần (Duyên). Ý căn tiếp xúc giao cảm Pháp Trần sanh ra Ý Thức.

B. Ý Thức và 5 căn:

Năm căn vốn trống không, tự nhiên, không tốt không xấu. Năm căn tiếp xúc trần cảnh là trực nhận trần cảnh, ngay khi đó chưa có sự phân biệt hiện ra. Năm căn tiếp xúc trần cảnh có sự hợp tác của ý thức mới sanh ra phân biệt. Do quen sống với ý thức mà 5 căn hoạt động theo hướng dẫn của Ý Thức.

Thí dụ: Mắt nhìn quyển sách. Khi chưa có ý thức hợp tác, mắt vẫn thấy bình thường nhưng chưa có ý nghĩ ham thích, chê bai, tốt xấu. Khi ý thức hiện đến với ý thích thì hướng dẫn tay bắt lấy để xem hay mua đem về làm của với sự ham thích. Khi ý thức hiện với ý không ham thích thì mắt và tay lơ đãng hay tỏ vẻ không thích.

Để dễ hiểu: Giai đoạn chưa có ý thức hiện có thể xem như lúc đang công phu không có vọng niệm khởi nơi tâm trí. Ý thức khởi là phát sanh vọng niệm (và có thể tiêu trừ vọng niệm bằng vận chuyển Thông Quang).

Trong phạm vi 5 căn, ý thức hiện theo mỗi đối tượng.
Thí dụ: Ý thức hợp tác với mắt thì say đắm phong cảnh hữu tình hay sắc đẹp. Ý thức hợp tác với tai thì thích nghe âm thanh êm dịu nhẹ nhàng.

Thấy được sự khác biệt khi có ý thức và khi không có ý thức hợp tác là bước đầu dự phần tập tự chủ chiều hướng vọng khởi trước đối cảnh.

C. Ý thức hướng dẫn tiền ngũ thức:

Từ ý thức đi vào lời nói và việc làm hay ý thức đi vào sự hiện diện của 5 căn nên có câu: “Tư tưởng chỉ đạo hành động!”

Trong suốt thời gian thật nhanh và ngắn từ khi 5 căn tiếp xúc với 5 trần sanh ra 5 thức, trải qua 2 giai đoạn: Giai đoạn tiền ngũ thức: Năm căn tiếp xúc 5 trần thì ngũ thức hiện là tự nhiên giống như chiếc gương phản chiếu ảnh của một vật. Giai đoạn này là tiền ngũ thức. Năm căn có khả năng soi thấy nhưng chưa phân biệt và không gọi là vọng khởi hay vọng niệm.

Giai đoạn khởi niệm do ý thức: Giai đoạn này có ý thức hợp tác tùy theo đối tượng của mỗi căn mà khởi niệm. Niệm khởi không hạn lượng, ý thức thiên biến vạn hóa nên còn gọi là tâm viên ý mã.

Ý thức khởi niệm có thể quy vào 3 khuynh hướng chính:

1. Nơi phàm nhân khởi vọng niệm chạy theo phàm ngã như tham, sân, si, ái.
2. Nơi người thức tâm tu hành, khởi niệm hướng Bát Chánh Đạo, hướng thiện, hướng thượng, quay về với Đạo Pháp.
3. Nơi bậc thánh nhân khởi niệm Tứ Vô Lượng Tâm: TỪ - BI - HỖ - XÃ và BI - TRÍ - DŨNG để đi vào hành pháp cứu độ quần sanh.

Do đó, chỗ yếu quyết để chuyển tâm là giai đoạn này. Sự cách biệt phàm / thánh cũng từ đây!

D. Phân loại ý thức:

1. Ý thức lý trí và ý thức tình cảm:

Ý thức là hoạt động của tâm thức nội tại, hiện lên qua 2 phương diện:

1. Ý thức lý trí và ý thức tình cảm:
2. Ý thức là hoạt động của tâm thức nội tại, hiện lên qua 2 phương diện:

Ý thức tình cảm: Hiện diện nơi người sống theo tình cảm, như: Vui mừng, giận hờn, buồn bã, lo sợ, thương yêu, ghen ghét và những ham muốn danh lợi tình hay tửu sắc tài khí. Nơi người này, tình cảm chi phối lý trí. Lý trí hiện lên theo chiều hướng đáp ứng thỏa mãn cho tình cảm

Ý thức lý trí: Hiện diện nơi người sống dựa vào nhận xét, suy nghĩ, phân tích, lựa chọn phải trái, đúng sai. Nơi người này, lý trí chi phối tình cảm. Xử dụng tình cảm theo chiều hướng phụng sự cho lý trí.

Dù là người quan niệm nhân sinh theo nội tâm, ngoại cảnh, quá khứ, hiện tại, tương lai hay một tổng hợp cũng đều có sự hiện diện của lý trí và tình cảm. Đó là dòng thức sống!

2. Thế mạnh của ý thức tình cảm:

Nơi người bình thường sống với phàm ngã thì ý thức tình cảm hướng dẫn ý thức lý trí. Đây là thế mạnh tự nhiên của ý thức tình cảm đáp ứng theo phàm ngã hiện diện nơi đại đa số nhân sanh. Ý thức tình cảm này hiện lên một cách tự động trong vị thế thụ động. Thí dụ: Đột nhiên có người đến mở lời thô bạo với mình thì cơn giận tự động hiện ra. Sự tự động hình hành cơn giận là loại ý thức tình cảm. Nếu như không có sự can thiệp của ý thức lý trí chế ngự thì ý thức tình cảm hướng dẫn 5 căn hành động đáp trả.

Tính cách tự động của cơn giận xuất phát từ khuynh hướng chấp ngã của ý. Khuynh hướng chấp ngã này có nguồn gốc từ một tổng hợp sau cùng của các chủng

tử nơi A Lại Da Thức. Các chủng tử này là nguyên nhân và là nơi để dựa của ý.

3. Nơi người thức tâm hướng về Đạo Pháp thì ý thức lý trí hướng dẫn ý thức tình cảm:

Khi đến với Đạo Pháp học hỏi, nhận thức được tình cảm bất thường nơi bản thân và thể nhân nên tìm cách loại bỏ dần sự hiện diện của tình cảm bất thường mà hướng về lý trí để nhận ra giá trị chân chính cho hướng đi.

E. Ý thức phát sanh tùy thuộc vào khuynh hướng của Mạt Na Thức:

Mạt Na Thức có nhiều khuynh hướng như: Thiện, bất thiện, quảng đại, hẹp hòi. Ý thức hiện lên theo Mạt Na Thức. Thí dụ: Một người sẵn có lòng quảng đại, luôn nhìn mọi việc xảy đến với lòng cởi mở, cao thượng. Lòng quảng đại là khuynh hướng của Mạt Na Thức, gọi là nhân căn Mạt Na Thức. Nếu nhân căn Mạt Na Thức hẹp hòi thì ý thức phát sanh ý nghĩ vị kỷ cá nhân.

Cho nên, nhân căn Mạt Na Thức là nguyên nhân và điểm tựa cho ý thức phát sanh phàm ngã.

F. Ý thức là nhân tố hình thành nghiệp:

Ý thức khởi là đủ để tác nghiệp gọi là ý nghiệp. Ý thức khởi hướng dẫn thân - khẩu đi vào hoạt động là có thân nghiệp, khẩu nghiệp, là có nghiệp quả: Khởi ý thức thiện thì nghiệp thiện. Khởi ý thức bất thiện thì nghiệp bất thiện. Không khởi ý thức thì nghiệp không sanh.

Mức độ nghiệp tùy thuộc mức độ tác ý mạnh yếu: Cùng một việc bất thiện nhưng nếu chủ ý cố tình làm thì nghiệp nặng hơn. Do đó, ý thức là chủ tạo nghiệp và hướng dẫn 5 căn tạo nghiệp.

G. Ý thức là chủ thể hiện ngã tướng:

Qua vài trường hợp vừa nêu trên đây, có 2 điểm nổi bật:

1) Ý Thức đi vào 5 căn hiện bày phạm ngã hay ngã tướng. Trong hiện tại, mọi hoạt động hằng ngày do ý thức hướng dẫn.

Thí dụ: Khi đi đường hay viếng cảnh gặp cảnh hoa đẹp, liền dừng chân thưởng thức cho thỏa sở thích.

Khi quyết định chọn một ngành học, chọn một việc làm hay quyết định bước vào Vô Vi Quy Nguyên tu học đều do ý thức mở đường.

Trong hiện kiếp, mọi hoạt động của con người do ý thức chủ động. Kết quả hoạt động này là Nhân Hiện Kiếp cho Quả Lai Sinh.

2) Vì thế, từ ý thức làm hiện lên ngã tướng qua hoạt động hằng ngày. Sự hình thành ngã tướng này do 2 nguyên nhân:

Từ ý đi vào hoạt động 6 thức,
Từ ngoại cảnh tác động ý thức.

Thí dụ 1: Đi đường gặp phong cảnh hữu tình, liền dừng chân ngắm cho thỏa mắt giác quan. Đó là do ý đi vào sự hoạt động của 6 thức làm nên ngã tướng.

Thí dụ 2: Tình thức trước cuộc đời là nơi địa ngục đầy đau khổ, đi tìm lý thanh cao của Đạo Pháp và quyết tâm sống với Đạo Pháp. Đó là ngoại cảnh tác động vào ý thức và làm chuyển đổi khuynh hướng của Mạt Na Thức. Có thể nói trong trường hợp này Mạt Na Thức dự phần vào ý thức như là một.

III. Ý:

Thứ 7 hay Mạt Na Thứ. Ý có thể hiện qua 5 khuynh hướng:

A. Khuynh hướng chấp ngã (phàm ngã, ngã tướng):

Con người sinh ra đi vào cuộc sống bình thường đều nhận rằng: Thân này là thật của mình. Tâm này là thật của mình. Mọi cảnh vật thế giới xung quanh là thật. Đây là gốc sanh ra “cái ta” và “cái của ta”!

Khuynh hướng chấp ngã thể hiện qua 4 điểm:

- Ngã kiến: Ý tưởng, ý kiến của mình là hơn hết và không cần tìm hiểu thêm hay học hỏi cầu tiến.
- Ngã si: U mê, tăm tối, không tự biết bản tánh chân thật.
- Ngã mạn: Tự cao, khoe khoang, cho mình là hơn hết.
- Ngã ái: Lòng thương mình, muốn mình được yêu quý hay kính trọng.

Khuynh hướng chấp ngã có nguồn gốc từ chủng tử nghiệp nơi A Lại Da Thức: Ý lấy A Lại Da Thức như điểm tựa và nguyên nhân hình thành phàm ngã làm thế đứng, làm chỗ quy hướng về, làm chỗ quy chiếu về của ý.

Khi con người chết, các thức quy về A Lại Da Thức, ý nhập vào A Lại Da Thức. Sự đầu thai do nơi A Lại Da Thức quyết định hướng dẫn tùy theo chủng tử nghiệp để hình thành thân nghiệp. Cho nên, còn có thể nói theo hiện kiếp: Ý là cội rễ chấp ngã vì nó trực tiếp đi vào sự hiện hành của 6 thức làm nên phàm ngã con người thế gian.

B. Khuynh hướng đi vào hoạt động của 6 thức:

Ý là chỗ dựa của ý thức. Nên các khuynh hướng của ý đi vào hoạt động của ý thức và tiền ngũ thức: Ý hẹp hòi đi vào hoạt động vị kỷ, ý hướng thiện đi vào hoạt động thiện.

Bình thường, ý đi vào 6 thức với phạm ngã như tham - sân - si - ái và ý thức tình cảm chi phối ý thức lý trí, lý trí đáp ứng theo phạm ngã.

Sự đi vào hoạt động của 6 thức thể hiện khuynh hướng của ý. Khuynh hướng này có điểm tựa mà Nhân là một tổng hợp sau cùng của các chủng tử nơi A Lại Da Thức.

C. Khuynh hướng nắm lấy và làm trung chuyển:

Ý thức hiện lên suy tính, nhận xét hay thể hiện qua 5 căn thì ý đem vào và chuyển đến A Lại Da Thức như kho tàng chất chứa. Thí dụ: Một hành vi thiện do ý thức hướng dẫn là thiện nghiệp vừa tạo nên, được đi vào ý và ý chuyển thẳng vào kho tàng A Lại Da Thức thành chủng tử nghiệp thiện lưu lại nơi đó.

D. Khuynh hướng thọ nhận sự huân tập hay trưởng dưỡng từ ý thức:

Khi làm việc thiện, ý thức trưởng dưỡng cho khuynh hướng thiện. Khi làm việc bất thiện, ý thức huân tập gia tăng tiềm lực bất thiện của ý, tăng thêm tính ích kỷ hẹp hòi của phạm ngã. Như vậy, sự hoạt động của 6 thức đi vào chuyển đổi hay gia tăng chiều hướng của ý.

Người học Đạo trong bước đầu nhìn vào tâm, lấy tâm làm căn bản để tu sửa là dùng ý thức lý trí, soi vào ý chuyển hóa chỗ phạm ngã hay ngã tướng, là đem ánh sáng Đạo Pháp soi rọi chuyển hóa tận gốc cái chấp ngã này. Chủng tử A Lại Da Thức chuyển đổi theo, tức thời đồng loạt Tâm - Ý - Ý Thức đồng chuyển hóa.

E. Khuynh hướng thuận theo chủng tử A Lại Da Thức:

A Lại Da Thức là nơi tập hợp các chủng tử được hình thành bởi hoạt động từ vô số kiếp đã qua và từ các hoạt động trong hiện kiếp của thân - khẩu - ý thức.

Tổng hợp tất cả chủng tử từ thiện đến bất thiện hiện diện nơi A Lại Da Thức thành một tổng hợp sau cùng, sau khi đã bù trừ thêm bớt từ chỗ thiện đến bất thiện đã có từ vô số kiếp đến nay. Cái tổng hợp sau cùng có thể là thiện hay bất thiện. Ý thuận theo cái tổng hợp sau cùng này. Thí dụ: Nếu tổng hợp tất cả các chủng tử từ vô số kiếp đến nay là hạt giống bất thiện thì ý gia tăng thêm tiềm lực chấp ngã sẵn có như vị kỷ, hẹp hòi, tham lam.

Vấn tắt:

Từ các khuynh hướng trên, có thể tóm tắt như sau: Với vị trí đứng giữa, ý chịu ảnh hưởng từ 2 phía: (1) A Lại Da Thức đi ra, (2) Lục thức huân tập vào. Thật ra, ý như một vị trung gian mà nhu nhược theo câu: “Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng.” Các khuynh hướng này hoàn toàn không có khả năng tạo nghiệp, có chăng là do ý thức. Do đó, không chi lấy làm lạ khi tâm tánh hay tư tưởng con người thay đổi thường xuyên qua vai trò trung gian điều hòa của ý.

IV. Tâm:

Thức thứ 8 hay A Lại Da Thức. Ở đây, Đức Ngài dạy là Tâm - Ý - Ý Thức, chỉ vào “vạn pháp duy thức” hay “vạn pháp do tâm hiện”! Nên, Tâm là Tâm A Lại Da Thức hay Tâm Thức.

A Lại Da Thức có 4 đặc điểm:

1. Thọ nhận tất cả chủng tử nghiệp từ vô số kiếp đến nay.
2. Là nơi chứa tất cả chủng tử này.

3. Vận hành các chủng tử này theo luật nhân quả.
4. Với 3 đặc điểm trên, A Lại Da Thức còn là điểm tựa cho ý và là nguyên nhân dự phần vào chỗ quy hướng chấp ngã của ý; tức là, ý hình thành cái tự thể chấp ngã giả tạm để làm chỗ quy chiếu như một thể đứng.

Các đặc điểm này đã trình bày nơi ý và ý thức. Ở đây đi thêm vào 2 điểm:

A. Tâm A Lại Da Thức - nơi chứa các chủng tử và vận hành theo luật nhân quả:

Từ chỗ đi vào vô minh, nhiễm ngũ hành mà A Lại Da Thức là nơi chứa các chủng tử nghiệp của mỗi chúng sanh từ vô số kiếp nên còn gọi là Tàng Thức hay Hàm Tàng Thức.

Các chủng tử này chuyển hóa theo định luật nhân quả mà phát sanh ra thân nghiệp và các pháp tương ứng do tâm, nên còn gọi là Sinh Khởi Tâm. Cho nên, A Lại Da Thức là Nhân xuất sanh tất cả pháp: Thọ nhận chủng tử làm Nhân, sinh ra các pháp hiện hành là Quả.

Sự vận hành chuyển hóa Nhân nơi A Lại Da Thức tùy thuộc vào một sự tổng hợp cuối cùng của các chủng tử. Thí dụ: Cái thân mà mình đang mang đây là Thân Nghiệp được sanh ra từ các chủng tử nghiệp hiện hành nơi A Lại Da Thức và do A Lại Da Thức dẫn đi đầu thai theo luật nhân quả tương ứng với một tổng hợp các chủng tử.

Chính chỗ hình thành nên thân căn và vạn pháp xuất phát từ A Lại Da Thức làm cứ điểm, nên A Lại Da Thức chính là nơi nương tựa cho ý thức và ngũ thức hoạt động. Như vậy, 6 thức đầu tiên tồn tại và hoạt động là nhờ A Lại Da Thức. Thân căn và hiện tượng pháp giới là biến tướng, là sản phẩm của A Lại Da Thức.

B. A Lại Da Thức là chìa khóa mở cửa sanh tử và Niết Bàn:

Tự thể A Lại Da Thức:

A Lại Da Thức vốn không thiện không ác. Tự thể hay bản thể tự nhiên, trong sáng, thuần khiết như một tấm gương hoàn toàn thanh sạch. A Lại Da Thức là kho chứa chủng tử nghiệp từ vô số kiếp nên A Lại Da Thức cũng là kho chứa cả Tâm - Ý - Ý Thức và tự thể bị che khuất còn gọi là nhiễm trược hay nhiễm ngũ hành.

Đức Ngài dạy thêm: “A Lại Da Thức chính là chìa khóa mở cho các thức, cũng là tòa nhà cho các thức trụ. (Nhãn, Nhĩ, Tỉ, Thiệt, Thân, Ý (Ý Thức) và Mạt Na Thức).” “Nếu những thức này, không thâm nhập ngũ hành thì tất cả trống không. Vì vậy, ta mới nói là NHẤT DUY, sự mộng ảo không còn, tâm chơn như xuất hiện chiếu sáng khắp nơi nơi, thông suốt vạn vật muôn loài...”

Chìa khóa mở cửa:

Hoạt động thân - khẩu - ý thức đi vào A Lại Da Thức huân tập chủng tử nghiệp. Từ A Lại Da Thức đi ra ý và 6 thức hoạt động:

Chủng tử nghiệp mở cửa cho các thức hoạt động và tiếp tục tạo nghiệp đi trong sanh tử. Sự hàm chứa một tập hợp chủng tử nghiệp phức tạp theo tiến trình tu học sẽ dứt, trả lại bản thể trong sáng tự nhiên của Tâm A Lại Da Thức. Nói khác đi, song song với công phu làm phương tiện đi vào thanh tịnh là “Khai Tâm Hành Thiện” chuyển hóa các chủng tử thành toàn chủng tử thiện hay chủng tử vô lậu.

Chủng tử vô lậu mở cửa các giác quan hoạt động theo chân trí. Chủng tử vô lậu chỉ cho hoạt động của các thức không bị ngũ hành thâm nhập như khéo giữ bát chánh cho nhuần, hành thiện hạnh mà không có sự tham dự của ý thức phân biệt. Chủng tử vô lậu mở cửa đi vào Cội Quả Bồ Đề.

Chân Trí hay Tự Giác Thánh Trí là Trí Vô Phân Biệt, vốn tiềm ẩn nơi mỗi người, do sống chìm trong Tâm - Ý - Ý Thức nên chưa nhận ra. Lấy Chân Trí làm nhân giúp Diệu. Hạnh đi vào sống với chơn giác. Tâm bình thường là Đạo. Tánh bình thường là Tánh Giác và sống với nhau bằng Tâm Chơn Như.

Vậy, lìa Tâm - Ý - Ý Thức là chuyển Bát Thức Vô Minh thành Tự Giác Thánh Trí (trở về Tự Thể A Lại Da Thức).

Điều này sáng tỏ chỗ “Đạo Pháp nằm trong tám thân với tất cả tâm hồn và thể xác, chứ không xa đâu cả” và “Đừng xa rời Ngã Tướng, duyên theo Ngã Tướng ta mới được Chơn Như.”

V. Tương quan Tâm - Ý - Ý Thức:

A. Vai trò điều hòa ổn định tinh thần của Ý:

Ý đi vào sự hoạt động của 6 thức nên ý hiện hành nơi 6 thức, tức là dự phần vào Ý Thức.

Ý lấy A Lại Da Thức làm chỗ dựa và thuận theo chủng tử nên Ý dự phần vào A Lại Da Thức.

Với vị trí trung gian, ý giữ vai trò điều hòa giữa A Lại Da Thức và Ý Thức, đem lại sự cân bằng ổn định đời sống tinh thần nhờ dòng tâm thức lưu hành. Thí dụ: Với người bình thường sống nghiêng về tình cảm, khi ý thức cuộc đời nhiều khổ vì tình cảm thì bỏ dần tình

cảm nghiêng về lý trí suy xét, phán đoán để tìm lẽ phải và từ đó thức tâm tu hành.

Ý thức lý trí chế ngự tình cảm, đi vào hướng thiện, hướng thượng là bước vào con đường từ bỏ ý thức hướng hạ. Từ đó, gia tăng chủng tử thiện và bước vào gọi rửa dần ô trược nơi tâm.

Trong cả 2 trường hợp từ chỗ nặng tình cảm rồi nghiêng về lý trí, ý giữ vai trò điều hòa theo chiều hướng:

Hoặc là thuận theo tổng hợp cuối cùng sẵn có nơi A Lại Da Thức hay thể hiện cái ngã qua hoạt động của 6 thức, cả 2 đều thể hiện khuynh hướng chấp ngã của ý. Hoặc chuyển tâm thức giác do từ ý thức đi vào hình thành nên khuynh hướng hướng thiện cho ý và gieo chủng tử chuyển hóa A Lại Da Thức.

Trong cả 2 trường hợp, ý giữ vai trò điều hòa dòng tâm thức từ ý thức vào A Lại Da Thức và từ A Lại Da Thức ra Ý Thức. Sự hiện hành 2 chiều của dòng tâm thức là yếu tố ổn định tinh thần - tư tưởng.

B. Sự gọi rửa phàm tánh:

1) Dòng Tâm Thức lưu hành qua vô số kiếp:

Từ thí dụ trên cho thấy sự hình thành tâm tánh con người thể hiện qua 6 thức do vai trò của Mạt Na Thức làm nên dòng tâm thức. Dòng tâm thức này có cứ điểm nương tựa là chủng tử nơi A Lại Da Thức và trải qua vô số kiếp luân hồi. Do đó, phàm tánh sẵn có của mỗi người như Tham - Sân - Si - Ái, tuy biết và muốn từ bỏ phải có thời gian dài tu tập thanh lọc mới có thể gọi rửa sạch dần, có thể trải qua nhiều kiếp.

Thí dụ: Lòng tham.

Bước đầu có thể tập tự chủ 5 căn không tham qua hoạt động của thân. Dần dần có thể tự chủ và từ bỏ cái tham phát sanh từ ý thức, nhưng sự tiềm ẩn khuynh hướng tham nơi Ý vẫn hiện ra nếu có dịp mà gốc lại là chủng tử nơi A Lại Da Thức. Chỉ có chuyển hóa tận gốc và thanh lọc A Lại Da Thức mới dứt tham.

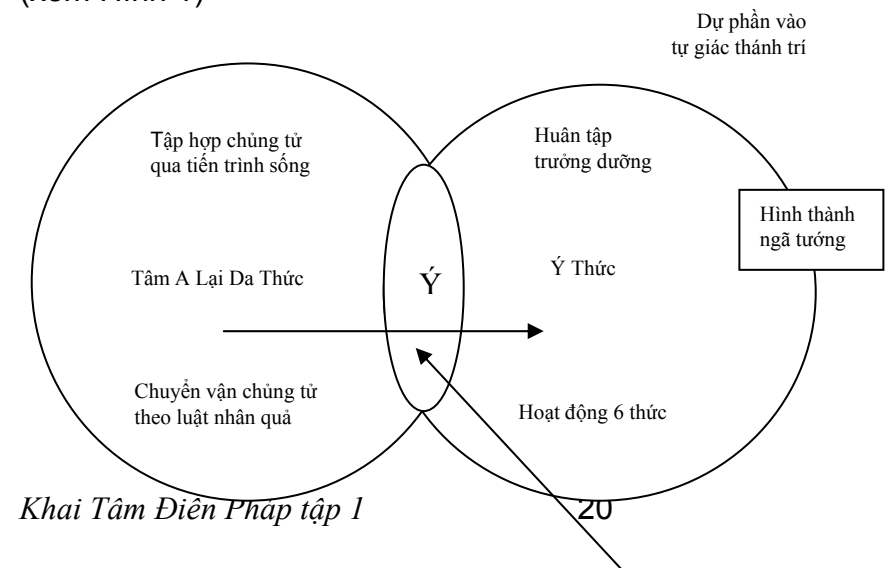
2) Sự tác động 2 chiều của dòng Tâm Thức:

Từ A Lại Da Thức có nhân là chủng tử nghiệp, hình thành nên tâm tánh với 6 thức hoạt động theo ngã tướng.

Từ ý thức đi vào với người thức tâm tu học, chuyển phàm ngã mất dần nhường chỗ cho trí giác và chuyển dòng Tâm Thức dự phần vào Tự Giác Thánh Trí, chuyển đổi tận gốc chủng tử nghiệp nơi A Lại Da Thức.

Do đó, “TU là sự gội rửa thanh lọc. Không những gội rửa và thanh lọc về hành động, tư tưởng mà còn ở sự gội rửa trong tâm thức nữa.” (Lời Thầy Từ Minh Đạt)

C. Lược Đồ Tương Quan Tâm - Ý - Ý Thức: (xem Hình 1)



D. Tính Thuần Nhất của Tâm:

Nơi mỗi người: Mỗi tư tưởng hiện lên, mỗi lời nói phát ra, mỗi hoạt động của thân đều xuất phát từ Tâm - Ý - Ý Thức hay Tâm Thức, nói gọn là Thức.

Từ Tâm Thức đi ra có: Bát Thức, ngũ uẩn, 12 nhân duyên, các pháp phương tiện tu học, mê / ngộ, chơn / vọng, sanh tử / Niết Bàn, phàm / thánh, chúng sanh / Phật,... ..

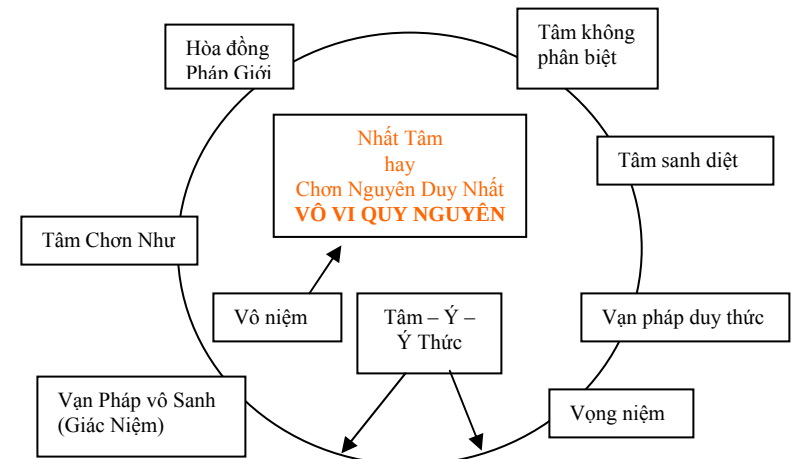
Do chỗ chạy theo tâm thức với các pháp nhân duyên mà nhân sanh mang vào tâm và sống với nó để rồi lọt vào nhân quả luân hồi.

Đức Ngài dạy là Tâm - Ý - Ý Thức là thuận theo dòng tâm thức của nhân sanh để làm hiện rõ các thức phân biệt do nhân duyên hòa hợp giúp nhân sanh nhận ra: “Vạn pháp duy thức” hay “vạn pháp duy tâm tạo”, để từ đó nương theo thức, nương theo ngã tướng mà trở về Chơn Nguyên Duy Nhất hay Nhất Tâm. Đức Ngài dạy: “Nhất Tâm lập ra 2 môn: Tâm Chơn Như và Tâm Sinh Diệt. Nhất Tâm là nguồn gốc của Mê và Ngộ.”

“Đã theo sinh diệt môn để làm cho rõ những pháp do duyên khởi sai biệt thì những pháp ấy đều do duy thức sở hiện, cho nên nói rằng vạn pháp duy thức. Song cái thức chỉ là mộng ảo mà thôi. Duy chỉ có nhất tâm, tâm tịch mà tu, chân vọng đều là cả tức là Tự Giác Thánh Trí, lý do mà thành lập cái chân duy thức lượng.”

Vậy, con đường mở ra thật quang minh: Chuyển Tâm - Ý - Ý Thức trở về Nhất Tâm hay Chơn Nguyên Duy Nhất tức là trở về Nguồn Cội là Điểm Linh Quang của Thượng Đế.

E. Lược Đồ Tính Thuần Nhất của Tâm:
(xem Hình 2)



VI. Kết luận: Điều Ngữ của Đức Ngài!

Sau khi tìm hiểu Tâm - Ý - Ý Thức với tác động tương quan hình thành dòng Tâm Thức lưu hành đi trong sanh tử qua vô số kiếp mà nhân sanh nương theo, chạy theo, bám mình như món ăn phải có để nuôi thân tâm trưởng dưỡng thêm vô minh cho thấy rằng tất cả chỉ là mộng ảo: 8 thức do nhân duyên sanh khởi. Vạn pháp do Tâm - Ý - Ý Thức tạo.

Điểm sống luôn hiện diện nơi thân tâm dẫn vào mọi hoạt động mà nhân sanh phải THỨC và đặt ra ngoài con đường phàm tánh vì:

- Thức không phải là mình.
- Thức không phải là của mình.
- Thức không phải là Thật Ngã của mình.

Vì sao?

Nếu các thức không thâm nhập Ngũ Hành thì tất cả trống không! Tức: Nhãn căn, Nhĩ căn, Tỉ căn, Thiệt căn, Thân căn, Ý căn và Mạt Na căn đều trống không.

Con đường là Tâm - Ý - Ý Thức tách rời Ngũ Hành nằm trong diệu ngữ:

Tu là sửa,
Công phu là phương tiện,
Trau dồi đức hạnh là căn cơ.
Đời - Đạo song hành!

Thực hành công phu là phương tiện đi vào thanh tịnh, sự vướng mắc vào dòng tâm thức lưu hành dứt, sự hình thành chủng tử nghiệp không còn. Công phu còn là phương tiện để tiêu trừ các nghiệp.

Trau dồi đức hạnh như: Luôn ý nghĩ lành, lời nói lành, làm việc lành, tai nghe điều lành, mắt nhìn sự lành, tập Bát Chánh Đạo, các thiện hạnh.. ..

Đó là dùng lục thức hướng thiện, hướng thượng tác động chuyển hóa toàn diện chủng tử A Lại Da Thức, chuyển hóa tận gốc căn tánh con người (A Lại Da Thức tương ứng với A Lại Da Căn hay căn tánh con người).

Lấy chỗ trau dồi đức hạnh, khai tâm làm hạnh lành để lòng vị tha mở ra đi vào Lục Độ và các hạnh Từ - Bi - Hỷ - Xả hay Bi - Trí - Dũng làm đối pháp với phương tiện công phu để:

Thấy được Lý Vô Ngã và Pháp Vô Sanh,
Học cái Tự Tại: Nơi tâm vô sự, nơi sự vô tâm.

Vậy đường trở về Nhất Tâm - Chơn Nguyên Duy Nhất hay trở về Điểm Linh Quang Thượng Đế là đem ánh sáng Vô Vi Quy Nguyên Pháp soi tâm thông các thức duyên sanh, do ngũ hành thâm nhập, vốn là mộng ảo, thông được Lý Vô Ngã và Pháp Vô Sanh trở về Bản Thể các căn thanh tịnh tự nhiên. Đó là đi vào diệu ngữ:

Đem Linh Quang
Soi Đơn Điền,
Thông lục Hạp,
Bể Nhĩ căn,
Chơn Tánh xuất!

ĐI VÀO HÀNH PHÁP

Thưa các vị,
Nhân dịp Xuân về, TCQN ghi lại vài trường hợp thực tế mà Thầy Từ Minh Đạt đã mở thông cho các pháp hữu và nhân sanh.

1. Con đường rộng mở!

Các Đấng Cứu Thế, các vị Giáo Chủ tôn giáo từ cổ chí kim đều chuyển thế theo biến đổi nhân tâm mà hoằng dương Đạo Pháp cứu độ quần sanh với các pháp thực dụng duyên theo đời sống thế nhân hiện có. Đường đi nhiều cách do trần tâm mà có. Tất cả là phương tiện đưa nhân sanh giác ngộ Đạo Pháp và đồng về Nguồn Cội Chơn Nguyên là Bản Tâm. Vào thời đại ngày nay, Đức Ngài mở ra cho nhân sanh con đường thực tế:

Khai Tâm Diễn Pháp tập 1

ĐỜI TRÒN - ĐẠO HIỆN - PHÁP ỨNG!

Chỗ thực tế nhất là trau dồi đức hạnh và khai tâm mở trí ngay trong đời sống trần thế. Con đường rộng mở thích ứng với mọi hoàn cảnh nhân sanh, thích ứng với các tôn giáo, giáo pháp và các thành phần xã hội.

2. Đến nơi cần Đạo Pháp!

Đạo Pháp tuy lan rộng nhưng chưa hẳn mọi người đều được hưởng. Sự hành pháp là mang ánh sáng Đạo Pháp đến nơi cần. Nhiều trường hợp cụ thể như:

Người bệnh sau khi chữa trị nhiều nơi đều vô hiệu, thật tâm tìm đến cần sự cứu giúp như nhiều vị pháp hữu trong chúng ta.

Người bệnh, trước đây chưa biết tu, vào giờ phút sắp lâm chung chỉ cần một chút thiện tâm mở ra là đủ như trường hợp cô Trần Bảo Vân.

Phạm nhân vừa được tự do cần một hướng đi cho cuộc đời như trường hợp anh Nguyễn Trung Tín.

Nhiều vị từ Công Giáo, Cao Đài Giáo, Do Thái Giáo, Nho Giáo, Thông Thiên Học, Đạo Tin Lành, Vô Vi Khoa Học Huyền Bí Phật Pháp... đến với Vô Vi Quy Nguyên là việc bình thường của người học Đạo đến giai đoạn hay thời điểm cần học bài học thích hợp như học sinh bước lên theo thứ lớp.

Trong các phần lực đến xin tu học, một số vị được chuyển vận như ý do thiện ý hay thiện hạnh đã có, một số vị khác cần một thời gian lập hạnh - nói là lập hạnh nhưng thật ra chỉ cần một ý niệm hướng thiện là đủ vì các phần lực không có thể xác để hành như trường hợp anh Roland Jaspard và các bạn của anh ấy.

Đây là vài trường hợp cần ánh sáng Đạo Pháp làm ngọn đuốc dẫn đường.

3. Hòa theo nhịp sống nhân sanh:

Mỗi người, tùy căn cơ mà mở hướng bước đầu: Lấy chỗ hòa theo nhịp sống của người làm chính. Sau đó, lần theo sự chuyển tâm mà mở pháp thích hợp. Ví dụ, với người bụi đời, người nghiện rượu, có thể vị dẫn độ phải bước chân vào thành phần bụi đời, nhập vào làng rượu. Nhờ trầm mình mà dễ dàng thông hiểu và cảm hóa.

Trên thực tế, có vị hành pháp mà về mặt đạo lý người đời khó có thể chấp nhận, nhưng đó là nhiệm vụ trong vị thế của vị này để đến với một số người thuộc môi trường như vậy.

Mọi người đều có thể tu được, điểm chính là chìa khóa mở tâm thích nghi từng người. Nó đòi hỏi nơi các vị một tâm thức linh hoạt, sự vận dụng khả năng tài trí và phải vào mọi hoàn cảnh để hiểu mà dẫn độ. Dù cho phải đi vào hoàn cảnh nào, điểm chính là lấy tâm thiện, việc làm thiện vì lợi ích nhân sanh và tạo duyên lành cho nhân sanh thức tâm tu học. Cốt yếu là cảnh tỉnh chúng sanh đến con đường Pháp Đạo để họ tự tu sửa, tự diệt các nghiệp, thấy được tâm mình, thấy được sự giải thoát. Đó là phương tiện mà các vị có bốn phận trao cho nhân sanh.

4. Đi vào hành pháp là vào thực học khai tâm!

Người học và hành cần trải qua nhiều giai đoạn học nhiều bài học. Mỗi bài học đi qua là một bước tiến. Thí dụ như: Người luôn gặp khó khăn về nhà cửa, chỗ ở. Nó ảnh hưởng xấu đời sống mặc dầu đã sửa nhà, chuyển hướng, nhưng vẫn vướng lấy cái không hay về địa lý hay ngũ hành. Người này cần hiểu là do tâm

mình như thế nào đó nên ở vào căn nhà như vậy! Nếu tâm chuyển thì mọi việc sẽ chuyển theo! Có thể thiết kế về mặt địa lý, tạo cảnh vật đem lại điều tốt đẹp, nhưng đó không phải là giải pháp lâu dài. Điểm chính là âm đức với cái dũng dám chuyển tâm tánh rộng mở. Nhân sanh đến cõi thế là đến với điểm yếu hay những mắc kẹt cần phải được khai mở mà học; do đó, sanh vào nơi thích hợp để rèn luyện chỗ yếu mà trưởng thành. Dẫn độ là giúp đỡ thông chỗ yếu điểm để thấy được hướng đi và thật sự chuyển tâm mở trí.

Bài học này bước qua, bài học khác tiếp đến. Trải qua nhiều giai đoạn, gặp nhiều gút mắc tưởng chừng như nan giải. Từ cái học thực dụng thường gặp để đã thông dần những gút mắc nơi tâm và hoàn cảnh sống.

Đi vào hành pháp và trau dồi thân tâm từ thực cảnh sống, từ biến chuyển thực tế, từ chuyên hóa nội tâm. Sự tiến tu, sự thành tựu từ thực tại nơi cõi đời này. Khó khăn càng đến, các vị càng quyết tâm quyết chí! Càng chí tâm vượt qua, ý chí càng vững và nhận ra khó khăn đó chẳng qua là do tâm tánh chưa dứt.

5. Vô Vi Quy Nguyên là Pháp Điểm Đạo!

Nhìn lại nhiều trường hợp Thầy đã khai mở và hướng dẫn cho thấy con đường nhập thế hành pháp độ sanh: Nương theo thế sự, hòa vào dòng đời, sống như mọi người, lấy niềm an vui hạnh phúc và tạo duyên lành cho nhân sanh tu học chính là niềm vui lặng lẽ an nhiên nơi tâm hồn thanh thản.

Cái nhất thiết của người tu học là mở rộng sáng Vô Vi Quy Nguyên Pháp giúp nhân sanh hồi tâm tự tu sửa để tiêu trừ các nghiệp, bước vào con đường giải thoát trở về Nguồn Cội Chơn Nguyên Duy Nhất là Điểm Linh Quang của Thượng Đế và từ đó tạo duyên lành cho người kế tiếp. “Đó mới là Hồng Ân.” “Đó cũng là duyên

may, duyên phúc cho những người được bước lên nhịp cầu của Vô Vi Pháp.” Đồng thời, hòa theo lời Đức Ngài: “Khi ngũ hành động thì mình tịnh và ngược lại, khi ngũ hành tịnh thì Đạo Pháp mới lan rộng.”

Chính chỗ tâm vì Đạo Pháp, vì chúng sanh thức tâm tu hành mà đi vào cuộc sống thực tại với mọi hoàn cảnh để trau dồi thân tâm trong tình thương hòa đồng, đi vào cuộc sống Đạo Trong Thế Sự, với tâm hành pháp tự tại hiện bày diệu hạnh, đi trong Chân Trí bước vào điểm son dành cho các vị: Vô Vi Quy Nguyên là Pháp Điểm Đạo!

Đức Ngài đã trao ngọn đuốc và vạch sẵn con đường quang minh cho các vị. Các vị hãy thấp đuốc lên và soi sáng cho nhân sanh cùng đi!

Chúc các vị sớm về bên Đức Ngài đang dang tay chờ đón!

Mến chào các vị!

NGŨ UẨN PHÁP

Trong phạm vi bài này, chúng ta cùng nhau tìm hiểu con đường Ngũ Uẩn sẵn có nơi mỗi người, đi từ pháp sanh diệt làm phương tiện trau sửa thân tâm.

I. Ngũ Uẩn sanh diệt với người bình thường:

A. Ngũ Uẩn làm chủ tâm tánh:

Ngũ Uẩn như 5 kho tàng chất chứa tích tụ hình thành nên thân và tâm: Sắc (chỉ hình hài thân thể, thuộc vật chất), Thọ, Tưởng, Hành và Thức (chỉ tâm, thuộc tinh thần). Nó chi phối toàn diện đời sống vật chất và tinh thần. Tâm tánh con người thay đổi theo ngũ uẩn.

B. Ngũ Uẩn là cội gốc đau khổ:

Tâm bình thường của thể nhân là tâm sanh diệt đi vào cuộc sống và chìm vào tham ái, nên vướng mắc ngũ uẩn thể hiện qua cái Ta phàm ngã, tức Vô Minh.

- Sống bình thường là sống với ngũ uẩn không ổn định và nằm trọn vào bể khổ.
- Chìm vào sanh tử, đi theo vòng Thập Nhị Nhân Duyên từ vô minh đến lão tử.

- Tắm mình vào cuộc đời vô thường, vô ngã và khổ.
- Hòa vào thế giới Thành-Trụ-Hoại-Không, đi theo luật tiến hóa chung của vũ trụ là Sanh Diệt.

Cho nên, ngũ uẩn càng thịnh, sự khổ càng tăng, tham ái càng nhiều, khổ đau càng vương.

II. Ngũ Uẩn hướng thiện với người thức tâm tu học:

A. Sống với Ngũ Uẩn hướng thiện:

Thức giác khai tâm bước vào tu học: Việc làm bình thường là việc làm hướng thiện, tâm trí bình thường là tâm trí hướng thiện. Những Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức đều hướng thiện. Sống với ngũ uẩn hướng thiện là đi vào Bát Chánh và các hạnh lành. Tất cả đều trên đường hướng về Thiện Tâm Thiện Tánh. Thế nên, ngũ uẩn là bài học làm nấc thang tiến hóa.

B. Đối diện Ngũ Uẩn Ma:

Thức giác khai tâm trở về bản tâm là đi ngược dòng tiến hóa sanh diệt nên ngũ uẩn là chướng ngại trên bước đường tiến tu, gọi là Ngũ Uẩn Ma:

- Sắc Ma: Đòi hỏi của thân thể về vật chất như ăn mặc. Thỏa mãn đáp ứng từ giác quan đối với cảnh vật như ngắm nhìn cái đẹp tốt.
- Thọ Ma: Do Lục Căn mà phát khởi ưa thích, vương víu vào cảm xúc, lãnh nạp đời cảnh vui, mừng, buồn, khổ.
- Tưởng Ma: Do Lục Trần mà tâm động niệm sanh tưởng nhớ, khởi vọng tưởng như nhớ chuyện cũ, mơ ước việc ngày mai.

- Hành Ma: Do Lục Trần mà phát sanh hành vi tạo tác nghiệp chướng, nó kéo dài và ảnh hưởng nhiều kiếp luân hồi.
- Thức Ma (hay hiểu biết ma): Do các thức sanh; chẳng hạn:

Dùng hiểu biết suy nghĩ tính toán lợi hại đáp ứng lòng tham danh lợi tiền tình và phô trương tài trí thể tục mà chìm đắm trong thế sự.

Hiểu biết về Đạo Pháp rồi ôm lấy cổ chấp mà phát sanh Ngã Kiến. Điềm tai hại do chấp nhất là kháng kháng giữ lấy cái định sẵn, cái có được, cái hiểu biết được, để cho ngã kiến che lấp tâm trí:

Chấp có, chấp không, chấp thường, chấp đoạn.

Tất cả hữu kiến, vô kiến, tri kiến lập tri đều từ vọng thức mà ra, tức là gốc của vô minh. Ngũ Uẩn Ma là hàng rào cản trên đường giải thoát mà người tu học phải vượt thắng.

C. Ngũ Uẩn là bài học thử thách:

Bài học thử thách thì đa dạng và tác động thẳng vào tâm ý làm hiện ra cái Ta phàm ngã. Ngũ uẩn là môi trường tốt làm bài học thử thách mà người học trải qua để thức tỉnh và rèn luyện tâm tánh.

Học suông chưa đủ, phải đi vào thực tế đối diện với chướng tai, gai mắt, nghịch ý, phiền lòng, và cả thuận cảnh, thuận ý hay thực tại bình thường thôi để biết chỗ yếu, chỗ khiếm khuyết của tâm mà sửa. Cho nên, thử thách là phương tiện cảnh tỉnh chỗ sai lầm giúp người học phản tỉnh hồi tâm. Thử thách là phương tiện hướng tâm tánh người học đi đúng hướng.

Tu mà không thử thách thì không thể tiến. Tu với thử thách dồn dập mà quyết chí vượt qua mới có thể bước từng bước vững vàng trên đường học Đạo.

Ngũ uẩn là bài học mà thử thách là nấc thang và phương tiện trở về nguồn cội!

D. Người học cần thức giấc:

Có Đời mới có Đạo!

Có đau khổ mới thấy an vui. Có trong thử thách mới thấy thanh nhàn sau khi tỉnh giấc và thấm hiểu rằng: Hàng rào cản trên đường giải thoát hay nguồn cội đau khổ không phải do ngũ uẩn mà chính lòng ta sinh khởi!

Mình đang đi ngược dòng nhân thế: Đi từ bể trầm luân lội ngược về Biển Giác của Đấng Cha Lành. Do đó, phải hướng thẳng vào cái học: lìa tâm ý thức, dứt vọng hoàn chơn, tri kiến vô kiến và tuyệt dứt tri kiến lập tri; chỗ mà Đức Ngài dạy:

“Hễ phàm tâm tử thì Đạo Tâm sanh.”

“Muốn được như thế phải trải qua bao sự trui luyện khó khăn, bản ngã mình phải trải qua bao nhiêu khổ hạnh, bị trui rèn mổ xẻ từng giai đoạn và từng giai đoạn chịu trạng thái tan vỡ mới thoát xác được.”

“Để chết đi rồi sống lại. Bản ngã thành Chơn Tánh, đó là Giác Linh. Ấy là phục hồi được Chơn Tánh.”

III. Ngũ Uẩn Chơn Giác với người TỰ TẠI:

Đi vào Bồ Khuyết Tâm Kinh, người sống tự tại:

Vẫn bình thường như thế nhân, nhưng sống với “Ngũ Uẩn Giai Không”! “Khi ấy tánh huệ soi tận, chẳng đều như dụng ngũ uẩn giác quan, cho nên nó thoát qua tất cả mọi chướng ngại gọi là khổ ách.”

Vẫn bình thường như thế nhân. Tâm bình thường là Đạo, Tánh bình thường là Tánh Giác. Đó là sống với

ngũ uẩn chơn giác, sống với cái Ta thật, tức Chơn Ngã. Và khi đó đã mở trọn nơi tâm đi vào cuộc sống với nhau bằng Tâm Chơn Như!

Tóm lại:

- Ngũ uẩn là phương tiện đi vào tòa nhà Đạo Pháp theo tiến trình thức giác khai tâm.
- Ngũ uẩn là nguồn cội đau khổ, là nơi an lạc hay Niết Bàn tại thế; đều do tâm.

Người học trở về Bản Tâm đều phải trải qua những bước đường ngũ uẩn từ sanh diệt đến Chơn Giác, đi vào thực tại sống để rèn luyện và tỉnh ngộ hồi tâm Phản Bồn Quy Nguyên!

Khai Tâm - Hành Thiện

Thưa các vị,
Qua vài buổi sinh hoạt hàng tuần tại Ngôi Thầy Từ Minh Đạt, hiện diện đông các vị pháp hữu từ nhiều nơi quy tụ về, Thầy quan tâm làm nổi bậc lên và chỉ dẫn điểm yếu của vài vị là Tâm chưa mở.

Muốn học Đạo trước phải KHAI TÂM. Tâm chưa mở, chưa gọi là học Đạo. Muốn đạt Đạo phải Hành.

Tạp Chí Quy Nguyên ghi lại vài điểm chính yếu mà Thầy đã thực hiện và giảng giải.

1. Tâm Bồ Thí - Tâm Hành Thiện:

Nhân một vị tự phát tâm bồ thí trong nhiều năm qua, vài vị pháp hữu hỏi Thầy về việc làm hạnh lành này. Thầy dạy:

Một số vị bồ thí với ý làm phước giúp đời, cầu phước báu, tích đức cho con cháu hay mong quả lành. Vào thời trước, các vị có thể tái sanh thọ hưởng, nay là giai đoạn cuối cùng, không còn một kiếp nào khác. Các vị có thể lựa chọn: Hoặc về với Đức Cha Lành, hoặc cùng chúng sanh bước vào thời tận diệt của Mạt Pháp.

Một số vị gặp việc không may, việc xui, liền phát tâm bồ thí cầu tai qua nạn khỏi, vượt cơn hiểm nghèo. Đây là đem Tâm trao đổi không phải hạnh của người học Vô Vi Quy Nguyên. Điểm chính là tự tâm mở ra, tự phát tâm bồ thí vô điều kiện, không vụ lợi, dứt khoát không mong chi hết. Giúp rồi quên!

Như vậy điểm chính của bồ thí không phải là đem tiền của, tài sức hay khả năng ra để được danh thơm tiếng tốt, người đời tán dương mến phục, lưu danh nhân thế hay bình an yên phận, thoát cơn nguy mà chỗ cốt tủy là Tâm Bồ Thí.

Từ Bồ Thí mở rộng đến các thiện hạnh khác như: Nhân - Nghĩa - Hiếu - Trung - Tâm Nguyên hay Hạnh Nguyên học Đạo vì lợi ích nhân sanh... Thực thi các thiện hạnh này tạm gọi là Hành Thiện. Khi hành thiện, nhân tố chính là: Tâm Hành Thiện.

Hành với tâm mong cầu, chạy theo ngoại duyên sẽ hưởng quả tương ứng là sanh diệt. Đó là bước vào phước báu hữu lậu nơi sanh tử. Hành với tâm tự tại là đi vào đường Hướng Thượng với cội quả Bồ Đề. Đó là công đức vô lậu. Gieo nhân nào hưởng quả đó. Mọi kết quả do Tâm đưa đến.

2. Công phu và trau dồi Thiên Hạnh:

Nhân dịp một vị pháp hữu từ xa đến, vị này rất siêng năng công phu nên thọ nhận nhiều điện quang, nhưng điểm yếu là Tâm chưa mở. Qua trường hợp này, Thầy soi sáng cho các vị hiểu rõ thêm nhiều điểm:

Công phu đúng mực thời điểm quang đủ là có phương tiện lực để đi. Công phu đi vào tâm định, thanh tịnh, tự tại khi hành pháp hay khi đối cảnh. Đây là phương tiện rời vọng niệm, trợ mở Trí Đạo.

Trau dồi thiện hạnh thì Tâm mở rộng là có con đường để đi. Trau dồi thiện hạnh xuyên qua hành thiện đi vào thực tế nhân sanh nơi đời. Đây là phương tiện mở Tâm Đạo thể hiện diệu hạnh qua tiến trình tu tập như: Tâm Dũng - Tâm Từ - Tâm Bi - Tâm Hỷ - Tâm Xả.

Công phu mà không trau dồi thiện hạnh, không hành thiện thì Tâm không rộng mở như người đi không biết đích đến. Tu mà không có diệu hạnh là chỉ biết tu cho mình, xa nhân sanh, bỏ đời tìm đạo.

3. Vi Thầy Hướng Dẫn:

Các Thầy là người hướng dẫn nhân sanh về với Đạo Pháp. Các Thầy tìm hiểu hoàn cảnh, căn tánh, tâm trạng của người học để mở tâm dẫn đường. Biết điểm gút mắt, chỗ trói buộc nơi tâm người học mà hướng dẫn mở bỏ gút mắt, trói buộc đó. Lấy uyển chuyển linh động với phương tiện pháp thích nghi trợ giúp khai tâm. Tất cả đều là điểm son quý mà các Thầy đã đem đến cho nhân sanh.

Nhìn lại con đường mà Đức Ngài mở ra cho các vị: Đem Bát Chánh vào thân tâm cho nhuần nhuyễn để đi vào giới luật vô vi; giới mà không giới. Đi từng bước của hạnh Bồ Tát để nhuần tánh Bồ Tát mà không hay. Đi từng bước vững chắc, bước nào vững bước đó, bước đến đích mà không biết, thành quả mà không thấy. Nhuần nhuyễn đến như thế. Tu mà không thấy Tu. Hành mà không thấy Hành.

4. Tâm Hành Đạo là chính:

Với 3 trường hợp mà Thầy vừa chỉ cho thấy Tâm Hành Đạo là chính: Các thiện hạnh đều xuất phát từ tâm, hiện bày qua hành vi, tác phong, nhân cách.

Hành thiện hay hành pháp hiển lộ Tâm Hành hay Ngã Tướng mà người học cần tu tập cho chìm mất. Hành

thiện hay hành pháp và công phu song hành là yếu quyết thực thi tâm nguyện hay hạnh nguyện và các hạnh lành đem lại an vui và hạnh phúc cho nhân sanh tu hành. Yếu quyết bước vào thực tế hành pháp nơi đời để đi vào “thân chứng lý Vô Ngã, thể ngộ pháp vô sanh.”

Tất cả đều hiện từ Tâm: “Tâm có động, Ý mới chuyển, Thức mới hành; tốt xấu do Tâm cả.”

Tâm Toàn - Ý Tĩnh - Hành Động Đúng!

Khai Tâm - mở tâm bước vào Đạo Pháp, đi vào hành thiện hay hành pháp, trau dồi đức hạnh và sống với Đạo:

TỰ NHIÊN - TOÀN THIỆN - TOÀN MỸ - HƯỚNG THƯỢNG!

Mến chào các vị!

BƯỚC ĐẦU MỞ HƯỚNG GIẢI THOÁT TRI KIẾN

Bài viết từ phàm ngã đang trên đường thanh lọc tâm thức!

1. Vài giới hạn bình thường của hiểu biết tâm thức:

11. Hiểu biết giới hạn qua học đường:

- Một học sinh trung học được trang bị kiến thức khá rộng nhưng đây là vốn hiểu tổng quát từ bên ngoài đem vào chưa phải thực học từ bản thân.
- Một sinh viên bước vào chuyên ngành đòi hỏi tinh thần sáng tạo, phát minh, mới nhận ra khả năng yếu kém bản thân.
- Một sinh viên rời học đường vào đời nhận ra học đường là căn bản chuẩn bị hội nhập xã hội và hậu học đường là đi vào thực học.

Đây là khả năng giới hạn của chúng ta nơi hữu vi luôn tiếp nối theo tiến trình thời gian.

12. Hiểu biết theo nhân sinh quan do môi trường trưởng thành:

- Nhà dinh dưỡng nhìn sức khỏe con người qua thực phẩm.
- Luật sư nhìn đời sống an lành được bảo vệ qua luật pháp.

- Nhà tâm lý nhìn đời sống tinh thần qua tuổi tác, giới tính, tầng lớp xã hội, môi trường trưởng thành.

Một người trưởng thành ở phương Tây ảnh hưởng tác phong thực nghiệm - thực dụng, mọi hiểu biết đặt trên nền tảng khoa học nên đã đưa đạo pháp sáng tỏ qua phân giải của khoa học. Thời gian gần đây, tư tưởng phương Tây hướng về phương Đông và chuyển hướng khoa học phụng sự đạo pháp - khoa học là của đạo pháp.

Theo tiến trình thời gian từ xa xưa đến nay, nhiều nhà tư tưởng, các bậc hiền nhân xuất hiện mở đường theo chuyển biến của tâm nhân sanh.

Đây là cái hiểu do môi trường trưởng thành của mỗi chúng ta đi theo nhân sinh quan, tư tưởng, triết thuyết vào từng thời điểm sống.

13. Hiểu biết tích lũy:

Một vị miệt mài sách báo, thấu nhận hiểu biết thập phương làm phong phú vốn hiểu bản thân.

Một vị tham học nhiều Kinh Luận hay nhiều giáo lý rồi cho là mình hiểu đạo, hiểu pháp tu học, đường đi như hiện sẵn nơi trí.

Nhờ hiểu biết giúp giảm dần nghi chấp nơi lòng và cảm thấy như tổ ngộ lý đạo thanh cao rồi lầm tưởng là mình hiểu đạo. Càng ôm lấy hiểu biết càng rơi vào tích lũy dự trữ và là ách nạn của người đi theo ngôn ngữ diễn giải qua lý trí mà tuyệt đích là tưởng tượng.

14. Hiểu biết so đo phân biệt:

141. Vài thí dụ về thói quen phân biệt:

Vào buổi tiệc với món ăn hợp khẩu chúng ta khen ngon và thích dùng, trái lại, chúng ta chê và không thích dùng. Khen chê do ý niệm lựa chọn.

Việc làm đem lại lợi ích bản thân thì hết lòng siêng năng, trái lại, không mấy sốt sắng. So đo phân biệt do vị ngã.

Gặp việc cần quyết định lựa chọn, chúng ta thường phân tích - nhận định nhiều mặt lợi hại. Đây là lòng so đo phân biệt bình thường của thể nhân.

Vài thí dụ này bày tỏ hiểu biết phân biệt trở thành thói quen ăn sâu nơi tâm thức.

142. Hiểu biết so đo phân biệt không phải là thực trí:

Người học đạo nếu như đi theo so đo phân biệt thì ý thực chỉ đạo việc tu hành nên thường vướng vào:

Pháp tướng: Như phương pháp hay thứ lớp tu học, vị trí pháp môn này so với các pháp môn khác hay các tôn giáo khác. Vô số phân tích, nhận định, suy diễn qua mắt thấy tai nghe. Nuôi dưỡng cho bản ngã tâm thức.

Nếu như loại bỏ nhận định, so sánh, phân biệt; nếu như loại bỏ điểm nương tựa làm nơi đối chiếu hay mở hướng đi thì trí so đo phân biệt không có chỗ đứng và con người chơi với không biết nương tựa vào đâu.

Do đó, chúng ta chỉ nên nương theo hiểu biết và dùng như phương tiện khi cần vì không phải thực trí.

2. Bi động do hiểu biết tâm thức:

21. Hiểu biết tâm thức che lấp sự thật hiện hữu:

Một vị đón nhận pháp tu học, đón nhận sự việc phải hành sử, thường:

Lấy tư tưởng đáp lại giác quan nhận thức.
Lấy vốn tích lũy, ký ức, trí nhớ đem ra dùng.
Lấy thói quen hay khả năng kinh nghiệm đối ứng.

Đem hết khả năng sống của tâm thức ra dùng! Đây là chương ngại của người đặt mình vào hàng rào phòng vệ của bản ngã. Tự mình khơi động tư tưởng lưu hành và dễ dàng đi vào lý luận - hơn thua - lợi hại. Tự mình che lấp trực thức vốn không bị chi phối bởi giác quan thường tình. Tự mình đánh mất sự thật hiện hữu với cái nhìn thẳng thắn không qua trung gian chi phối từ bất cứ hình thức hay phương cách nào.

Đại đa số chúng ta sống với bản ngã tâm thức và vướng phải chỗ này vì dùng nó như cái thật mà mình có được.

22. Hiểu biết tâm thức nuôi lớn thức tướng:

Chỗ hiểu từ tâm thức do bên ngoài đem vào, do ngoại cảnh chi phối làm nên, là cái hiểu bị hiểu - bị động mà mình ôm lấy và sống với nó rồi cho là của mình. Lấy đó làm thói quen, làm quan niệm sống, làm chỗ để soi sáng hướng đi, thì dù có đưa vào tâm trí Tam Tạng Kinh Luật Luận hay cả kho tàng kiến thức của nhân loại lưu lại qua sách vở cũng chỉ là nuôi lớn thêm tri kiến tâm thức, huân trưởng thức tướng lưu vướng nơi tâm:

Từ ôm lấy hiểu biết hình thành tư tưởng dẫn hành động theo những gì đã biết, theo thói quen, theo định kiến có sẵn, theo cái hiểu qua suy luận diễn giải thì làm sao lìa tâm - ý - ý thức?

Những hiểu biết Đông Tây kim cổ là bên ngoài đem vào có gì là thật của mình đâu?

Khi chết cũng phải hết, có chăng là thức tướng lưu lại theo luân hồi có gì là thật đâu?

23. Thí dụ tiêu biểu hiểu biết bị động theo thức tướng:
Sự thử thách vừa qua dành cho vài pháp hữu, dòng điển quang của thiên ma làm chủ tâm vọng là điểm yếu của các vị:

231. Hiểu biết bị động theo hình tướng:

Với các vị dính vào hình tướng như Ngôi Tam Bảo là trên hết, không một phần lực nào dám tới khuấy phá: Thiên ma đi vào điểm yếu bằng cách hiện diện ngay trước Ngôi Tam Bảo rồi nương vào tâm ý vương mắc của các vị mà gây náo động.

232. Hiểu biết bị động theo Bảo Pháp:

Với các vị dính vào Bảo Pháp - Lệnh Pháp là cao quý: Thiên ma đi vào điểm yếu bằng cách thâm hòng toàn bộ, đánh thẳng tâm nương tựa và y lại. Thật ra, Bảo Pháp - Lệnh Pháp là phương tiện và dụng phương tiện đem lại lợi ích như thế nào là do tâm hành dụng của mình.

233. Hiểu biết bị động theo công phu:

Với các vị dính vào pháp công phu là phương tiện đem lại thanh tịnh: Thiên ma đi vào điểm yếu bằng cách chỉ thẳng tâm ý hay hành vi làm lỗi qua sự sống hằng ngày.

Chỗ chỉ thẳng này làm cho các vị trong cuộc tự mình che mờ tâm trí sáng suốt. Ngay lúc đó, các vị không thể nhận thấy thẳng mục đích hay dụng ý mà thiên ma đang làm, các vị không thể nhận thấy sự thật toàn diện diễn tiến sự việc để đối ứng trực tiếp một cách thẳng thắn.

Làm sao đủ sáng suốt trực nhận bằng trực giác sự việc đang diễn trước mắt khi mà tâm ý hay hành vi thường

ngày còn ẩn chứa phần vọng khởi? Một điểm bình thường là tín tâm được hiểu qua ngôn từ của lý trí hay nhận thức tư tưởng khi gặp việc tất bị lay động.

Các vị trong cuộc bị lôi cuốn vào mê hồn trận do thiên ma dẫn bởi chấp vào pháp công phu đem lại an định mà thực tế tu học không thông mở định lực thật sự qua hành dụng chính là cái thật có được của mình.

234. Hiểu biết bị động do ngôn ngữ:

Các vị dính vào ngôn ngữ Vô Vi Quy Nguyên: Thiên ma đi vào điểm yếu bằng cách đuổi ra khỏi Vô Vi Quy Nguyên. Các vị cảm thấy chơi vơi khi bị đuổi khỏi Vô Vi Quy Nguyên hay bị thâu hồi Bảo Pháp. Thật ra, dù ở vào vị trí nào hay cõi nào mà tâm ý hướng về Đấng Cha Lành hay hành vì lợi ích nhân sanh là các vị đang hành Vô Vi Quy Nguyên Pháp.

Điểm chính là tâm an định. Tâm an định trí sáng trực nhận sự việc nhờ trực giác thể hiện trực tánh đối diện thẳng sự việc. Đây là cái thật của mình có được qua tiến trình khai tâm. Dem cái thật này vào hành sử sự việc! Nhờ thử thách đưa vào trạng thái hư hư thật thật mà giờ đây các vị nhận ra Tâm Kim Cang có được qua quá trình tu học!

24. Tự nhìn “hiểu biết theo bản ngã tâm thức” :

Dem hiểu biết tâm thức vào hành sử nơi đời như một người hiểu đạo và sống đạo, như một người hành pháp hay khi hiện diện trong thử thách:

Thức tướng liền hiện lên qua ý thức dẫn đường vào hành động và tự mình thấy là mình rất sáng suốt. Thật ra, chỗ gọi là sáng suốt là chỗ thức tướng làm chủ khởi động tư tưởng đi vào hành vi.

Giả như có tha nhân chỉ thẳng chỗ hiểu này thì tâm thức phùng hiện lên. Mức độ thanh lọc tâm thức hiện ra nơi đây. “Chỗ thực học” có được phô trần nơi đây. Thế nên, tích lũy hiểu biết hay mang thức tướng làm lẽ sống hàng ngày:

Nuôi lớn lý trí so đo phân biệt như nhận thức, suy luận, diễn giải.

Huân tập tánh ý bị động theo dòng tư tưởng khởi hiện bày cái giả của mình khi đối việc, đủ nói lên mức độ thực tu mà mình gặt hái .

Các loại tri kiến này tác động vận hành tư tưởng làm cho tâm tánh giả nua ngã pháp tướng. Tín tâm bị lay động. Có lắm chằng khi người học đạo đặt nặng mở mang tri kiến tâm thức mà xem nhẹ khai thông tâm tánh ?!

3. Vài hình ảnh tiêu biểu tri kiến thoát tục phân biệt:

31. Thí dụ 1: Sản phẩm của tư tưởng thoát tục:

Một vị thích yên lặng khi bước vào hoạt động cảm thấy sự nhộn nhịp nơi đời như không thể hòa nhập thế sự như mọi người.

Một vị thích trầm lặng hướng nội tâm khi tiếp xúc tha nhân thường thấy mình nhiều hơn thấy tha nhân, đặt mình vào hoàn cảnh của mình nhiều hơn đặt mình vào hoàn cảnh của tha nhân.

Một vị nhìn thế gian là cõi tạm, cuộc đời là vô thường và nhiều cảnh khổ nên không thích chen chân nơi đời, thường tìm nơi thanh vắng cho tâm hồn an ổn.

Từ vị trí này mở thêm cách biệt giữa mình và tha nhân, tâm hòa nhập vắng bóng. Thật ra, đây là ý niệm hướng về yên lặng, hướng về tinh thần yên tĩnh “đi vào yên

tĩnh của yên tĩnh đối với náo động”. Đây là yên tĩnh từ tâm tưởng và là sản phẩm của bản ngã thoát tục chưa phải chân thoát tục của người hiện diện nơi thế tục.

32. Thí dụ 2: Tri kiến trầm không thủ tịch:

Bên cạnh thoát tục của bản ngã tâm thức, chúng ta nhận thêm trạng thái trầm không thủ tịch:

Phản đông các vị thấy rõ thân này là giả tạm, phàm tâm này là giả dối, vạn vật là vô thường, cuộc đời là nơi khổ. Các vị ẩn tu nơi thanh vắng như am cốc - non cao, tìm giải thoát qua công phu thiền định, hòa vào nhập định nhằm thoát phiền não thế gian, tạm gọi là tâm an định lìa xa vọng khởi. Tạm gọi thoát phiền não - vọng khởi vậy thôi! Thật ra, nơi tâm các vị này vẫn khó mà thoát các hiện tượng như: Hiện tượng không biên giới, hiện tượng không sở hữu,... Các vị được gọi là thành tựu Tứ Thiền - Tứ Định vẫn chưa hẳn thoát các hiện tượng này.

Giả như các vị được Minh Sư trực tiếp chỉ dạy và nhập đại định:

- Các vị sẽ nhận ra tâm hiện lượng giới tướng thật vô cùng tận. Tất cả đều từ tâm mà có, đó là hiện tướng từ tâm.
- Các vị có thể mở trí nhận ra: Thân vô ngã và pháp vô sanh.

Đây mới là tri kiến chưa đến tri hành hợp nhất là tri đạo chưa phải tâm sống đạo.

Các vị dùng thiền định như cứu cánh và tự thấy mình giải thoát! Với giải thoát này nếu không có sự dẫn dắt tiếp của Minh Sư khai thông tâm tánh qua hành dụng hay hành hạnh nguyện thì Tâm Bồ Đề khép lại, đường

tu học dùng chân và các vị rơi vào trạng thái Không tạm gọi là trầm không thủ tịch:

- Pháp nhập định mà các vị đang dùng là phương tiện pháp chấp vi tế.
- Đường giải thoát hết phiền não - vọng khởi mà các vị đang thành tựu là ngã chấp vi tế.

Dù các vị trầm không thủ tịch này có thần thông, đủ khả năng thoát sanh tử luân hồi, nhưng với Đức Ngài các vị vẫn là bậc tiểu trí, xa đời tìm đạo, ngăn cách chúng sanh. Muốn giải thoát vi tế này phải học Đức Tánh Thanh Tịnh bằng cách hành tâm nguyện hay hạnh nguyện vào mọi nẻo đường thế nhân. Dùng cái hành tùy duyên theo thế nhân và sống với cái thật mà mình có được qua khai tâm hành dụng. Vào đời mà thoát là chân giải thoát!

Đức Ngài dạy: “Muốn kiến Tánh thành Phật phải Dụng Công Định Huệ”. Dụng công đây là dụng công hạnh lành.

4. Vài hình ảnh mở hướng trực giác và thực tại:

41. Thí dụ 1: Đọc Kinh Phật.

411. Hiểu biết được cấu tạo do tư tưởng:

Bình thường, đọc Kinh Phật là vận dụng sự động tịnh của tư tưởng diễn giải ngôn từ lưu lại qua sách vở. Ngôn từ lưu lại là phương tiện hiện bày xuất phát từ Định Lực Tự Tại là Chân Ngã, xuất phát như biên tả chân lý thường còn từ Chân Như.

Hiểu biết mà người đọc thấu nhận vào do đọc Kinh Phật là hiểu biết được cấu tạo qua trung gian tư tưởng. Nên trong thực tế, cùng một lời dạy của Phật mà mỗi người nhận hiểu không giống nhau là do khả năng khác nhau của bản ngã tâm thức. Hiểu biết được cấu tạo này tự nó đánh lấp thực tại mà Phật đang dạy, tự

nó đánh lấp trực giác của người đọc vốn vượt lên mọi chi phối của bản ngã tâm thức.

Giả như chúng ta gom tâm trí vào trạng thái gọi là yên tĩnh để đọc Kinh: Tâm trí yên tĩnh đó vẫn là tâm trí yên tĩnh do tư tưởng hình thành để diễn dịch lời Phật dạy mà người học đạo chân chánh phải lìa bỏ.

412. Thực hiểu lời dạy:

Muốn lìa bỏ tiến trình tư tưởng là sản phẩm của tâm thức phải nhập định. Nhập định thấu suốt căn nguyên xuất phát và tiến trình tư tưởng thì tư tưởng tự tan rã vào tĩnh lặng. Mọi ký ức, trí nhớ, thói quen giải bày như có sẵn nơi trí và cả hiểu biết tích lũy mở ra như một hướng đi có sẵn, tự nó tan rã vào tĩnh lặng. Mọi tiếng nói sâu thẳm từ vô thức hay tâm thức tự tĩnh lặng: Trực thức hiển hiện nhận thẳng lời dạy không qua trung gian nhận định, suy luận của ý thức. Trực giác thông suốt lời dạy. Người đọc sống với lời Phật dạy mở ra tự biết - tự hiểu.

Tự biết - tự hiểu là sự hiểu biết thẳng lời dạy không qua cảm nhận - suy luận - diễn giải - hay ý thức hòa theo ngôn ngữ văn tự để sáng tỏ lời dạy. Tự biết - tự hiểu vượt mọi tác động do bản ngã tâm thức. Định lực đọc Kinh Phật và hiểu lời Phật dạy từ đây mà có. Đường về Tự Giác Thánh Trí mở ra!

413. Đức Ngài nhắc nhở thêm:

“Song phải biết rằng, nếu đã ở trong cái Tự Chứng Thánh Trí mà còn khởi phát ra cái chấp hữu vô thì cái trược Ngã - Nhân - Chúng sanh - Thọ giả lại hiện ra. Hễ còn cái ý về tồn ngã - giác ngã đều là chướng ngại.”

“Trong cái Tự Chứng Thánh Trí thực có Tự Tính để đợi cái Duyên Sanh, đó là lời Hóa Phật nói chứ không phải lời Pháp Phật nói “.

42. Thí dụ 2: Vốn hiểu biết tích lũy chỉ là phương tiện dùng khi cần:

421. Dùng hiểu biết tích lũy như phương tiện:

Hiểu biết từ bên ngoài qua tiến trình học hỏi tích lũy nơi bản thân giúp mình giàu có vốn hiểu từ tha nhân. Vốn tích lũy này cần thể nghiệm nơi bản thân mới có thể trở thành hiểu biết bản thân.

Nếu như chỉ đi theo vốn hiểu biết tích lũy mà không thực hành thì khi gặp việc, dòng tư tưởng về hiểu biết sự việc đang gặp có thể hiện lên và làm chủ tánh ý thể hiện chấp ngã qua việc làm.

Nếu thể nghiệm hiểu biết tích lũy qua bản thân, đồng thời , kết hợp phương tiện công phu thể hiện qua định lực hành dụng thì mọi hiểu biết trở thành phương tiện dùng.

Tự chủ vào sự việc nhờ định lực. Như vậy, phương tiện dùng với tánh hành dụng tự chủ, hiểu biết từ tha nhân và hiểu biết từ bản thân trở thành kho tàng phương tiện trên đường hành pháp. Mọi hiểu biết nơi đời đều đem lại lợi ích dù với tâm thức nó vô dụng.

Trong một buổi sinh hoạt với các vị pháp hữu, Thầy dạy: Thí dụ như các vị nơi đây đều có căn bản. Trên đường hành đạo chúng ta gặp phải mọi mặt từ hữu vi với sự việc của thế nhân đến vô vi như thiên ma khuấy phá. Do đó, người hành pháp phải học và mở rộng mọi mặt hiểu biết. Học được gì, làm được gì, để đó như một vật bỏ túi, khi cần thì dùng như phương tiện, không thì thôi.

422. Vốn hiểu biết và cái thật của mình:

Tánh hành dụng tự chủ qua phương tiện dùng:

- Hiện lên mức độ tâm ngay thẳng, không ảnh hưởng do thức tướng hay ngoại tướng khi đối việc.
- Hiện lên mức độ thấy biết và hành sử thẳng thắn. Tức là nhận thẳng, biết thẳng và đáp ứng thẳng sự việc.

Gặp thẳng sự việc, đối diện thẳng sự việc hiện lên cái thật mà mình có. Cái thật đó nói lên mức độ thật tâm - thật tánh hay giác tâm - giác tánh: Ngay đó, thấy đó, biết đó, hành đó, cái thật của mình đó, là mở đường trực giác sống với thực tại và mọi vốn hiểu biết chỉ là phương tiện tùy duyên khi cần.

43. Thí dụ 3: Lặng nhìn thể hiện trực giác và thực tại:

Bây giờ, chúng ta thử dựng thêm một con người thứ 2 của mình hoàn toàn im lặng. Con người thứ 2 lặng nhìn con người hiện có thứ 1 đang sống với bản ngã tâm thức. Lặng nhìn quan sát và hoàn toàn không đồng hóa theo bản ngã tâm thức, hoàn toàn không khởi ý niệm so đo. Con người thứ hai sẽ thấy:

Bình thường, những tình cảm, bệnh căn, khao khát ham muốn những gì cần cho nhu cầu sống hằng ngày nơi con người thứ 1, chúng ta đều có thể chế ngự được, nhưng đó mới là chế ngự vương mắc thuộc lớp vỏ bên ngoài.

Giờ đây, với trạng thái im lặng hoàn toàn mà quan sát: Những vương mắc được chế ngự bên ngoài đó vẫn tiếp tục lưu hành nơi tâm thức thâm sâu, các vương mắc luôn thay đổi như hiện tượng qua vận hành của dòng tâm thức. Nhờ lặng nhìn mà:

Thấu rõ diễn tiến của hiện tượng như huyền hóa.

Thấu rõ sự phối hợp tiếp nối các nhân duyên hình thành hiện tượng huyền hóa lưu hành.

Thấu rõ căn nguyên tư tưởng hay hiện tượng vận hành nơi tâm thức.

Tất cả hiện tượng đó làm nên tâm hiện lượng giới tướng nơi con người thứ 1. Đồng thời, thấu rõ hiểu biết tâm thức không phải là mình, không phải của mình, hoàn toàn không có mình trôi theo. Lặng nhìn đó là trực nhận mọi hiện tượng bằng trực giác, hoàn toàn không có lý trí so đo và tình cảm tham dự làm chủ. Dùng trực giác này đem vào đời sống qua mọi sinh hoạt hằng ngày là sống với thực tại, sống với tri kiến vô kiến!

5. Vài hướng giải thoát tri kiến qua hành dung:

51. Thí dụ 1: Chỉ ra điểm kẹt !

511. Đi vào điểm kẹt mà học:

Một vị học đạo qua giáo lý như: Tìm hiểu tâm bồ đề, tâm chơn như, Lục Tự Di Đà. Thầy dạy: Phủi đi ! Đạo vốn không lời! Giúp vị này thức tỉnh mà dừng lại.

Một vị thọ pháp tu học thường tìm hiểu nhiều phương diện nhất là qua mắt thấy tay nghe rồi tư tưởng nhận định. Thầy giao thẳng việc làm cho vị này mà việc làm đó lại là điểm kẹt của vị. Điểm kẹt được mở qua tiến trình làm việc.

512. Hóa giải điểm kẹt!

Từ đây, vị này nhận ra:

Muốn mở điểm kẹt mà mình đang vướng phải đi cùng với điểm kẹt mà trực nhận.

Sự trực nhận hiện thẳng trong trạng thái mà mọi thói quen tìm hiểu, suy tư, diễn giải đi đến chín mùi và chìm lặng hoàn toàn. Bản ngã tâm thức dừng lại!

Sự trực nhận vô cùng sống động, linh hoạt như sáng tỏ những gì mà điểm kẹt lưu vướng. Điểm kẹt như tan hóa. Nhận thẳng “sự thật” nằm ngay nơi điểm kẹt.

513. Chỉ có hành mới thật sự hóa giải điểm kẹt nơi tâm:

Nhận thẳng sự thật nằm ngay nơi điểm kẹt mới là bước đầu mở điểm kẹt qua tri kiến. Thấy sự thật do sáng tỏ điểm kẹt nhưng chưa thực sống với sự thật đó. Phải qua tiến trình hành dụng cùng điểm kẹt mới có thể hội nhập sự thật, sống cùng sự thật. Điểm kẹt thật sự tự hóa giải hoàn toàn!

514. Nhận sự chỉ dạy của Thầy:

Bình thường, Thầy nhìn thẳng tư tưởng hay tâm ý vị thỉnh hồi. Từ đó, Thầy trực nhận tư tưởng hay tâm ý rồi bóc từng điểm kẹt giúp vị này tự khai mở.

Với người học, khai mở điểm kẹt đặt trên nền ngôn ngữ văn tự hay sáng tỏ qua lý trí phải dừng lại, tâm trí lờn vào bản ngã tâm thức phải chấm dứt. Chỉ có hành mới khai mở tự tâm vương mắc và sống với tâm thức thanh sạch.

52. Thí dụ 2: Câu chuyện về chú rùa:

521. Thầy Từ Minh Đạt mua rùa:

Một hôm nọ vào cửa hàng bán rùa, Thầy nói với người bán mua vài chú rùa. Người bán biết Thầy đem về nuôi nên mang ra một rổ lớn 6 - 7 chú. Thầy liền mua hết không bỏ một chú nào!

Điểm hay hay ở chỗ chú rùa này là vị sư, trong đó vài vị có nhiều thần thông. Vị Sư là cao tăng được chuyển kiếp làm rùa theo lời nguyện trả một lần cho hết nghiệp lực đã tạo từ vô số kiếp.

Đem về nuôi, vài chú bị bệnh, Thầy đem vào phòng làm việc cạnh Ngôi Đại Hùng Linh Điện để chăm sóc. Khi các vị pháp hữu dâng hương, đánh chuông, chú rùa phát ra âm thanh gần giống như tiếng nói của người. Vài vị pháp hữu hỏi thì chú rùa trả lời, vì chú rùa hiểu

được câu hỏi của người hỏi. Hằng đêm chú rùa thường xuất thần ra lắng vãng trước Ngôi.

522. Bước đầu Thầy mở tình thương không phân biệt cho chú rùa:

Cái thắc mắc của chúng ta là vì sao vị sư là cao tăng nguyện được trả nghiệp lại bị chuyển vào kiếp rùa? Thầy dạy là do điểm kẹt về tình thương. Vị sư tuy có thần thông nhưng tình thương chưa rộng mở, cứ ôm vào như ở trong mai rùa. Khi Thầy mua tất cả không bỏ một chú nào thì lúc đó chú rùa nhận ra ngay tình thương không phân biệt của Thầy. Các chú rùa thức giấc liền lúc đó! Đây là bước đầu Thầy mở tâm cho các chú rùa! (Nếu như Thầy không mua hết thì các chú còn lại sẽ được người khác mua về dùng và chú rùa thuận theo sanh tử luân hồi khó có ngày giải thoát).

523. Bài học dành cho pháp hữu chúng ta:

523.1. Mua rùa thể hiện trực hành:

Việc làm của Thầy là trực hành. Cái hành trực nhận thẳng các chú rùa mà người bán đem ra, không vướng víu so đo lựa chọn. Với người học: Đây là hướng đi yếu quyết mở ra nhiều phương tiện lợi ích tha nhân, mở tâm không phân biệt qua sinh hoạt hằng ngày hay trên đường hành pháp.

523.2. Tự mở tâm qua hành dụng:

Các vị sư tuy có thần thông nhờ tâm định và lìa bản ngã tâm thức nhưng thực ra mới chuyển thô ngã, phần vi tế ngã vẫn còn. Như có tình thương nhưng tình thương chưa mở rộng. Muốn mở rộng tình thương phải đi vào thể nhân mà hành dụng thực thi hạnh nguyện. Tâm định song song với hành dụng: Tình thương mới có thể mở ra không giới hạn cùng với tâm hòa đồng vô ngã.

523.3. Hóa giải nghiệp lực qua hành dụng và làm cho kho tàng A Lại Da Thức ngày càng hoàn hảo:

Nhờ tâm định, việc làm không tạo nghiệp lực xấu nhưng các nghiệp quá khứ vẫn còn tồn tại và vẫn phải trả. Như trải qua sự sống bình thường nơi thế nhân với Sanh Lão Bệnh Tử là một cách trả nghiệp. Đồng thời cho thấy thêm: Thần thông không phải là mục đích của người học đạo vì vẫn đi vào luân hồi theo nghiệp lực.

Các vị thực thi hạnh lành, các vị được ban pháp hộ bệnh làm phương tiện lập hạnh. Đây là một trong các nhân tố quyết định huân trưởng hạnh lành và học đức tánh thanh tịnh mở ra thiện nghiệp công đức chuyển đổi kho tàng A Lại Da Thức ngày càng trở nên hoàn hảo:

Hạnh lành với tánh thanh tịnh mới có thể làm cho kho tàng A Lại Da Thức trở nên hoàn hảo. Tức là hoàn hảo kho tàng chủng tử thiện vô lậu. Đường về Thiện Tâm Thiện Tánh!

524. Thực thi lời dạy của Đức ngài:

Đức Ngài đã nhắc nhở chúng ta không nên lánh đời mà là nương theo đời để vào thánh vị và hình ảnh vị cao tăng chuyển kiếp cho pháp hữu chúng ta thấy:

Các vị thánh nhân tình nguyện vào thế gian sanh tử trải qua nhiều kiếp cứu độ chúng sanh mà không biết nhàm mỏi:

- 1 là tự trả nghiệp quá khứ. Thí dụ: (1) Vị cao tăng tình nguyện trả nghiệp. (2) Đức Chúa trải qua nhiều gian khổ trên đường hoằng truyền đạo pháp và sau cùng chết trên Thập Tự Giá là một cách trả nghiệp.
- 2 là hóa giải dần các vi tế chấp. Nhờ đi vào hành pháp nên có cơ hội nhận diện dần các điểm kẹt vi tế ẩn tàng. Nhờ đó, đức hạnh tròn

đầy hơn và trí hiểu biết càng sâu rộng hơn. Tức là Diệu Hạnh và Chân Trí kiện toàn qua hành dụng chứ không phải qua tri kiến. Sống với sự thật bằng hành dụng chứ không phải sống với sự thật bằng tri kiến.

- 3 là bằng trực giác thể hiện trực hạnh thực thi hạnh nguyện là phương tiện trên đường mở Tâm Từ Bi Hỷ Xả - Tâm Hòa Đồng đi dần vào lý bình đẳng và thể nhập Chơn Nguyên Duy Nhất.

Vậy nương nơi đời để vào thánh vị bằng hành dụng chứ không phải bằng tri kiến. Đó là sống với cái thật mà mình có được theo mức độ Tri Hành Hợp Nhất.

53. Hành mà thoát là chân giải thoát:

531. Tánh hành dụng là phương tiện pháp trở về Bản Tâm:

Các pháp tu học là phương tiện theo từng giai đoạn tiến tu:

- Phương tiện thay đổi theo mức độ khai tâm.
- Phương tiện mở ra theo căn tánh mỗi vị.
- Phương tiện thể hiện qua tánh hành dụng như: Tánh hành dụng bị động, tánh hành dụng thanh tịnh.

Tánh đó là Pháp thể hiện mức độ khai mở Tâm - Tánh, đi dần đến thấy Tánh tức thấy Tâm.

532. Hành dụng như phương tiện:

Thí dụ:

Nương theo tri kiến hay bản ngã tâm thức mà chúng ta ai cũng có, dùng như phương tiện khi cần.

Đi vào sự sống hằng ngày học tùy duyên theo sự việc mà không vướng sự việc nơi tâm, học tùy duyên nơi thể sự mà thoát sự việc thế gian nơi tâm.

Như vậy, dùng cái hành như phương tiện hoàn toàn không có mình trôi lặn theo cảnh hành dụng. Đó là nhờ trực giác bất nhiễm và tự chủ đi vào hành dụng. Hành mà thoát là mở đường Tri hành Hợp Nhất cùng về Lý Thể Chơn Như đi vào lời Thầy Từ Minh Đạt dạy: Tam Bảo là Tâm Như Như, Hành Như Như, Sống Như Như!

6. Kết luận: Sự khổ tâm của vị Thầy qua tiến trình giải thoát tri kiến nơi đệ tử:

61. Chấp lấy cái hiểu riêng theo khả năng:

Khá đông người học đạo thường nhờ vào sách vở hay những gì trải qua mà mình kinh nghiệm rồi lập nên cái hiểu riêng theo khả năng. Tìm học qua hiểu biết mà mình cảm thấy là thích hợp nhất rồi đem vào mình nên tâm trí cứ ôm vào như là người học đạo - hiểu đạo - hành đạo.

Với cái nhìn của vị Thầy: Điểm vướng mắc có vẻ thường thường này đã lưu nơi tâm thức nhiều kiếp mà người đệ tử đang sống với nó và cho là đúng.

Hãy thử định tâm lại, buông xả hết mọi tri kiến tâm thức, lặng nhìn mình, mình có được cái gì?

62. Sự khổ tâm của vị Thầy dành cho đệ tử:

Thấy học trò đang đi trong vướng mắc trải qua nhiều kiếp và hiện kiếp là nhiều năm tu học, Thầy không thể làm ngơ. Nếu như Thầy chỉ thẳng điểm kẹt trói buộc nơi tâm hay điểm kẹt đang hiện bày hàng ngày mà người đệ tử đang sống, một vài vị có thể:

Tự ái vì còn nặng bản ngã.

Tâm ý phản ứng tìm cách biện minh.

Tự tách rời và tự tìm cho mình hướng đi rồi rơi vào lầm lạc mà không hay.

Sự khổ tâm của vị Thầy là người đệ tử khuê khuê ôm
vốn tích lũy dự trữ hay thói quen kinh nghiệm sẵn có,
vô tình nuôi lớn thức tướng bản ngã sống với tri kiến
lập tri.

THANH LỘC TỬ HÀNH ĐỘNG ĐẾN TỬ TƯỚNG

Bài viết từ phạm ngã đang trên đường thanh lọc tâm
thức!

1. Tự dừng chân hay tiến bước ?!

11. Thí dụ 1: Tu tập như công thức.

Có vị được học lễ pháp, công phu và được ban Bảo Pháp. Hàng ngày, cứ theo đó mà hành như giữ lễ, tập công phu hay lần chuỗi đúng nghi thức. Ngày sang ngày như một khuôn khổ tương tự như người giữ giới luật.

Nhìn lại, tiền kiếp vị này là nhà sư đã từng hành như vậy và nay hãy còn mang lấy cái thức chấp vào pháp phương tiện. Thành ra, trải nhiều kiếp tu hành với mức độ đó. Tuy có lòng tốt hướng thượng và siêng năng tu tập nhưng chưa thể có tinh tấn trên đường khai mở thật ngã:

Tự nhìn! Nhận ra chỗ vô tình đem phương tiện làm nên hành vi tu học. Đi theo phương tiện dẫn là tự đưa hành vi tu học vào vòng hạn định. Tự mình giới hạn khả năng phát triển tâm linh!

12. Thí dụ 2: Tu tập theo khả năng học hỏi và kinh nghiệm:

Song song với tu học như khuôn khổ, có vị tự tìm hiểu thêm kết quả qua quá trình tu tập hay qua sách vở liên quan sự tu tập. Dần dần, với khả năng hiểu biết và kinh nghiệm tu tập hình thành tư tưởng với ý hướng tu học mà mình tự thấy là đúng và thích hợp theo cái hiểu hiện có của mình. Tuy có lòng tốt hướng thượng nhưng chưa thể có tinh tấn trên đường khai mở thật ngã:

Tự nhìn! Nhận ra chỗ vô tình đem hiểu biết và kinh nghiệm mở đường cho tư tưởng chủ đạo hành vi tu tập với những gì mình có được. Tư tưởng tạo nên hành vi tu học! Như vậy là tự mình đem tư tưởng làm hành trang, định hướng tu học bằng hiểu biết tâm thức.

Đem 2 thí dụ này đối chiếu với thực tế tu hành, chúng ta nhận ra có mấy ai thật sự khai mở tâm linh thật ngã? Người học đạo thì nhiều mà kết quả không bao nhiêu. Đây là điểm mà mình phải Tự Thức!

2. Điểm vướng mắc thông thường của người học đạo là chỗ nào?

21. Tự đánh mất tinh thần giải thoát!

Tu tập như khuôn khổ thường dành cho các vị trong giai đoạn đầu đi vào nề nếp. Thật ra, phương tiện pháp tu tập không nhất thiết phải nằm vào một phương pháp, khuôn khổ hay điểm tựa nào. Từ đi - đứng - nằm - ngồi đến ăn uống - ngủ nghỉ - sinh hoạt bản thân và đối diện sự việc phải hành xử đều hàm chứa lý đạo và là phương tiện pháp tu tập mà!

Đứng vào vị trí tu tập, các việc nho nhỏ nơi sự sống thường ngày giúp bản thân thanh lọc tâm ý ô trược phóng ra khi đối diện. Các sự việc nho nhỏ là phương tiện mà người học phải hành qua hạnh hữu vi mới có thể nhận ra tâm tánh của mình. Các phương tiện này chính là giáo pháp thực dụng - giáo pháp hành động hiện diện cùng sự sống.

Thí dụ: Những mẩu chuyện về Đức Ngài mà Thầy Từ Minh Đạt gom góp lại tuy là việc nhỏ lồng vào sự sống hằng ngày của Đức Ngài nhưng là bài học dành cho pháp hữu chúng ta tự nhìn lại tâm tánh mình và nhận ra phương tiện pháp tu tập thật là đa dạng và linh động.

Thế nên, đặt mình vào khuôn khổ của phương tiện pháp hay dùng tư tưởng định hướng tu tập là tự cô lập - tự đánh mất tinh thần giải thoát. Tự nơi hành vi đã là mất giải thoát làm sao nói đến tâm giải thoát?

22. Tư tưởng chủ đạo tinh thần và hành động tu tập!

Với khả năng trí lực có thể khai sinh nhiều ý tưởng. Sự vận dụng trí lực hay khối óc là một cách đối đáp tiêu biểu khả năng của phàm trí mà đại diện là ý thức. Dem hiểu biết cùng kinh nghiệm có được qua quá trình tu học để củng cố hướng đi là nuôi dưỡng vai trò chủ đạo của phàm trí định hướng cho tư tưởng:

Hành vi tu tập do tư tưởng dẫn và chế ngự.
Tinh thần tu tập là sản phẩm nuôi dưỡng tư tưởng tồn tại.

Thế nên, dùng pháp phương tiện như khuôn khổ là tự nuôi pháp tướng nơi tâm. Ngay cả chỗ gọi là pháp tu tập mà mình cảm thấy thích ứng - thích nghi cũng chỉ là thích ứng - thích nghi trong phạm vi nào đó thôi. Nếu lấy đây làm nơi an tâm tu tập là tự nuôi ngã pháp và huân trưởng thêm vai trò chủ đạo của tư tưởng.

23. Nhân diện vương mặc từ hành động đến tư tưởng qua 2 thí dụ trên:

Những tư tưởng, nhận thức hay tâm ý gọi chung là tâm hành, hiện lên mức độ chủ đạo của tâm thức phàm ngã hiện diện nơi hành động.

Tư tưởng chủ đạo định hướng tu tập, tư tưởng chủ đạo hành vi tu tập là tự khoác lên mình lớp áo bao phủ tinh thần giải thoát, mở ra định hướng tu tập theo kinh nghiệm tích lũy - theo vốn hiểu biết - thậm chí theo định kiến hay thành kiến sẵn có nơi tâm thức mà tự mình thấy là đúng.

Sự sống bình thường nơi mỗi chúng ta là sản phẩm hay kết quả của tư tưởng, của tâm thức phàm ngã tạo tác. Sự sống bình thường này đã trở thành thói quen đi vào tiềm thức.

24. Vài thí dụ ảnh hưởng của tư tưởng vào đời là chương ngại cho khai mở thật ngã:

241. Thí dụ 1: Sự hình thành tư tưởng - ý thức hệ từ thời niên thiếu:

Tuổi học trò vào nhà trường đến khi rời học đường hội nhập xã hội: Những gì học hỏi được trong thời gian này đi vào tiềm thức và góp phần rất lớn trong hình thành tư tưởng hay quan niệm nhân sinh đem vào đời sống mai sau. Với người đời đây là chuyện bình thường: Tư tưởng - ý thức dẫn vào tác phong học hỏi, tác phong sống và tự bảo vệ lấy thành quả có được qua tiến trình học hỏi cùng kinh nghiệm sống. Với người học đạo, nếu càng ôm lấy tích lũy hiểu biết đi vào tiềm thức nhiều chừng nào càng là khó khăn cho lìa tâm - ý - ý thức. Thật là chương ngại cho khai mở tâm linh thật ngã nếu đặt căn bản trên tư tưởng tâm thức hay quan niệm nhân sinh cùng môi trường sống đào tạo nên con người qua tiến trình thời gian đã trở thành thói quen đi sâu vào tiềm thức!

242. Thí dụ 2: Tư tưởng - ý thức hệ chỉ là phương tiện sống:

Một người trưởng thành ở phương Đông ảnh hưởng Nho - Lão - Phật và nghiên cứu về đời sống tinh thần. Một người trưởng thành ở phương Tây ảnh hưởng phát triển khoa học kỹ thuật và nghiên cứu về đời sống thực dụng. Cả 2 cùng hướng về phát triển tâm linh. Điểm cần yếu để khai mở tâm linh thật ngã là thanh lọc tâm thức thanh sạch, là lìa tâm - ý - ý thức.

Vậy thì tư tưởng hay ý thức hệ được hình thành qua môi trường sống chỉ là phương tiện sống mà chúng ta nương theo. Càng ôm lấy càng khó khăn cho lìa tâm - ý - ý thức mà thôi.

3. Thanh lọc từ hành động đến tư tưởng cho thanh sạch:

31. Tư tưởng chỉ là hiện tượng nơi tâm thức:

Ngày trước, Đức Ngài dạy nhiều pháp công phu nhằm đem lại định tâm. Có định tâm mới thấu hiểu những cảm nhận - nhận thức hay tâm ý hiện diện nơi mình là kết quả của giác quan bị tác động từ ngoại cảnh như sự việc - môi trường sống cho đến nội tâm như ký ức - hiểu biết tích lũy. Nói chung, tư tưởng do nhân duyên sanh khởi mà có!

Đây là một phương diện của công phu nhận ra vọng khởi chỉ là hiện tượng lưu hành nơi tâm thức. Hiện tượng này tự tan rã theo nhập định! Chúng ta hãy đặt mình vào trạng thái nhập định sẽ dễ dàng nhận ra chỗ tịch lặng của tư tưởng hay vọng khởi. Đây là bước đầu mở trí!

32. Bước đầu nhận ra từ tư tưởng mà vượt lên sự chi phối của tư tưởng:

321. Nhận diện hành động không bị chi phối bởi tư tưởng:

Tiến trình tư tưởng chỉ là hiện tượng! Người học, song song với tu tập công phu đi vào định tâm, khi đối diện sự việc thời tư tưởng hay ý thức khởi nếu có phải yếu dần - yếu dần! Qua thời gian tu tập, khả năng chủ đạo của tư tưởng hay ý thức tiêu mòn dần và mất hẳn đến mức không còn đủ tiềm lực chi phối hành vi của thân - khẩu - ý.

Nói cách khác: Nhận biết tư tưởng hay ý thức khởi chỉ là hiện tượng, tạm gọi là Niệm. Tuy biết như vậy nhưng tư tưởng hay ý thức không đi vào hiện diện cùng hành động, tạm gọi là Vô Niệm. Ứng dụng chỗ thấy biết này vào đời là bước vào học niệm vô niệm qua sự sống thường ngày. Hành động qua sự sống thường ngày này thoát mọi ảnh hưởng của tư tưởng hay ý thức chi phối.

322. Thí dụ đơn giản về chỗ Dụng không nằm vào sự chi phối của tư tưởng:

Người con thương cha mẹ một cách tự nhiên. Tình thương khởi phát không qua suy nghĩ hay tư tưởng nhận thức. Hành vi phụng dưỡng cha mẹ từ lòng thương, không do tư tưởng dẫn.

Đi đường, nhìn thấy cô gái, nhận biết là cô gái nhưng tuyệt nhiên không khởi ý khen đẹp hay có duyên dáng nơi cô gái mà khởi sanh sắc dục. Tức tuy thấy biết nhưng không có sự hiện diện của ý thức phân biệt đẹp xấu hay tình cảm thường tình.

Qua thí dụ này nhìn lại mình: Bản thân mình phải tự nhận ra ý thức vừa khởi, tự nhận ra tư tưởng vừa khởi khi đối việc và không khởi chạy theo tư tưởng hay ý thức vừa khởi đó. Những lần đầu tu tập, ý thức khởi tắt còn mạnh. Dần dần, những lần sau, ý thức khởi tắt yếu dần và đến một lúc sẽ mất hẳn cùng với bước tiến công phu tu tập. Chỗ này cần thời gian tận lực chuyên cần cho nhập tâm mới có thể đi vào tự nhiên: Đối diện sự việc, thấy biết sự việc, bắt tay vào sự việc nhưng ý thức vắng bóng một cách tự nhiên.

33. Đi vào đời trau dồi đức hạnh!

Tiếp theo lời Đức Ngài dạy công phu là phương tiện đi vào thanh tịnh, ngày nay Thầy Từ Minh Đạt dạy đi thẳng vào đời trau dồi đức hạnh:

Chúng ta vẫn tiếp tục dùng phương tiện mà Đức Ngài dạy đem vào đời qua mọi sinh hoạt hầu nhận ra rằng hành vi tu học, việc làm thường ngày hiện lên mức độ trau dồi đức hạnh của mình là chỗ trực hạnh. Trực hạnh không nằm vào sự chi phối từ tư tưởng đến ngoại cảnh.

Mức độ trau dồi đức hạnh thể hiện qua trực hạnh ngay nơi sự việc thường ngày. Trực hạnh này hiện bày hành động nơi tâm: Dù cho có hiện diện cùng sự việc luôn thay đổi, dù cho có thể hiện hành vi động tịnh, trực hạnh thể hiện đức hạnh vẫn là hạnh vô niệm. Đây là trực hạnh thực dụng của người học đạo nơi trường đời!

Thí dụ thật đơn giản: Các vị pháp hữu đến viếng Đại Hùng Linh Điện:

- Đến bữa cơm, Thầy mời các vị vào ăn cơm!
- Đêm khuya, Thầy mời các vị ngủ lại đây đi!
- Công việc nhiều, Thầy nhờ các vị phụ Thầy!
- Các vị cần việc gì, Thầy đến tức thì!

Thật tự nhiên! Thật đơn giản! Đủ thể hiện trực hạnh hoàn toàn không có sự hiện hữu của tư tưởng hay ý thức thường tình! Đây là tình thật thể hiện hạnh vô niệm xuất phát từ tự tánh hành động thân nhiên. Kính xin Thầy ân xá cho chúng con khi viết lên thí dụ này!

34. Nói chung: Cánh cửa tự thanh lọc từ hành động đến tư tưởng là định tâm!

Thanh lọc từ hành động đến tư tưởng, trước phải định tâm:

Ý thức dẫn vào hành động, ý thức hiện diện cùng hành động tự dừng lại.

Sự sống do giác quan thường tình chi phối bởi tâm thức mà chủ động là ý thức tự dừng lại. Khi ấy tác phong hành động hay tác phong sống thể hiện trực hạnh, tự nó không còn sự hiện diện của tiềm lực giác quan thường tình chi phối, tự nó không còn sự hiện diện của tiềm lực ngã tướng. Tư tưởng và hành động trực thức đi vào thực tại sống! Tự tư tưởng, tự hành

động vốn là giải thoát mà không phải gội rửa hay thanh lọc!

4. Kết Luận: Cánh cửa mở hướng Phước Huệ song tu qua hành dụng:

41. Cánh cửa Phước Huệ song tu:

Từ 2 thí dụ: (1) Tu tập như công thức. (2) Tu tập theo khả năng học hỏi và kinh nghiệm: Đi vào khuôn khổ trong bước đầu, dần dần trở thành thói quen, nên tuy đi vào nề nếp - đi vào khuôn khổ nhưng sự tu tập vẫn cảm thấy thoải mái. Tức sự hành dụng của tâm trở nên tự nhiên hơn.

Đứng về phương diện dụng công phu đi vào trau dồi đức hạnh, thí dụ như Bát Chánh làm căn bản chẳng hạn: Tu tập Bát Chánh nhập tâm thời có thể mở đường thanh thân đi vào hành vi Bát Chánh. Tự tánh hành động thể hiện qua tác phong hành động hay cái hạnh hữu vi qua sinh hoạt hằng ngày của mỗi chúng ta mà tư tưởng hay ý thức không thể chi phối.

Từ Bát Chánh làm căn bản, mở rộng thực hành lời Thầy Từ Minh Đạt dạy là đi vào đời trau dồi đức hạnh cho thấy rằng: Phương tiện công phu đi vào thanh tịnh song hành với trau dồi đức hạnh nơi đời là hướng song mở Chân Trí và Diệu Hạnh trên đường hành pháp! Có đối diện sự việc mới có dịp học tâm hạnh và mở rộng dần hiểu biết qua sự việc. Đem hiểu biết vào hạnh lành mà mở tình thương! Hướng phát huy Bi - Trí đi vào Phước Huệ song tu mở ra!

Bây giờ mời các vị nghiệm lời dạy của Đức Ngài: “Phật vốn ở Chơn Như Bồn Tánh của chúng sanh, gồm công đức hữu vi và công đức vô vi là đức tánh thanh tịnh, bao gồm Trí Huệ - Từ Bi và Bát Chánh”.

42. Tư thức trước nhằm lần qua hành dụng!

Khai Tâm Diễn Pháp tập 1

Đồng thời chúng ta cũng nên biết:

Thông thường, khởi đầu sự tu tập là do ý thức mở ra. Từ ý thức đi vào hành động thành thói quen. Ý thức khởi là vọng khởi đi vào hành động thành thói quen trở thành lớp áo ngă pháp phủ lên tư tưởng và hành động. Sự tu tập này là sự tích lũy thói quen hành động, tích lũy kinh nghiệm hành động mở ra phàm tánh, không phải trực thức mở ra trực hạnh.

Có định tâm, sự tu tập mới trở thành định lực hiện diện nơi hành động. Với định lực này mới thấu suốt ý thức khởi và tâm hành dụng theo ý thức khởi chỉ là hư ảo. Với định lực này hành động mới thật rộng mở linh hoạt và không nằm vào hạn định do lịch trình tư tưởng.

Đến đây, chúng ta cũng nên biết thêm chỗ tạm gọi “sống bình thường là sống đạo”: Chỗ bình thường trong trường hợp trên là chỗ bình thường từ tâm thức phàm ngã, là sống với cái hạnh theo tâm tánh động tịnh do môi trường sống tác động. Chỗ bình thường trong trường hợp dưới là chỗ bình thường tự nhiên từ định lực, là sống với hạnh vô niệm dù cho có hiện diện cùng môi trường sống động tịnh đổi thay, dù cho có ăn uống - giải trí - hay sinh hoạt thường ngày, dù cho có thể hiện hành vi giận dữ đi chăng. Từ đây, chúng ta mới thật sự nhận ra chỗ hư ảo của hành động và tư tưởng tâm thức phàm ngã.

Nói cách khác: Có định tâm chúng ta mới trực nhận chỗ hư ảo của tư tưởng dẫn vào hành động, của hành động do tư tưởng dẫn. Đây là mở đường trực thức đi vào trực hạnh sống với thực tại hiện hữu mà cũng là hướng đi thẳng vào đời trau dồi đức hạnh mở ra Công Hạnh Lành trên đường hành pháp. Hành động trực thức và sống thật với hành động trực thức mới có thể nhập bản thể thực tại!

Vấn tất: Như vậy, chúng ta có thể mở dần cánh cửa bước vào lời Đức Ngài dạy:
“Khi không còn Có, không còn Không, những giả tạo không còn, không còn gì để luận bàn nữa!”
“Xa lìa được cái thân tâm giả tạo!”

ĐIỂM KẾT THEO VÒNG LUÂN HỒI!

1. Vài dẫn nhập về điểm kết qua sự sống nơi cõi thế:

1.1. Điểm kết về lý trí:

- Nhà kinh doanh buôn bán, đầu óc luôn tính toán, tìm mọi cách đem lợi nhuận về phần mình.
- Vị luật sư luôn tìm mọi chứng cứ, đưa ra mọi lý lẽ để bênh vực cho thân chủ của mình.

Đây là điểm kết về tính toán, tranh luận của lý trí phân biệt!

1.2. Điểm kết về lòng ham muốn:

- 1 vị tuy không nghiện rượu nhưng gần gũi bạn rượu, ban đầu cùng uống cho vui, dần dần sanh nghiện, chỉ cần cảm nhận mùi rượu là lòng cảm thấy thích thú và lăn vào say sưa.
- Chúng ta, ai cũng đã từng nghe nhạc, thi ca, tiếng sáo và không ít thì nhiều đều đã từng thả hồn rung cảm theo lời ca tiếng nhạc.

Đây là điểm kẹt về lòng ham muốn bình thường do ngoại cảnh tác động giác quan!

1.3. Điểm kẹt về thất tình:

- Bạn bè thâm giao, mang nặng ân nghĩa và thương mến nhau. Trải qua thời gian, có vị tư tưởng sống thay đổi khiến tình bằng hữu phân ly tạo cho người còn lại nỗi niềm thương nhớ.
- Vợ chồng vui sống đầm ấm dưới mái gia đình. Trong thời chiến, người chồng ra đi vì nghĩa vụ rồi biệt tích khiến người vợ mang nỗi buồn thâm sâu cực điểm.

Đây là điểm kẹt về tình cảm thất tình bình thường của mỗi chúng ta!

Sự sống thường ngày với các điểm kẹt bình thường của mỗi thể nhân trong hiện kiếp do ý thức làm chủ, thể hiện qua: Lý trí phân biệt, tình cảm thất tình và lòng ham muốn. Chính ý thức dẫn dắt mình đi, tạo nên đời sống tinh thần cho mình mà mình thường nhận lầm là đời sống của chính mình.

1.4. Sự hình thành những vướng mắc khó gọi rửa hay điểm kẹt bản năng:

Những biến động của hoàn cảnh sống tác động mạnh vào đời sống tinh thần; những bước ngoặt, những “stress” làm chuyển đổi tâm tư tình cảm đến cực điểm

thường ảnh hưởng suốt đời và có thể lưu lại nhiều kiếp lai sinh. Trong những kiếp lai sinh này, nếu có môi trường trùng hợp hay hoàn cảnh sống tương tự tái diễn lại thì dòng tâm thức ngày xưa hiện lên, có thể mạnh hơn, có thể nhẹ hơn tùy theo sự thức tâm tu sửa của chúng ta. Đây cũng là điển hình hình thành điểm kẹt bản năng trải qua nhiều kiếp luân hồi trong sanh tử của chúng sanh.

Riêng những biến đổi, những bước ngoặt của cuộc đời mà không mấy tác động nhiều đến đời sống tâm tư tình cảm hay đời sống tâm linh thì không quan trọng lắm vì tương đối dễ dàng gội rửa và thanh lọc.

Chúng ta cũng biết rằng khi Diễm Linh Quang xuyên qua cõi hồng trần đầy cộng trược mà con người vướng vào luân hồi sanh tử cũng là vướng vào các điểm kẹt của dòng tâm thức, tức là tâm nhiễm trược dưới tác động của ngũ hành vận chuyển. Tùy theo điểm kẹt ít nhiều, mức độ nặng nhẹ mà mỗi chúng ta với mỗi căn cơ khác nhau.

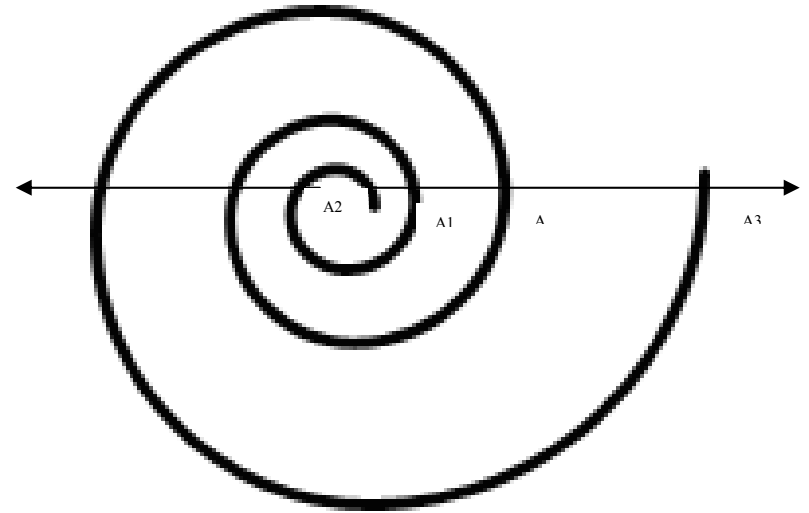
2. Mỗi vị 1 căn cơ trên đường tu học:

- 1 vị còn nhiều điểm kẹt, tâm hạnh còn nhiều lỗ hổng, mọi hoàn cảnh đều là nơi để học, các vị thầy đều có thể là thầy của mình. Vì với vị này, dù xoay theo chiều nào (cả 360 độ), đều là nơi cần cho mình học hỏi.
- 1 vị tu sửa, điểm kẹt mất dần, việc tu học cần hoàn cảnh và vị thầy hướng dẫn thích hợp. Như: Người thích đọc tụng Kinh, thích chuông mõ, có thể vào nhà chùa. Người thích tu thiền có thể vào thiền đường hay tìm đến thiền sư chỉ dạy. Người đã học giáo pháp mà chưa hành, cần vị thầy hướng dẫn hành pháp khai mở tâm tánh.

Như vậy, chúng ta không lấy làm lạ nơi thế gian cần nhiều tôn giáo, nhiều pháp tu thích ứng cho nhân sanh. Học xong, chuyển lớp là chuyện thường. Dù vào pháp nào, mức độ tiến tu vẫn là mức độ gội rửa và thanh lọc từ hành động đến tư tưởng - tâm thức và hoàn hảo kho tàng A Lại Da Thức.

3.Vị trí điểm kết tâm thức theo vòng luân hồi:

- 1 vị nhiều điểm kết, đầu cũng có lỗ hồng: Tượng trưng đường trong đậm và dày.
- 1 vị tiến tu, số điểm kết giảm dần: Tượng trưng đường kế tiếp nhạt hơn.
- 1 vị tiến hóa khá hơn, còn lại ít điểm kết: Tượng trưng đường ngoài cùng nhạt và đứt đoạn.
- 1 vị tâm thức thanh sạch, điểm kết không còn và hoàn hảo kho tàng A Lại Da Thức: Tượng trưng phần ngoài là chơn không. Các pháp tu học chân chánh đều hướng về chơn không!



Hình vẽ tượng trưng điểm kết theo vòng luân hồi:

Lịch sử tái diễn lại điểm kết A theo vòng luân hồi liên tục và nhạt: Điểm A có thể trở thành A1, A2, nếu thắc buộc thêm vào tâm thức. Điểm A có thể trở thành A3,... nếu tu tập buông bỏ vướng mắc nơi tâm thức và mở rộng tâm tánh.

4. Mức độ điểm kết của tâm thức theo vòng luân hồi:

4.1. Tâm thức với vòng luân hồi trên đường khép kín lại:

- 1 vị đang sống bình thường nhưng vì hoàn cảnh đưa đẩy tạo nên cơ hội thuận tiện: Có thể đi vào hút sách, có thể đi vào ăn chơi trụy lạc, có thể đi vào hoàn cảnh túng thiếu mọi mặt rồi sanh trộm cắp.
- 1 vị đang trên đường tu sửa, bỗng dưng không muốn tu sửa tiếp, bước vào cuộc sống vì danh - vì lợi - vì tình.

- Đây là chỗ điểm kẹt gia tăng, vòng luân hồi khép kín dần đưa tâm thức vào u mê tăm tối.

4.2. Tâm thức như bị đóng khung:

Tại Đại Hùng Linh Điện có 1 chú thỏ thích sống trong chuồng, đem thả ra sân cả 1 buổi chú thỏ cứ ngồi ì ra không đi đâu hết. Đây là do ảnh hưởng cái thức như bị đóng khung từ tiền kiếp lưu lại hiện kiếp.

1 chú chim quen sống trong lồng kín, được phóng sanh, nay chuyển làm người và bước vào Vô Vi Quy Nguyên tu học. Hằng ngày, chú thích ngồi nơi song cửa nhìn ra đường như chú chim trong lồng nhìn ra ngoại cảnh qua các song cửa lồng chim, nhưng khác ngày xưa là giờ đây hiện diện nơi song cửa của Ngôi Thầy mà học đạo. Đây là cái thức như bị nhốt! Tuy thay đổi hình hài vào môi trường sống tốt hơn nhưng cái thức như bị nhốt vẫn chưa thoát bỏ được, có thể cần nhiều kiếp tiến hóa dần. Những ngày sống bên Thầy Từ Minh Đạt chú tâm sự: “Con thích sống ở trong tù hơn là sống ở ngoài đời!”

Đây là chỗ thể hiện tâm thức chưa chuyển đổi tốt, vòng luân hồi được lập lại tuy dưới dạng khác nhưng vẫn ở mức độ đó thôi!

4.3. Tâm thức trên đường tiến hóa với vòng luân hồi rộng mở:

1 vị tiền kiếp là thủ lãnh 1 nhóm người đồng tâm làm việc bất chánh; hiện kiếp là thủ lãnh 1 hội đoàn với nhóm người ngày xưa được chuyển kiếp lại, các vị đồng tâm làm việc thiện. Đây là cái thức lãnh đạo và tình thương tương thân - tương trợ nhau đi theo luân hồi bước vào mức tiến hóa khá hơn.

Thời xa xưa, Đức Chuyển Luân Thánh Vương đã từng là danh vị tiền kiếp của Đức Thích Ca Mâu Ni Phật. Thời nay, một vị vua, một vị tổng thống từ tiền kiếp chuyển làm Giáo Chủ pháp đạo. Tâm lãnh đạo đem lại an sinh và hạnh phúc cho dân tộc nay mở rộng cho tất cả chúng sanh từ hữu vi đến vô vi thức tâm tu học.

Các trường hợp này cho thấy tâm thức rộng mở trên đường hướng thiện - hướng thượng và trau dồi đức hạnh qua cái hành vi tha nhân. Đây là tiêu biểu cho tâm thức theo vòng luân hồi được lập lại dưới dạng khác nhưng nhẹ dần - nhẹ dần. Vòng luân hồi cứ tiếp tục như vậy cho đến khi mất hẳn, điểm kết không còn nữa! A Lại Da Thức hoàn toàn trong sáng!

Nói chung, khai mở dần điểm vướng mắc là gội rửa - thanh lọc dần tâm thức, là chuyển hóa tâm thức theo chiều hướng rộng mở tâm tánh trải qua nhiều kiếp luân hồi của mỗi chúng sanh. Đó cũng là quá trình lịch sử điểm kết tái diễn lại dưới nhiều dạng khác nhau để học hỏi tiến hóa. Sự thối bại hay rộng mở của tâm thức hoàn toàn do bản thân tu sửa hay không mà thôi!

5. Kết luận: Tu phải khai mở điểm kết!

Một điểm kết chưa khai mở, phải tiếp tục học hỏi khai mở dù trải qua nhiều kiếp. Một điểm kết được khai mở trở về hội nhập chơn linh.

Từ điểm kết này sang điểm kết khác, từ kiếp này sang kiếp khác, chúng ta tiếp tục khai mở điểm kết cho đến khi khai mở toàn diện các điểm kết mà trường đời là phương tiện. Cho nên, trường đời chính là nơi nhân sanh học hỏi để tiến hóa! Điểm kết được khai thông, tâm thức thanh sạch dần, chơn linh hội tụ nhiều tinh hoa học hỏi nơi cõi thế được nâng cao dần - tiến nhập dần về Đỉnh Linh Quang của Thượng Đế!

Với soi căn - nhìn thấu vô số kiếp đã trải qua của mỗi chúng sanh, Thầy Từ Minh Đạt mở ra cho các vị pháp hữu biết:

Việc khai mở điểm kẹt, nhất là điểm kẹt bản năng mà mỗi chúng sanh chìm đắm nơi hồng trần, thường phải trải qua nhiều kiếp luân hồi tiến hóa tái diễn dưới nhiều dạng khác nhau nhưng nhẹ dần - nhẹ dần và vòng luân hồi rộng mở dần cho đến khi mất hẳn, chứ không phải thấy biết là buông bỏ ngay tức khắc được liền. Đây còn là nghiệp lực theo nhân quả thuận luân hồi sanh tử!

Vị thầy hướng dẫn thời nay, đôi khi cần thiết, phải hiểu rõ căn cơ từ nhiều kiếp của đệ tử mà ban pháp tu tập thích ứng cho từng vị!

Vấn tắt: Muốn lìa điểm kẹt của tâm thức - muốn thoát vòng luân hồi mang điểm kẹt được tái diễn dưới nhiều dạng khác nhau hay trải qua nhiều kiếp phải lìa mọi hiện tượng của tâm thức mà Đức Ngài từng dạy các pháp hữu là lìa Tâm - Ý - Ý Thức, lìa nhất thiết Ngoại Tướng nơi tâm!

HỌC LỚP CAO HƠN!

Thầy Từ Minh Đạt ban lệnh thuận theo nguyện ước của một vị pháp hữu hằng mong muốn Cửu Huyền Thất Tổ của mình được đi tu học.

Đến sau ngày khánh thành Đại Hùng Linh Điện, một vị thuộc Cửu Huyền Thất Tổ của vị pháp hữu này đã ở lại, không đồng ý theo sự chuyển vận của các Chư Vị và mong muốn được gặp Thầy. Được sự cho phép của Thầy, vị này cho biết:

Vị là Nội Tổ đời thứ 5 của vị pháp hữu.

Trong tiền kiếp là một vị tướng của Việt Nam.

Lý do ở lại không theo sự chuyển vận đi tu học của các Chư Vị là muốn gấp rút học lớp cao hơn để trả hết nợ nghiệp vì đã gần kề ngày chấm dứt.

Vị Nội Tổ này nhận biết rằng: Hết học lớp cao xong thì sẽ được đi đầu thai sớm, trở lại cõi thế, đi vào hữu vi, là có cơ hội thuận tiện hơn cho việc tu học, lập hạnh và mau tiến tu trên đường đạo. Thầy Từ Minh Đạt giải thích:

- Vị yên tâm tu học theo sự dẫn dắt của các Chư Vị. Nên học từ căn bản, bước bước nào vững chắc bước đó. Người đời có thể làm lẫn chứ các Chư Vị không có làm lẫn đâu. Vị suy nghĩ kỹ lại đi !

Vị Nội Tổ của pháp hữu này vẫn cứ xin Thầy cho phép học lớp cao hơn. Thầy giải thích thêm:

- Khi trở lại dương thế, sẽ chịu rất nhiều cảnh khổ như: Vừa sanh ra có thể sẽ bị đặt vào đồng rác. Sau này có thể sẽ bị lạc mà không gặp được đạo pháp. Trong thời gian sống tại cõi thế, không biết có kham nổi các bài học thử thách hay hóa ra càng tạo thêm nghiệp? (Ý của vị này muốn sớm giải tỏa các nợ nghiệp).

Sau giây phút suy nghĩ lời Thầy dạy, Vị Nội Tổ đồng ý xin Thầy cho phép chuyển vận đi tu học do các Chư Vị

hướng dẫn. Thầy ban thêm vị này 9 (chín) hạt Ngọc của Đức Ngọc Đế, tùy vị sử dụng lập hạnh hóa giải phần nào các nghiệp của mình.

Thầy dạy thêm:

- Đây là đặc biệt dành riêng cho vị, chỉ có vị mới được Ngọc này. Ngọc này không có từ hàng Trung Thiên, Địa Tiên trở xuống, chỉ có thể có ở bậc Đại La Kim Tiên trở lên.
- Là một vị tướng, nên lúc sanh tiền có thể phạm tội giết người. Với ngọc này, vị sử dụng lập hạnh sẽ tiêu trừ nghiệp giết người và nhiều nghiệp nặng khác.

Trước khi đi, vị Nội Tổ tạ ơn Thầy và dặn dò vị pháp hữu này về khuyên gia đình tu học. Vị pháp hữu thưa: "Con đã nói với gia đình rồi nhưng không ai nghe con hết. Chỉ có một mình con tin hiểu !" Vị Nội Tổ hứa sẽ trở lại giúp gia đình tin hiểu mà phát tâm tu hành.

Nhân trường hợp vị Nội Tổ xin học lớp cao hơn, cho chúng ta thấy:

Các phần lực hiểu phần nào hướng tiến tu nhưng không có thân xác để hành, lập hạnh như chúng ta ở cõi thế, nên rất mong muốn trở lại dương gian. Thầy dạy rằng các phần lực chỉ cần có ý niệm hướng thiện là đủ để các Chư Vị tự động chuyển vận đi tu học.

Vào cõi thế là đi vào chông gai trắc trở dễ mang nghiệp vào thân và chìm theo dòng đời. Đồng thời, là nơi quý báu cho những vị rèn luyện tâm tánh, làm hạnh lành và tiến tu nhanh hơn ở các cõi khác. Thực tế, có nhiều vị xuống trần rồi lạc mất luôn.

Sự mong muốn trở lại thế gian sớm do thời gian đi vào "chấm dứt" không còn bao lâu nữa và không còn một cơ hội nào khác. Thầy mở thêm cho chúng ta biết là các vị pháp hữu đã lìa thế, các vị Cửu Huyền Thất Tổ

của các pháp hữu đã được chuyển vận đi tu học, theo sự tình nguyện xuống trần, đều đã được chuyển thể cho kịp trong giai đoạn này.

Phụ ghi:

Học lớp cao hơn là bài học về sự sáng suốt của người hành pháp với căn tánh mỗi chúng sanh đến Pháp Đạo. Đồng thời, là bài học chung về điểm kẹt của đa số nhân sanh thức tâm tu học đời nay:

Thường tìm học những gì cao xa về giáo lý hay giáo pháp và xem nhẹ những gì mình cho là thấp kém.

Mong muốn tiến nhanh nhưng chỗ thực hành - chỗ thật sự hiện rõ về Đức Hạnh hay Tâm Hạnh còn nằm theo tri kiến hay ngôn ngữ tâm thức.

VÔ NGÃ

1. Sự việc thể gian tác động tâm thức lưu hành theo sanh tử:

Một người Trung Hoa, khi sống chuyên nghề buôn bán, vừa khi mất, tâm thức trôi vào bán loạn phải trải qua vài mươi năm mới ổn định. Ổn định! Việc buôn bán ngày xưa hiện dần lên tâm thức đưa vị này trở lại “buôn bán bằng thức” nơi cõi âm như khi còn nơi dương thế.

Nhạc sĩ Đặng Thế Phong, người đã sáng tác nhiều bản nhạc lưu danh hậu thế. Sau khi từ giả cõi đời hơn 50 năm nay, vị này thức tỉnh và mong muốn được tu học. Khi vị này được chuyển đến gặp Thầy Từ Minh Đạt, vị này đến với vài dòng nhạc ngân nga từ xa vang lại như mở lời giới thiệu.

Một vị quan được triều đình ngày xưa giao nhiệm vụ trông coi kho lương thực, không may bị thất thoát do kẻ trộm lấy. Vì bị trộm nên không có bằng chứng trình vua. Nhà vua phán vị quan kia tham ô và ra lệnh xử trảm làm gương. Vài trăm năm sau, nỗi oan ức vẫn chưa được giải. Nhân dịp được phép vào dự sinh hoạt hàng tuần cùng các vị pháp hữu, vị này xin được gặp Thầy. Sau khi nghe trình bày sự việc, Thầy lấy lễ công bằng mà giải tỏa nỗi oan ức, gỡ bỏ điểm vướng mắc nơi tâm thức lâu nay và chuyển vận đi tu học theo ước nguyện.

Trên đây là vài minh chứng từ các buổi học về vô vi của các pháp hữu tại hải ngoại: Nghề nghiệp, việc làm, sở thích, tình cảm hay nỗi lòng tác động tâm thức lưu theo sanh tử luân hồi, một phần nào hiện lên tâm tánh như khi còn sống tại thế.

2. Sự hình thành cái ngã:

21. Bài học từ vô vi:

Chúng sanh trải qua nhiều kiếp mang thân tướng khác nhau. Sống với mỗi thân tướng, sự việc chi phối tâm trí làm nên tâm tánh hay cái ngã trôi theo sanh tử.

Cái ngã chịu ảnh hưởng từ nhiều kiếp và có thể đổi thay theo thời điểm sống.

22. Ngã tướng hiện lên qua sự việc hàng ngày:

Sự việc từ làm ăn sinh sống đến giải trí vui chơi mà lòng mình cảm thấy như có một ngăn ngại gì đó là còn vướng lấy đối tượng bên ngoài đem vào làm nổi lên chấp tướng nơi tâm. Thí dụ:

- Việc làm đem về nhiều lợi nhuận thì sanh tâm muốn làm nhiều --> tướng tham lợi nhuận.
- Làm việc thiện mà có lòng muốn làm việc thiện thật nhiều --> tướng tham thiện.
- Một pháp tu không hợp với mình liền tỏ ý chê -> tướng phân biệt do lý trí.

Sự việc đổi thay, tâm chấp tướng làm nên ngã tướng cũng đổi thay. Sự việc bên ngoài làm chuyển động ngã tướng qua tư tưởng, sinh hoạt hay hành vi tạo tác.

23. Ngũ uẩn là nhân tố hình thành cái ngã:

- Sắc: Sự cảm nhận từ hình tướng, thân thể, vật chất; gồm 5 căn và 6 trần.
- Thọ: Sự biến chuyển tình cảm, cảm xúc, lãnh nạp qua cảm nhận từ sự việc như vui hay buồn.
- Tưởng: Sau khi lãnh thọ sanh ra tưởng nhớ, suy diễn, quan sát.
- Hành: Sự biến chuyển lưu hành của tâm thức. Hành vi tạo tác nơi tâm thức.
- Thức: Thấy hay biết do tâm thức; gồm 8 loại: Tâm - Ý - Ý Thức và Tiền Ngũ Thức. Tâm A Lại

Da Thức là chủ của 8 thức và chủ dẫn đi trong sanh tử.

- Năm uẩn này liên kết làm nên cái ngã thật đa dạng.
- Đức Ngài dạy: “Sắc - Thọ - Tưởng - Hành - Thức tích tụ lại, gây thành CÁI NGÃ. Năm cái uẩn này không có cái nào thuần nhất, thường định, cái nào cũng phiền phức và giả dối, nghĩa là xưng 'TA'.”

24. Thể hiện chấp ngã xuyên qua ý thức:

Chấp ngã thể hiện 4 điểm: Ngã kiến, ngã mạn, ngã si và ngã ái. Bốn điểm này hiện qua 2 phương diện chấp: Ngã (ta):

Thí dụ: Thân này của mình; tâm tánh của mình; tư tưởng của mình dù là khách quan hay chủ quan.
Ngã sở (của ta):

Thí dụ: Người yêu của mình; vợ của mình; quyền sách đất ý của mình.

Bốn điểm này hiện qua 2 phương diện của ý thức: (1) lý trí (như phân tích, nhận định, so đo), (2) tình cảm (như tham, sân, si và ái).

Một tập hợp kinh nghiệm sống khi có điều kiện hiện lên ý thức đi vào hoạt động. Dòng tâm thức chấp ngã hiện qua ý thức đi vào hoạt động. Hoạt động của ý thức còn tùy thuộc vào thức tâm tu sửa; nên có thể nói: Bước đầu khai tâm chính là đánh thức ý thức, điểm căn bản chuyển hóa chấp ngã.

3. Bước đầu học vô ngã:

31. Ôm chi cho vương mắc!

Tâm trí chúng ta bị chi phối qua sự việc như:

Phải làm việc nuôi thân, tâm trí chìm vào sự việc. Sự việc chi phối, tâm thức chạy theo làm nên nét riêng tư của mỗi vị.

- Sáng tác nhạc, thường thức nét nghệ thuật. Nguồn cảm ứng tinh thần theo đối tượng tác động lên tâm tư tình cảm tuôn trào làm nên.
- Nỗi lo âu, oan ức chế ngự đời sống tinh thần.
- Tâm thức do sự việc bên ngoài chuyển động, do ngoại cảnh đem vào. Thử một chút im lặng nhìn những ham thích say mê sự việc, những tâm tư tình cảm trào dâng, những tư tưởng như dòng sông tuôn chảy đều như khách qua đường, luôn biến chuyển.
- Ôm làm chi cho nặng nề tâm thức! Chấp làm chi thêm thắc buộc nơi tâm!

32. Buông thả tự nhiên cho tâm hồn thanh thản!

Dòng thức sống vương lấy thể sự do mình thả niệm chạy theo nên bị dẫn. Nhìn lại! Thấy bị dẫn, không theo. Niệm thức tự chìm, không còn bị dẫn.

Trong sinh hoạt hàng ngày, tự nhìn tâm ý hiện qua sự việc và tánh hành động của mình. Thấy vương víu thì dứt khoát buông ra; thấy bị ràng buộc thì lập tức tự mở ra.

Thí dụ: Thường ngày, chơi đàn cho khuây khỏa sau những giờ làm việc nơi công sở. Dần dần, từ thú vui khuây khỏa tâm hồn trở thành đam mê. Hôm nào không chơi đàn cảm thấy như thiếu thốn một cái gì đó. Biết là mình đam mê vì đàn nên dứt khoát bỏ ngay thú vui này.

Là người tu học, chúng ta không ngại tìm hiểu học hỏi hay say sưa làm việc mà ngại ôm lấy lưu giữ sự việc vào tâm không dám buông ra.

Không ôm thì không vướng! Không giữ thì không lưu!

33. Cách tập căn bản:

Qua 2 điểm ôm lấy và buông thả vừa trình bày cho chúng ta hướng học:

331. Không chạy theo niệm khởi:

Việc nhỏ nhẻ quanh mình hay đi giữa dòng đời với bao việc làm nên chấp ngã. Người tu học:

- không phải làm lơ hay làm như tai không nghe, mắt không thấy.
- không phải gom tâm trí như tập trung để tâm không chạy mộng lung.
- không phải chế ngự niệm khởi để an định. Lại càng không nên cắt đứt tư tưởng đang lưu hành như dòng thác.

Điểm chính là nhận biết niệm khởi chấp ngã và không hòa đồng chạy theo niệm khởi đó. Thí dụ:

- Tự cao khi danh của mình được nâng lên.
- Hờn giận khi bị ngược ý.
- Tự ái khi bị nói xấu.

Không chạy theo hòa đồng cùng niệm khởi, thật nhẹ nhàng!

332. Biết mình đang làm gì!

Vào làm việc hay vui chơi giải trí thì nên biết mình làm việc hay vui chơi giải trí. Cũng như khi ngưng việc phải biết mình ngưng việc, buông mọi hình ảnh lưu nơi tâm trí.

Làm việc, biết mình làm gì chớ không phải bị niệm khởi dẫn làm. Có chăng là dùng niệm khởi như phương tiện, chớ mà Đức Ngài dạy: “Cái ngã của ta không có

gì xác định, vốn chẳng có thật, vì phương tiện dùng đó thôi.”

Đó là cái biết của người vô niệm - vô ngã. Vô niệm không có nghĩa là không có niệm khởi mà là không buông thả theo niệm khởi đó. Vô ngã, cũng vậy, là không chạy theo ngã tướng khởi nơi tâm.

Thí dụ 1: Tạm dùng bản thân như phương tiện.

Qua sinh hoạt hàng ngày, thay vì đem hết khả năng hiện có vào việc làm, chúng ta có thể dùng một phần khả năng này đi song song với việc làm để sửa tâm ý cho chơn thật, sửa hành động cho trong sáng hay trau dồi đức hạnh. Được như vậy thì chỗ nào cũng là nơi cho chúng ta tu học. Đời - Đạo có khác gì đâu!

Như vậy, mang thân phàm với trí phàm nơi cõi thế là phương tiện học hỏi xuyên qua sự sống chứ không phải đến đây đi vào thế sự chìm theo đời thường quên mất nguồn cội.

Thí dụ 2: Ngã tướng hiện qua cách vâng lời cha mẹ.

Cha mẹ khuyên người con đã phạm phải lỗi lầm. Người con vâng lời làm theo lời dạy cho cha mẹ vui lòng vì đạo hiếu. Trong khi vâng lời, thâm tâm người con chưa có thật tâm vâng lời dấu biết rằng lời khuyên của cha mẹ là đúng. Tuy chỗ ngã tướng không bày cho cha mẹ thấy nhưng cái ngã tướng nơi tâm người con vẫn còn đó. Một ý niệm giả dối đủ làm ngăn cách sự chân thật nơi lòng mình.

4. VÔ NGÃ!

41. Mở dẫn lực tự tại qua hành dụng:

Nếu như dừng nơi “chân thể yên lặng - dứt phiền não”, dễ sa vào ôm lấy yên lặng tầm mình trong an định. Phải hoạt động mới có thể mở tâm trí.

Thí dụ:

Khai Tâm Diễn Pháp tập 1

Trong các buổi sinh hoạt hàng tuần, thỉnh thoảng Thầy tập cho các vị pháp hữu tự phân giải và quyết định lấy một vài việc liên quan đến đạo pháp mà chúng sanh các nơi cần đến.

Hay nhiều việc về hoàng pháp do các pháp hữu khắp nơi trên thế giới gửi về, Thầy mở lớp hướng dẫn cách làm việc và tập một số pháp hữu tự giải quyết.

Đó là một cách động não mở trí, đồng thời mở rộng tâm hạnh qua cách xử trí. Nói cách khác, từ chỗ chấp ngã xưa nay đi vào an định, yên lặng, dứt phiền não là đánh rớt phần thô ngã. Dụng cái chân thể tạm thời yên lặng đó vào hành động là đem cái TỊNH ban đầu vào chỗ ĐỘNG, khuấy phần vi tế ngã tiềm ẩn nổi lên mà gọi rửa và mở tâm trí.

Từng bước thanh lọc tâm thức thanh sạch thật sự là từng bước sống với phần thanh tịnh qua sinh hoạt hàng ngày. Đi vào hoạt động mở dần tánh thanh tịnh và mở trí khi đối việc, còn tạm gọi là mở dần cái thấy, cái biết thường tịnh - thường giác nơi mỗi chúng ta.

Qua chỗ hành nơi sự việc mà học tánh tịnh - tánh giác là mở dần định lực tự tại. Sống với phần định lực tự tại là sống với phần Thật Ngã.

42. Các tầng số rung động của tâm lực làm nên ngã và vô ngã:

Tâm thức làm nên phàm tánh đi vào hành động thể hiện chấp ngã - chấp tướng. Bỏ cái ngã tướng xuống hiện bày vô ngã tướng. Qua hành dụng mở dần định lực tự tại mà dần dần hội nhập Thật Ngã. Từ định lực tự tại phóng ra các tầng số rung động theo ý muốn.

Đứng vào vị trí người tu học:

Nếu chạy theo nhân tố hình thành cái ngã là ngũ uẩn thì tầng số rung động chấp ngã càng được huân trưởng. Trái lại, nếu đánh rớt cái ngã thì tầng số rung động vô ngã được huân trưởng. Các tầng số rung động có nhiều sai khác do khả năng định lực trên đường tu học của mỗi vị.

Với tâm trí tự tại:

Các Ngài có thể tự điều chỉnh các tầng số rung động theo ý muốn. Nên, tuy hiện diện vào mọi hoàn cảnh của thế nhân vẫn là sống với định lực tự tại và thông đạt các hiện tượng sai khác của tâm chúng sanh chỉ là hiện tượng sai khác của tâm lực mà thôi.

Thế nên, chỗ mà chúng ta tạm gọi là tâm chấp ngã - chấp pháp, tâm nhiễm trước hay các tạp khí ô nhiễm nơi lòng cần được gội rửa, thanh lọc thì với các Ngài nếu có đó chỉ là hiện tượng diễn biến qua các tầng số rung động theo ý muốn và đó cũng là phương tiện dụng tướng giúp các Ngài hòa đồng chúng sanh và dẫn độ.

Thí dụ: Đứng nhìn theo hình tướng! Người mẹ rầy đứa con nhiều lần lỗi với vẻ giận dữ theo chỗ nhận thấy của người đời. Liền sau lời rầy, người mẹ nhẹ lời khuyên dạy từng điểm với thâm tình mẫu tử. Chỉ trong tích tắc, chỗ giận dữ trở thành cực điểm tĩnh theo chỗ nhận thấy của người đời.

Đây không phải là giận dữ hay cực điểm tĩnh theo cái nhìn của người đời bình thường mà là tánh hành động thanh tịnh xuất phát từ định lực tự tại, đi vào hành xử sự việc tuy thể hiện có động, có tịnh khác nhau nhưng tánh vẫn thanh tịnh.

43. Ngã và vô ngã nào có sai khác!

Ngã và vô ngã do tâm lực phát sanh. Chính định lực tự tại là Thật Ngã. Chính nơi định lực tự tại đi ra thì ngã và vô ngã nào có sai khác. Tất cả đều là chơn thật! Đây là VÔ NGÃ! Đúng theo lời Đức Ngài dạy:

*“Thân chứng lý VÔ NGÃ,
thể ngộ pháp VÔ SANH.”*

44. Học sống với thực tại bằng trực giác:

Các hiện tượng sai khác do tâm lực phát sanh, thì có chi đâu mà chạy theo niệm khởi hay không chạy theo niệm khởi, và có chi đâu mà hành dụng hay không hành dụng.

Có chăng, với chúng ta, đó là phương tiện pháp từng bước mở các vướng mắc nơi tâm do mình tự mang lấy lâu nay. Mở thông tất cả vướng mắc thì phương tiện pháp cũng không. Từ đây, chúng ta nhận ra chỗ học đích thực: Học sống bằng trực thức! Học sống bằng trực giác! Học chỗ mà Đức Ngài dạy:

“Tư tưởng, lời nói và hành động luôn luôn an trú trong chánh niệm!”

Thời có thể quy tâm thức thiên lưu, thiên biến vạn hóa trở về thanh sạch, bất nhiễm. Tánh thanh tịnh, tánh giác hiện rõ nơi đây. Đây là phương tiện pháp trực chỉ Tâm thấy Tánh!

5. Kết luận:

Nương duyên lành và hạnh lành để nhận ra cái thật!

Thầy Từ Minh Đạt dạy: “Nếu ta chỉ biết 1, 2, 3,... thì cũng nên chỉ lại cho người chưa từng biết 1, 2, 3,...

Đó là tinh thần đùm bọc nhau; đó là sự tạo duyên lành, tạo hạnh lành.”

Học lời Thầy dạy chúng ta nhận ra hướng tự lợi - tự giác đi vào lợi tha - giác tha. Vừa độ mình cũng vừa độ người với khả năng hiện có mà không cần phải đợi đến khi tu học thành quả mới vận dụng Bi - Trí - Dũng vào hạnh nguyện độ sanh. Đây là hướng lập hạnh của chúng sanh thức tâm tu học thời nay!

Do đó, không lánh đời, không xa thế sự mà nương đời, nương thế sự; đồng thời, nương phàm ngã, nương ngã tướng, dần dần nhận ra tánh thanh tịnh, tánh giác nơi mình.

Phương tiện tạo duyên lành, tạo hạnh lành mà Thầy dạy mở dần cho chúng ta nhận ra: Các phương tiện lập hạnh có nhiều sai khác là phương tiện dụng của tâm, là phương tiện pháp tướng của tâm. Bản thể của tâm và các phương tiện dụng tướng xuất phát từ bản thể này do tâm lực chỉ là một mà thôi. Đây là chỗ mà mình phải thấy! Học sống với cái thấy này, sống với thực tại bằng trực giác, là mở đường về Bản Thể Chơn Như.

Thưa các vị! Khả năng chúng ta chưa đến chỗ này nhưng ít ra chúng ta thấy được hướng đến trên đường tu học. Mến chúc các vị thành đạt như ý trên đường trở về Nguồn Cội!

KHAI TÂM MỞ ĐIỂM KẾT !

Ngày 05. 09.1998, nhằm ngày Rằm tháng 7 năm Mậu Dần:

- Ngày Đại Lâm Triều của Đức Mẫu Mẹ - Đức Cha Lành.
- Ngày Đức Ngài khai mở Vô Vi Quy Nguyên Pháp tại cõi thế.
- Ngày Thầy Từ Minh Đạt khánh thành Đại Hùng Linh Điện theo chỉ định của Đức Ngài và Công Đồng các cõi.
- Ngày Thầy Từ Minh Đạt thọ nhận Y Báu do Đức Mẫu Mẹ - Đức Cha Lành, các chư Phật 10 phương ban, các Đấng Giáo Chủ Tam Tòa, Công Đồng các cõi chứng tri hộ trì.
- Ngày Thầy Từ Minh Đạt phát Đại Nguyên thực thi Tam Giáo Đồng Quy, đưa chúng sanh trở về Thế Giới Đại Đồng.

Kính thưa Thầy,
 Chúng con xin Thầy cho phép ghi lại Đạo Từ, việc chỉ dạy của Thầy nhân ngày Đại Lễ và những ngày trước đó. Kính mong Thầy ân xá cho những lầm lỗi khi viết lại những lời này:

1. ĐẠI HÙNG LINH ĐIỆN:

- Đại Hùng Linh Điện, nơi phụng thờ các Đấng Chí Tôn.
- Đại Hùng Linh Điện, nơi nhận Linh Điện Đức Mẫu Mẹ - Đức Cha Lành. Từ đây, Linh Điện tỏa ra chúng sanh các nơi thọ hưởng.
- Đại Hùng Linh Điện là cái nôi của các pháp đạo. Các pháp đạo từ các nơi trên khắp thế giới như Phật Giáo, Cao Đài Giáo, Công Giáo, Tin Lành, Hồi Giáo,...và từ các cõi quy tụ về đây tiếp nhận Vô Vi Quy Nguyên Pháp, thực thi công cuộc hoằng truyền đạo pháp. Từ Đại Hùng Linh Điện, mở ra nhiều Bửu Tòa Linh Điện khắp nơi trên thế giới, tiếp nối thực hiện hoằng khai đạo pháp.

Đó là điều mà Đức Ngài mong mỗi nơi các pháp hữu vào những năm sắp hồi vị.

Thầy cho biết thêm: Đặc biệt ngày hôm nay, nhiều vị pháp hữu từ các nơi đang trên đường về dự Đại Lễ nhưng không đến được vì hư xe, kẹt xe, trễ chuyến tàu,....Cửa Điện luôn mở, các vị không đến được hay đến trễ là do các Chư Vị chọn lọc từ bên ngoài trong khoảng thời gian Đại Lâm Triều. Qua thời gian này, các vị đến bình thường.

2. VÔ VI QUY NGUYÊN LÀ PHÁP:

2.1. Pháp đưa chúng sanh trở về Nguồn Cội:

Con người là Diễm Linh Quang của Thượng Đế. Vô Vi Quy Nguyên Pháp, nơi chúng sanh tiếp nhận để trở về Nguồn Cội của mình là Diễm Linh Quang của Thượng Đế. Các pháp đạo hiện diện khắp nơi nơi chúng sanh là các nhánh, các tia sáng, đều từ một Nguồn Cội đi ra thích ứng cho từng thời điểm của chúng sanh. Vô Vi Quy Nguyên Pháp, nơi các pháp đạo tiếp nhận để quy về một Cội.

Đặc biệt trong giai đoạn hiện nay, Vô Vi Quy Nguyên Pháp, nơi kết tụ những cánh hoa đức hạnh, những cánh hoa đạo đức từ các nơi để đưa chúng sanh về Thế Giới Đại Đồng. Mọi căn cơ chúng sanh, mọi pháp đạo đều có thể tiếp nhận Vô Vi Quy Nguyên Pháp. Các vị quy tụ về đây là đón nhận sự sàng lọc, sự thử thách, sự rèn luyện ý chí và tâm tánh.

2.2. Pháp cảnh tỉnh thức tâm tu học vào giai đoạn cuối:

Do vui sống với phàm ngã, với vương kẹt nơi tâm nên chưa nhận ra chỗ lầm lạc, chỗ vướng kẹt của tâm mình. Tiếp nhận pháp tu học, tự mình thức tỉnh mê lầm, soi sáng chỗ lầm lạc mà mình đang sống. Tiếp

nhận pháp tu học, tự mình hóa giải dần làm lạc, cởi bỏ vướng mắc của tâm.

Ngày nay, Hội Long Hoa đã mở và không bao lâu nữa sẽ khai mở Hội Long Đình. Đây là thời điểm cuối cùng không còn một cơ hội nào nữa để tu sửa. Các vị cứu được một chúng sanh nào là may mắn cho chúng sanh đó. Chưa thức tâm tu học là thuận theo sự sàng lọc.

2.3. Pháp không đi theo hình thức:

Việc tu sửa không thể đi theo như hình thức hay rập rập như công thức. Rập theo khuôn khổ phép tắc không phải là đường giải tỏa vướng mắc của tâm. Đi theo quy tắc cứng nhắc là nuôi lớn hình thức, tự mình bỏ mất tính linh động và đa dạng của việc tu học. Như:

- Tu tập như làm một bốn phận hằng ngày cho xong.
- Sửa tâm theo nơi, theo dịp, theo thời, theo danh hay thế vị.
- Sửa thân theo bề ngoài mà tâm chưa chuyển hay thân vào pháp mà tâm ngoài đời.

Chú trọng tầm thân, nhìn theo hình thức mà xem nhẹ vướng mắc của tâm. Việc khai mở vướng mắc từ nơi tâm chứ không phải từ bên ngoài. Tâm chuyển thì vướng mắc chuyển theo và được hóa giải dần.

Pháp thực hành thẳng nơi tâm. Từ tâm khai mở đi ra hành động, là phẩm hạnh, là đức hạnh của người tu học.

2.4. Pháp không đi theo lý thuyết:

Pháp tu học, không đi theo lý thuyết, không dùng như đọc tụng kinh. Ngôn ngữ văn tự hay sách báo là phương tiện truyền đạt Đạo Từ của Đức Ngài, của Thầy hay trao đổi thông tin của các pháp hữu.

Như qua sự truyền dạy của Thầy mà nhận ra điểm vướng mắc của tâm. Tự mình đánh thức mình. Tự mình tu sửa thẳng vào điểm vướng mắc, hướng thẳng vào lòng trần, tánh thể tục của mình mà gội rửa!

2.5. Hoằng khai Pháp Bảo:

Các Bảo Pháp mà Đức Ngài và Thầy ban các vị là phương tiện trợ lực hành pháp, lập hạnh, mở tâm và cảnh tỉnh thức giác chúng sanh tu học. Dù có nhiều Bảo Pháp trong tay mà không hành, tâm chưa mở vướng kẹt thì không ích gì cho bản thân và tha nhân. Được ban nhiều pháp công phu, dù có chuyên tâm công phu nhiều năm mà tâm vướng kẹt chưa khai thông thì phàm tánh vẫn còn, tâm trí bị đóng kín.

Nhân dịp ban Kim Cang Bảo Pháp cho một vị pháp hữu, Thầy dạy thêm:

- Kim Cang Bảo Pháp do Điện Quang Màu Hồng của chư Phật kết tụ hình thành ban cho các vị. Điện Quang thì chặt không đứt, bứt không rời. Kim Cang Bảo Pháp ban cho các vị Đại La Kim Tiên hay Bồ Tát bất thoái chuyển.
- Người được ban Kim Cang Bảo Pháp tuy chưa phải là Bồ Tát nhưng tâm được khai mở, thấy được điểm vướng kẹt nơi tâm và từ bỏ, thấy được hướng Hướng Thượng từ Kim Cang Bảo Pháp hay ít ra có hành vi Hướng Thượng của bậc Bồ Tát.

Ngày trước, nhất là khi sắp hồi vị, vì tình thương đối với các đệ tử mà Đức Ngài đã ban nhiều Bảo Pháp. Dùng được Bảo Pháp và đem lại lợi ích nhiều hay không còn tùy thuộc vào sự khai mở tâm của vị đó:

- Có vị chưa biết xử dụng Bảo Pháp như thế nào cho lợi ích.
- Có vị được ban Thiên Y nhưng khi trở về chỉ vác Thiên Y lên vai mà không mang vào người được.

Trên bước đường tu học, chúng ta cần Bảo Pháp và đến mức độ nào đó thì ý là chính. Một ý ban ra là một lệnh truyền ra.

3. HƯỚNG MỞ TÂM:

3.1. Nhiệm vụ của người hướng dẫn:

Còn một ngày nữa là Đại Lễ, các vị công nhân của một cửa hàng gấp rút xây lắp cột cờ trước sân. Dịp này, Thầy hỏi chúng tôi:

- Các vị lắp đặt cột cờ trước sân có Phật Tánh không?

Sau vài phút yên lặng trôi qua của chúng tôi, Thầy dạy:

- Các vị này có Phật Tánh!

Thầy hỏi tiếp:

- Các vị này có quý Phật Tánh của mình không?

Chúng tôi thưa:

- Thưa Thầy, các vị này quý Phật Tánh!

Thầy dạy:

- Các vị này có Phật Tánh nhưng họ không biết quý Phật Tánh của mình. Cũng như các vị ngồi đây, các vị hiện diện nơi đây ngày hôm nay là do không biết quý Phật Tánh của mình.

Thầy mở cho chúng tôi nhận ra:

- Người đời ai cũng có Phật Tánh nhưng quên Tánh Phật của mình nên phải lặn hụp nơi dòng đời.
- Các vị pháp hữu cũng như người đời, có vị từ cung Mẫu đến, có vị từ cõi khác đến, nhưng vì quên Tánh Phật của mình mà hiện diện nơi Vô Vi Quy Nguyên Pháp.

Người hướng dẫn có nhiệm vụ khơi gợi cho chúng sanh thấy Phật tánh của họ, thấy tâm tánh quý báu sẵn có nơi thân tâm họ. Đó là nhiệm vụ của người hành pháp trao cho chúng sanh mở tâm thấy Tánh Phật.

3.2. Hướng mở điểm vướng kẹt:

Trong mỗi chúng ta đều có điểm vướng kẹt. Điểm vướng kẹt này là chủng tử được lưu giữ sâu kín nơi tâm thức, tiềm tàng qua nhiều đời kiếp, nếu có dịp thuận tiện sẽ bung ra, bằng như không có dịp thì nằm yên đó. Người hướng dẫn phải biết căn cơ từng người để tạo duyên khơi đúng vào điểm kẹt, gợi cho lộ diện ra. Điểm kẹt là cái gút mắc, là cái thắc của tâm. Mở điểm kẹt, tâm trí khai thông.

Trong thời gian vừa qua, chúng tôi nhận ra vài hướng mở mà Thầy đã thực hiện cho nhân sanh, các pháp hữu và cả bản thân chúng tôi:

- Có vị, Thầy không hướng dẫn gì hết, vì vị này chưa đến lúc cần học.
- Có vị, Thầy chỉ hướng dẫn lễ phép bình thường; có vị, Thầy chỉ hướng dẫn tâm hiếu, không cần học điều cao xa.
- Có vị nặng tính phép tắc; có vị ảnh hưởng từ tiền kiếp của mình là vị sư sống trong giới luật; có vị lập hạnh hay công phu như công thức; các vị, tuy có lòng tốt nhưng không hay là tu học như công thức, như khuôn khổ, thiếu tính đa dạng nhiều mặt của đạo pháp. Thầy tạo cơ hội mở khuôn khổ khép kín của tâm trí, của hành vi hay phẩm hạnh.

Có vị Thầy dùng biện pháp mạnh như:

- Khơi dậy lòng tự ái. Vị nào tự ái càng cao Thầy càng tạo duyên khơi lòng tự ái thêm, cho đến khi hết thì thôi.
- Khơi dậy lòng tự cao tự đại, gọi thêm chỗ ngã mạn, giúp họ tỉnh thức mà dẹp bỏ.
- Đánh đổ chỗ tri kiến sẵn có đã ăn sâu vào tâm khảm, phá vỡ chỗ chấp cứng vào sự hiểu biết về đạo pháp đã tích lũy từ lâu nay, giúp vị này thấy hiểu biết đó là cái vỏ bên ngoài như lớp sơn tô lên bề mặt.
- Hay đưa thẳng tâm trí vị này vào trạng thái như một giấc mộng, như một vực thẳm, chỗ tận cùng của hố sâu không đáy để vị này tự xóa tan mọi thành kiến, định kiến hay chấp nhất. Vị nào đủ ý chí vượt qua thì đến với pháp đạo, bằng không là tự thoái chuyển.

Với các vị nặng về tình ái, Thầy thả tự nhiên cho chìm sâu vào tình ái, đồng thời, là cơ hội học hỏi cho biết. Sau đó, nếu vị nào vững tâm đạo, Thầy cho biết đây là thử thách và chỉ cho hướng đi.

Có vị, Thầy dạy chỗ chân tình, tâm hòa đồng; có vị, Thầy dạy hành Bát Chánh Đạo, tập tâm Từ vì đây là điểm vướng kẹt của vị này.

Có vị, Thầy khơi gợi điểm vướng mắc đã đến lúc chính mùi, vị này có thể dần dần mở cho mình một hướng tu sửa.

Có vị, có khả năng, có thể làm việc được, Thầy giao phó việc làm thích hợp. Việc làm đó thường là phương tiện giúp người này thấy được điểm yếu của mình qua quá trình làm việc. Việc làm đó là cơ hội gọi rửa dần điểm vướng mắc nơi tâm.

Thánh Danh mà Đức Ngài và Thầy ban các vị pháp hữu trong đó có điểm gút mắc cho từng vị và tiềm ẩn pháp tu học cho vị đó.

Điểm kẹt có thể rất nhỏ, nằm sâu kín mà người ngoài khó thấy, ngay cả bản thân người này cũng khó nhận ra. Thầy tạo cơ hội khơi gợi, làm hiện lên điểm kẹt thể hiện qua lời nói hay hành vi. Thầy chỉ rõ chỗ vướng mắc. Điểm kẹt mở ra, tâm sáng suốt hơn!

4. VAI TRÒ CỦA NGƯỜI HƯỚNG DẪN : CHỈ THẲNG ĐIỂM VƯỚNG KET !

4.1. Thí dụ 1:

Người từng đem công sức tiền của giúp người. Người từng phụ giúp cơ quan từ thiện hay phục vụ bất vụ lợi cho tổ chức xã hội. Các vị này, nhìn bề ngoài là người tốt, làm hạnh lành, nhưng biết đâu nơi tâm còn nhiều điểm vướng mắc như:

- Tánh ích kỷ hẹp hòi hiện lên nơi tâm ý khi có dịp mà thường ngày không thấy.
- Tánh tham kín đáo chìm sâu nơi lòng mà tha nhân không biết, có cơ hội đánh động lòng tham thì hiện ra.
- Tánh hờn giận không lộ diện ra ngoại thân hay cái giận day dẳng kín đáo nơi lòng kéo dài nhiều tháng vì chuyện không đâu.
- Tánh tật đố được che kín qua hành vi hay phương tiện che khuất bên ngoài thân.

Một điểm kẹt tuy nhỏ, đã là chủng tử lâu đời, có vẻ thường thường này, chưa có cơ hội xả bỏ cho dứt. Nó tiềm ẩn mà người này chưa nhận ra hay nhận ra nhưng vì quá nhẹ nhàng nên không mấy quan tâm gột rửa.

Đây là điểm vi tế, rất khó tiêu trừ, nếu có cơ hội sẽ phùng phùng phát ra. Người Thầy hướng dẫn khéo tạo duyên khơi điểm vướng mắc lộ diện, có thể phải tạo “duyên sốc” tác động mạnh cho điểm kẹt lộ diện trọn vẹn. Đó là cơ hội giúp người này hạ thủ quyết tâm tiêu trừ vĩnh viễn chỗ vi tế.

4.2. Thí dụ 2:

Một người thích người khác nói về điểm tốt của mình, thích người khác khen về thành tựu của mình, thích người khác nói về thành quả tu học của mình.

Một người thích nghe giảng đạo lý cao xa màu nhiệm, thích thưởng thức nét huyền diệu linh thiêng về đạo pháp, thích học hỏi tinh hoa các giáo pháp.

Các vị này, khi nghe giảng điều bình thường như giữ lễ phép tối thiểu hay nghĩa cử thường ngày mà cảm thấy khó chịu thì đó là điểm kẹt.

Người Thầy hướng dẫn có nhiệm vụ khơi lên chỗ khó chịu, làm hiện lên cái ngã tướng khó chịu bình thường này, giúp họ thấy mà tu sửa. Chừng nào hành vi tạo tác hay cái hạnh thường ngày không còn hiện bày chỗ khó chịu này; chừng nào ý niệm phóng ra không còn chỗ khó chịu này; chừng nào tánh ý nơi tâm không còn hiện lộ chỗ khó chịu này; chừng nào tâm tiếp nhận tự nhiên, thản nhiên trước chỗ gọi là khó chịu hay trước chỗ gọi là nghịch ý phiền lòng; khi đó, “chìa khóa khơi gợi rung chuyển tâm linh” mà người Thầy hướng dẫn đem đến cho tha nhân chính là chìa khóa mở tâm.

Người khai mở là tự tha nhân. Người Thầy hướng dẫn làm phương tiện tạo duyên lành.

4.3. Tạo duyên khơi điểm kẹt:

Điểm kẹt của mỗi người cần có cơ duyên thuận tiện khơi ra. Là người Thầy hướng dẫn, có thể hòa theo cuộc sống người học trò, sống đối nghịch hay sống thuận theo điểm kẹt, tạo cơ hội khơi dậy điểm vướng mắc tuôn ra. Môi trường sống hằng ngày là phương tiện làm hiển lộ tâm tánh, là nơi làm nổi bậc điểm kẹt, cũng là trường tu tập sàng lọc điểm kẹt.

Người hướng dẫn có thể phải theo sát người học trò trải qua nhiều tháng, nhiều năm hay nhiều đời kiếp, tạo cơ hội khai mở tâm đúng thời điểm. Làm cho tâm dấy động lên, làm cho rối loạn tâm gút mắc, nhưng phải biết giới hạn mức độ theo khả năng chịu đựng và tiếp nhận sự tu sửa của người học trò, nhằm giúp tiếp tục tu sửa tốt. Điểm quý là người học thấy được chỗ vướng mắc, nhận ra lầm lạc, thật tâm tu sửa và nhất là vững ý chí vượt qua thử thách.

Mở tâm ! Pháp chỉ thẳng điểm gút mắc của phàm tâm, chỉ thẳng chỗ vi tế tiềm ẩn, làm cho nó khuấy động lên, vén mở tánh mê lầm sâu kín từ bao đời nay. Các chư Phật đến với chúng sanh dùng pháp này! Là người tu học, chúng ta không phải tìm kiếm đâu xa, chỉ cần nhìn vào điểm kẹt của tâm, hóa giải dần vướng mắc và tu sửa. Đó là tu học. Đó là Đạo. Khai tâm là thấy Đạo!

5. KHAI TÂM - MỞ GÚT MẮC NƠI TÂM :

Thử tự nhìn vào hoạt động, nhìn vào tác phong, nhìn vào cách ứng xử của mình, nhất là khi đối diện với trắc trở bất thường đưa đến và tự nhìn vào tâm ý hiện lên lúc bấy giờ, thời có thể thấy được phần nào điểm kẹt nổi lên. Hay thử im lặng, nhìn vào hoạt động của tâm ý, của ý nghĩ và hành vi vào lúc tinh thần bị chấn động do không được thỏa mãn theo ý muốn của mình, hoặc những “cú sốc” đối nghịch lòng mình, từ thơ ấu đến nay, thời có thể nhận ra điểm kẹt mà mình đã trải trong quãng đời vừa qua.

Đó cũng là trường hợp người học trò được Thầy chỉ ra điểm kẹt và nhìn thấy được điểm kẹt của mình.

Bình thường, chúng ta khó tự nhận ra. Một khi nhận ra rồi cũng không dễ dàng gọi rửa. Thầy tìm nhiều phương cách thích hợp, dùng nhiều biện pháp từ nhẹ đến mạnh để khơi gợi và hướng dẫn gọi rửa. Song song, là sự quyết tâm gọi rửa của người học trò.

Giả sử như người vào công phu nhập định, thời lìa bỏ được chỗ phạm ngã bình thường của một người. Đó là phần thô chìm theo nhập định. Hay một người giận dữ vì chuyện nghịch ý, sau đó trở lại bình thường như không có gì xảy ra cả. Đó là phạm tánh bình thường tương đối dễ sửa.

Tuy nhiên, bên cạnh phần thô tương đối dễ sửa, dễ tự chủ, còn phần vi tế tiềm ẩn, đây là cái gút mắc của tâm, mà chúng ta ai cũng có nhưng chưa nhận ra. Thầy chỉ dạy chúng ta ở chỗ này!

Muốn lìa bỏ phần vi tế này phải đi vào hành động, đối diện sự việc cản ngăn, chạm trán nghịch cảnh nghịch lòng. Có đối diện như vậy, phần tiềm ẩn mới có cơ hội lộ ra và mới biết được bước tiến tu học của mình. Do đó, người tu học phải tiếp bước đi vào thế sự, đối diện nhiều với “thế thái nhân tình”, trưởng thành trong hoàn cảnh mà theo người đời cho là lớn lên trong khó khăn gian khổ, để nhận ra điểm kẹt và từng phần từng bước gọi rửa. Đó cũng là yếu quyết tiêu trừ phần vi tế !

Thế nên: Trường đời là bài học nhận diện điểm kẹt; trường đời là trường sàng lọc phạm tánh để thấy Phạm Tánh, là phương tiện giải mê phục hồi Chơn Tánh.

Lý pháp khai tâm, mở gút mắc của tâm luôn hiện diện bên mình, là pháp đi vào phàm ngã, gọi rửa phàm tánh, chỉ thẳng gút mắc thắt buộc nơi tâm mà mở. Mở gút mắc nơi tâm từ sự sống thể tục mà mình đang sống.

Tự biết mà lìa bỏ dần lòng trần tánh thế. Tự biết mà tự hành: Lập hạnh, tạo hạnh lành, đi vào hoạt động, đối diện điểm vướng mắc. Tâm khai thông, vướng mắc lặng chìm, đường Tri Nguyên hiển lộ:

- Khai Tâm - Mở gút mắc nơi Tâm, sống với Thực Tại hiện hữu!
- Khai Tâm - Gọi rửa Tâm, Ý, Ý Thức là khai tâm Trực Giác!
- Đời Đạo Song Hành mở đường Hướng Thượng - Tri Nguyên!

KHÔNG TẬP TRUNG TƯ TƯỞNG TRONG CÔNG PHU ÁP DỤNG VÀO ĐỜI

Được dịp tiếp xúc - trao đổi với vài vị pháp hữu thọ pháp sau ngày Đức Ngài hồi vị, chúng tôi nhận ra 1 vài hiểu lầm do các vị này trước đây đã từng theo học nhiều pháp môn khác hay tìm hiểu qua sách vở đã in sâu ấn tượng hiểu biết vào tiềm thức. Tất nhiên, trên đường học đạo chúng ta cũng nên tìm học mọi mặt - mọi nơi nhưng đừng để vướng bận vào tâm mà trở thành ách nạn vì trí hiểu tích lũy này.

1. Không tập trung tư tưởng - đầu óc trống không: Xả bỏ tất cả!

11.Sự nhầm lẫn trong bước sơ cơ:

111.Tập trung tư tưởng trong bước đầu công phu:

Bước đầu tìm đến thiền định, chúng tôi cũng như các vị là rất quan tâm tập trung tư tưởng trong công phu vì nghĩ rằng:

Quen sống với phàm thức, bước vào công phu khó mà làm chủ tâm ý mông lung, tư tưởng chuyển đổi không ngừng, nên cần tập trung lại. Hiểu đơn giản là chế ngự tâm ý vừa có đó rồi mất đó, lại hiện rồi lại đi.

Tập trung tư tưởng không cho bay nhảy, chìm dần các động loạn, nhằm đem lại định ý - các căn định lại.

Tư tưởng có 1 sức mạnh phi thường. Tập trung tư tưởng lại có thể tạo nên thần lực huyền diệu vô biên như một số sách báo đã phổ biến.

112.Vài nhầm lẫn thường gặp khác:

112.1.Tập trung tư tưởng để khai mở huyết đạo:

Bình thường, chúng ta khó nhận ra dòng khí lực đang luân lưu trong thân. Trong công phu, nếu tập trung tư tưởng vào một điểm nào nơi thân thì dòng khí lực đổ dồn về điểm đó và rất dễ dàng đi vào trạng thái tụ khí. Điều này rất tai hại cho bản thể còn non kém khi mà kinh mạch chưa được khai thông hết. Nếu cố tập lâu ngày, chỗ tụ khí càng tăng thêm bế tắc, dần dần ảnh hưởng xấu cho đường kinh đang bị bế tắc và phần thân thể mà đường kinh đó đi qua. Bệnh tật phát sanh mà mọi thuốc thang dường như vô hiệu. Chỉ có thể hóa giải bằng nội lực hay điển quang! Bản thân người viết bài này đã bị bệnh về thể xác khá nặng tưởng chừng như nan giải vì chỗ tụ khí này. May mắn được gặp Đức Ngài kịp lúc!

Thí dụ: Tập trung tư tưởng trong khai mở vùng Linh Đài - Thần Đạo (Cột sống ngực - mạch Đốc):

Đây là điểm tương đối khó khai thông mà đa số người học thường phải nhờ đến vị thầy hướng dẫn trợ lực. Nơi đây bị bế tắc và không được hóa giải mà cứ tiếp tục tập lâu ngày sẽ ảnh hưởng xấu đến tim, đến vùng lưng dưới và mặt sau của chân, có thể ảnh hưởng xấu đến cả đầu cổ và 2 tay. Do đó, với các huyết đạo khác cũng vậy: Tuyệt đối không tự ý tập trung tư tưởng để khai mở!

Bên cạnh đó, việc tập trung tư tưởng vào bất kỳ huyết vị nào đều có thể tự tạo cho huyết vị đó bị kích thích quá độ hay bị suy yếu đi mà người tập một khi nhận ra được thì đã quá muộn cho việc hóa giải.

112.2. Dùng tư tưởng dẫn thông kinh mạch:

Tư tưởng dẫn đến đâu thì khí lực quy hướng - quy tụ đến đó tạo nên lực vận chuyển. Dùng tư tưởng dẫn theo kinh mạch là một cách phát động vận chuyển khí lực theo kinh mạch mà mình muốn tác động đến. Tức là dùng lực của tư tưởng - lực của ý thức cưỡng ép dòng khí lực vận chuyển. Trong công phu, tưởng chừng như kinh mạch đó được khai thông mà kỳ thực chưa khai thông. Thế nên, dùng tư tưởng lực để dẫn thông kinh mạch là một nhầm lẫn.

Và chẳng, trong bước sơ cơ, tâm ý hay tư tưởng chưa ổn định mà đem vào dẫn thông kinh mạch là một cách đưa vọng niệm lưu hành nội thể. Do đó, tuyệt đối không tự ý dùng tư tưởng dẫn thông kinh mạch.

112.3. Dùng tư tưởng khai mở luân xa:

Việc khai mở luân xa có thể thực hiện với tịnh ý hay tịnh niệm trực thâm thiên khí vào trực tiếp khai mở. Dùng tư tưởng tâm thức là dùng khí hậu thiên khai mở chỗ gọi luân xa chỉ là ảo tưởng. Hơn nữa, việc khai mở cần có thời gian từ từ chứ không thể 1 - 2 tháng là

xong. Tương tự như búp hoa, cần thời gian để những cánh hoa từ từ tự mở ra thành chiếc hoa nở trọn vẹn.

Nói chung: Tuyệt đối không tự ý tập trung tư tưởng vào bất kỳ chỗ nào dù là nơi thân hay ngoài thân.

12. Tìm học lời dạy của Đức Ngài:

121. Đức Ngài dạy:

Các chú phải nằm lòng: Khi tu thiền đừng lồng vào pháp của Đức Ngài những phương thức tu học khác, hoặc tập trung tư tưởng. Đó rất tai hại và nguy hiểm cho người tu thiền, là tự tạo cho mình cuộc chiến trong nội thể. Vọng ngã phát triển mãi không ngừng!

Chính lúc thiền tâm trống tuếch không nhớ tưởng bất kỳ cái gì, dù tưởng đến Phật cũng không, đó là Quán Tâm Pháp vậy. Tâm không có pháp gì cả nên ta thiền cũng không quán bất cứ gì cả, là ta đã hòa đồng với hư không, hòa đồng với vô cực, tức là cái Tâm Chơn Nguyên Duy Nhất. Chúng ta đi tắt thẳng đến Điểm Linh Quang của Thượng Đế nên gọi là Pháp trực chỉ Chơn Tâm.

122. Thiền là xả bỏ tất cả!

Trong bước đầu công phu nên tập cho quen dần: Buông bỏ tất cả! Cứ để đầu óc trống tuếch trống không một cách tự nhiên. Không quan tâm mọi tư tưởng đến và đi, cũng không dụng lực buông bỏ. Điểm này đương nhiên có khó khăn trong bước đầu nhưng dần dần với phương thức công phu sẽ giảm dần các khó khăn đi. Tâm trí càng buông bỏ càng tốt, càng xả càng hay. Thiền là xả bỏ tất cả một cách tự nhiên mà! Có xả mới có định ý - định căn, mới có thể nuôi dưỡng thần thức và đi vào thanh tịnh.

Nói chung: Không tập trung tư tưởng vào bất kỳ điểm nào. Để đầu óc trống không cũng đồng nghĩa với xả tất cả: Tận Xả!

Xả trong tâm trí là lìa vọng tưởng, như: Kinh nghiệm, hiểu biết, ký ức, trí nhớ, hình ảnh lưu lại qua sinh hoạt thường ngày. Tức xả các thức từ nhãn thức đến ý thức làm nên bản ngã tâm thức.

Xả hiểu đơn giản là không ôm lấy, không lưu giữ những gì đến và đi. Tâm trí buông bỏ một cách tự nhiên. Không dụng lực xả hay buông bỏ chi cả! Tự nhiên như chiếc gương vậy!

13. Áp dụng vào đời: Xả để thấy chính mình!

13.1. Bước đầu học xả:

Với phàm ngã, những gì khởi phát nơi lòng mà mình biết được qua giác quan là vọng thức. Vọng thức đi vào hiện diện cùng sự sống hằng ngày mà mình cho là thật - là đúng. Có thật là đúng của mình không?

Thí dụ: Hình ảnh sống bị động.

Chạm phải việc nghịch ý mình sanh ra buồn giận. Gặp việc thuận ý, hợp lòng, mình sanh vui mừng. Sống trong cảnh nghèo khó mình cảm thấy tủi thân. Sống trong gia đình giàu có mình tiêu pha cho thỏa mãn.

Với phong cảnh mà mình cảm thấy là đẹp, đem cả tâm hồn thưởng thức nét đẹp thiên nhiên rồi sanh tham đắm hay làm thơ văn nói lên nỗi lòng yêu mến thiên nhiên.

Đây là tiêu biểu cho các tình thức hay lòng ham muốn do vọng thức làm chủ. Đây là hình ảnh bị sống vì vọng thức mà mình phải thức tỉnh lìa bỏ! Thấy biết được vọng thức làm nên bị sống - bị động qua mọi sinh hoạt nên không theo nó nữa là bước vào buông xả các

bệnh căn nơi lòng. Bước đầu học xả này có khả năng tiêu giảm tiềm lực chấp ngã đi vào hiện diện nơi sự việc xảy ra từ nội tâm đến ngoại cảnh.

Chỗ này hiện lên 2 phương diện tu tập trong thực tế:

- Lìa bỏ hình ảnh bị động - bị dẫn đi qua thực tế hiện diện nơi môi trường sống.
- Lìa bỏ hình ảnh bị động - bị dẫn qua vọng khởi vừa hiện lên theo dòng tâm thức.

Thành tựu dần 2 phương diện này là bước dần vào lìa bỏ chấp ngã.

132. Tâm xả vọng thức để trực ngộ tự thân hay tự tánh sáng suốt!

Những thất tình - lục dục khi ẩn khi hiện trong mỗi chúng ta ai cũng có. Mỗi khi nó phát khởi, tự mình thấy biết liền không theo - không thả niệm tìm hiểu cho thỏa mãn - cũng không cố xua đuổi đi, tức buông xả một cách tự nhiên. Những thất tình - lục dục này không còn đủ tiềm lực chi phối làm cho mình bị động. Nó tự mất!

Chỗ gọi “tự mình thấy biết”: Tuy thấy biết sự việc diễn ra từ nội tâm như những vui buồn - thương ghét đến ngoại cảnh như cảnh vật - người - việc làm, nhưng không khởi ý niệm phân biệt như so sánh - suy luận - lấy bỏ - khen chê - thương yêu - chán ghét. Tức thấy biết thật là khách quan, không bị chi phối bởi vọng thức - bởi giác quan! Nói cách khác, tự mình thấy biết chính là trực nhận sự việc thật khách quan. Tự thấy biết này tạm gọi là chánh niệm hay chơn niệm!

Chỗ gọi “nó tự mất”, hãy định tâm lặng nhìn mà tự ngộ ra chân tướng của thất tình - lục dục: Chính do tâm mình hiện! Tâm mình hiện ra do căn - trần, tức do ngoại cảnh hay ngoại tượng tác động các căn mà khởi

sanh ra. Vậy thì chỗ hiện tướng của chính nơi bản thân thất tình - lục dục là tâm mình! Tự thân thấy biết thất tình - lục dục hiện chính là tự tánh sáng suốt của mình. Hãy lắng đọng mọi tâm tư tình cảm mà trực ngộ Tự Thân Thấy Biết này! Thất tình - lục dục chìm vào tĩnh lặng theo tự tánh sáng suốt vì không còn đủ tiềm lực hiện hữu chi phối trước tự tánh sáng suốt.

Mọi thấy biết theo tự tánh sáng suốt này là chân thật - thật là khách quan có thể nói là tuyệt đối vì hoàn toàn không có vọng thức hiện hữu. Đây là chỗ mà người học đạo phải tự thấy biết - tự ngộ nhận ra. Chỗ thấy biết này tạm gọi là Chơn Niệm.

133. Dung chánh niệm vào sinh hoạt hằng ngày!

Thỉnh thoảng trong giây phút thật im lặng, mọi tình thức đều im lặng, mọi tư tưởng - ý nghĩ đều im lặng, ngoại cảnh cũng im lặng theo giác quan im lặng. Im lặng thật tự nhiên! Một ý niệm phóng ra, một tư tưởng hiện lên trong giây phút im lặng này tạm gọi là chơn niệm hay chánh niệm. Tuy có tư tưởng, tuy có ý niệm khởi nhưng không có sự hiện hữu của bản ngã tâm thức nên tư tưởng hay ý niệm khởi đó không phải là vọng niệm. Còn được gọi là niệm mà vô niệm.

Đem niệm khởi này vào mọi sinh hoạt hằng ngày mà vô niệm chính là Hành Đạo và Sống Đạo của người học đạo chân chánh! Đây là chỗ Đức Ngài dạy: Tư tưởng - Lời nói - Hành động luôn an trú trong Chánh niệm!

Đem chánh niệm này vào sự sống hằng ngày: Chúng ta vẫn dùng đến tư tưởng - vẫn dùng đến tri kiến nhưng đó là tư tưởng chánh niệm - tri kiến chánh niệm, còn gọi là tri kiến vô kiến với bậc thức giác chứ không phải tri kiến lập tri với phàm nhân sống theo vọng thức.

Đây là tự tánh sáng suốt của mình đi vào thực tại sống mở cửa hội nhập bản thể chơn như.

2. Phương diện nhãn căn và đầu óc trống không trong công phu áp dụng vào đời: Tân Xả!

21. Nhãn căn trong công phu:

Trong công phu: Mắt buông rèm, nhìn chót mũi một cách tự nhiên. Nhìn nhưng không chú tâm nhìn giống như tập trung tư tưởng vào chót mũi. Nhìn thản nhiên!!!

211. Mắt buông rèm:

2 mắt nhìn chót mũi. Mí mắt hạ xuống khép hờ một cách tự nhiên. Không nhắm mắt vì dễ đi vào hôn trầm. Không mở hé hé làm run run mắt mà sanh động tâm.

Thí dụ tượng trưng bằng mặt phẳng với đường thẳng chia đôi mặt phẳng cho dễ hiểu:

Sáng

Dương

Tối

Âm

Mở mắt lên là sáng. Nhắm mắt lại là tối. Nếu mở mắt lớn là tâm dễ bị động vì ngoại cảnh. Nếu nhắm mắt là dễ đi vào hôn trầm. Do đó, buông mí mắt xuống ở vị trí thấp mà không thấy tối. Bước đầu, nhìn thấy trắng xóa là tốt!

212. Nhìn chót mũi tự nhiên!

Mắt nhìn chót mũi: Tiêu biểu cho căn - trần, sanh nhãn thức. Nhãn thức là đối tượng làm duyên cho mật na thức khởi sanh ý thức, khiến cho tâm động - dòng tâm thức khởi dậy.

Không tập trung tư tưởng, mắt (căn) nhìn tự nhiên, là không vướng đối tượng chót mũi (trần) vào tâm, là không vướng vào ngoại tượng tác động giác quan, là tự lìa ý thức. Tâm hiện lượng giới tướng tự lìa!

Trong khi đó, dòng tư tưởng nếu như có khởi, chúng ta không quan tâm để ý - không ôm lấy lưu giữ. Vậy tư tưởng khởi, nếu có, hiện rồi đi, mình tự nhiên như người vô tư vô sự. Những gì xảy ra nơi đời sống thường ngày hay ký ức - trí nhớ việc đã qua dần dần sẽ không lưu hiện nơi tâm trí như những ngày đầu mới tu tập công phu.

213. Nhìn chót mũi tự nhiên - Đầu óc trống không: Tân Xả!

Cái nhìn tự nhiên trong môi trường công phu cho người học điểm quý:

- Tuy thấy - tuy nghe - tuy hay biết nhưng không lưu giữ cũng không xua đuổi.
- Không tập trung tư tưởng vào chót mũi hay điểm nào đó nơi ngoại cảnh, để đầu óc trống tuếch trống không: Các vọng khởi như vui buồn - thương ghét - lo lắng, những hình ảnh sinh hoạt hằng ngày, nếu như khởi hiện lên dòng tâm thức, chúng ta đều biết. Biết mà không lưu, không xua đuổi. Biết mà không tìm cách cắt đứt dòng tâm thức hay vọng niệm đang lưu hành. Thấy biết tự nhiên!

Nhìn chót mũi tự nhiên là xả hiện lượng giới tướng.

Điểm công phu này sáng tỏ một điều rất hay khi áp dụng vào đời là thấy biết mà bất nhiễm - thấy biết sự việc nơi đời mà bất nhiễm. Thấy biết đó là tánh giác!

Bất nhiệm đó là tánh tịnh! Thường thấy biết mà bất nhiệm là thường giác - thường tịnh.

22. Áp dụng vào đời qua tác ý thành nghiệp:

221. Tìm hiểu chỗ tác ý thành nghiệp:

221.1. Tác ý thành nghiệp:

Tác ý chỉ cho hiện tượng hành động, khởi sanh, tạo tác, làm phát khởi ý thức. Tác ý là nghiệp nhân. Tùy mức độ tốt xấu mạnh yếu của tác ý mà hình thành nghiệp quả tương ứng: Tác ý bất thiện: Ý thức bất thiện dẫn đến nghiệp bất thiện. Tác ý thiện: Ý thức thiện dẫn đến nghiệp thiện.

Sự tác ý xuất phát từ 2 nguyên nhân chính: Từ chủng tử a lại da thức, từ mặt na thức đi vào ý thức và từ ngũ căn - các giác quan tác động vào ý thức cùng với khả năng thức tỉnh của mình.

Từ ý thức khởi phát lời nói và việc làm, nên 3 nghiệp thân - khẩu - ý liên hệ nhau mà ý thức là chủ: 1 thân nghiệp, 1 khẩu nghiệp cũng là 1 ý nghiệp!

221.2. Tiêu giảm tiềm lực tác ý:

Ý thức khởi là kết quả của tiền ngũ thức + ý căn (Mạt na thức).

Ý thức là chủ tác nghiệp. Ý thức khởi, dù cho có đi vào hiện diện cùng hành động hay không, đều trở thành chủng tử nghiệp và làm gia tăng thêm tiềm lực chấp ngã của mạt na thức. Thấy biết mà tự lìa ý thức thời không tác nghiệp theo nhân quả, đồng thời, tiềm lực chấp ngã của mạt na thức cũng giảm đi vì ý thức như món ăn trường dưỡng chấp ngã cho mạt na thức .

Từ chỗ công phu nhìn chót mũi tự nhiên, đem vào đời sống hằng ngày: Nhìn sự việc một cách tự nhiên! Lặng lẽ thấy biết mà không hiện diện cùng ý thức khởi là tuy

thấy biết mà tự lìa ý thức. Từ đây, các giác quan chìm dần tiềm lực tác động ý thức, mặt na thức chìm dần chấp ngã: Ngã ái - ngã kiến - ngã si - ngã mạn. Tiềm lực tác ý giảm dần đến không còn nữa!

Vậy căn bản tiêu trừ nghiệp là từ thân - khẩu - ý không tạo nghiệp thêm nữa mà ý thức là chủ. Ý thức tự lìa là tác nghiệp tự không!

222. Vài thí dụ thường thấy nơi bản thân:

222.1. Nhãn thức tác động ý thức khởi:

Bình thường, khi mắt hướng về điểm nào thì ý thức liền theo hiện ra nơi điểm đó.

Thí dụ: Nhìn cô gái!

Mắt nhìn cô gái, ý thức liền đến với mắt hiện ra ý nghĩ đẹp - dễ thương hay tình cảm thương yêu nổi lên. Đây là chỗ bình thường của một con người nơi cõi thể chìm vào nghiệp lực.

222.2. Ý nghĩ tác động nhãn căn:

Ngược lại, mỗi khi tập trung tư tưởng hay ý nghĩ hướng đến điểm nào đó thì mắt chạy theo điểm đó và nhìn thấy “hiện cảnh” nơi nghĩ đến dù là ở trong trí tưởng tượng hay thực cảnh bên ngoài.

Thí dụ: Ý hướng về một điểm nào đó!

Ý nghĩ hướng về cơ quan trong cơ thể, mắt nhìn theo cơ quan đó. Ý nghĩ đến 1 việc làm, mắt phóng tầm nhìn vào quan sát sự việc. Từ đó, sanh ra các nhận định - phê phán hay các ý thích về tình cảm. Đây là chỗ bình thường của một con người nơi cõi thể chìm vào nghiệp lực.

223. Hạnh lành và phước báo nhân quả:

Nếu tâm còn vọng niệm tức lý trí và tình thức còn khởi thì hạnh lành đem lại cho người hành sự hưởng thụ

theo nhân quả phước báo của thế gian. Đức Ngài có dạy (1992) là trở lại luân hồi sanh tử nơi thế gian mà hưởng thụ.

Thí dụ về bố thí: Với sự hiện hữu của ý thức khởi thì bố thí đem lại phước mà người bố thí sẽ hưởng phước theo nhân quả tại thế gian. Hưởng hết phước thì (họa đến) như bao chúng sanh bình thường vậy thôi.

Cho nên, song song với lập hạnh - trau dồi đức hạnh là công phu tinh tấn làm phương tiện đi dần vào thanh tịnh, hạnh lành là tịnh hạnh không bị chi phối bởi nhân quả luân hồi của thế gian.

23. Áp dụng vào đời mà tự thoát lưới mê nơi trần thế:

231. Tự thoát lưới mê từ ý thức:

Từ cách nhìn tự nhiên và không tập trung tư tưởng để không vướng phải tiềm lực bản ngã nổi lên trong công phu, đem áp dụng vào đời qua thí dụ vừa nêu:

Nhìn cô gái nhưng ý thức tự lìa: Mọi ý nghĩ đẹp xấu hay tình cảm thương yêu thương tình tự vắng. Ý hướng về cô gái (hay hướng về sự việc) là ý niệm trực thức: Những phân biệt, những tình cảm thương tình và lòng ham muốn tự giảm tiêu mà không phải dụng lực chi cả.

Như vậy, lưới mê từ ý thức đi theo trần thế tự mất qua quá trình tu tập. Bước vào mọi sự việc - mọi sinh hoạt thường ngày với tâm trí an định.

232. Đi thẳng vào sự việc mà học lìa ý thức:

Chúng ta đang sống với thân tâm này:

- Mắt vẫn thấy vật hay hình sắc.
- Tai vẫn nghe âm thanh, tiếng nói.
- Mũi vẫn nhận mùi hương.

- Lưỡi vẫn nhận vị.
- Thân vẫn tiếp xúc sự việc, vẫn làm việc như tha nhân.
- Ý vẫn hiểu biết tất cả những gì đến với mình.

Đang trong lúc thấy biết như vậy, các vọng khởi như: Khen chê - tham sân ái - lòng ham muốn, nếu có khởi hiện chúng ta vẫn biết, nhưng tuyệt nhiên không nắm lấy lưu giữ.

Thí dụ:

- Thấy nhưng không tham sắc.
- Nghe nhưng không mê âm thanh êm dịu.
- Nhận mùi hương nhưng không thả theo tận hưởng và sanh tham đắm.
- Nhận vị nhưng không khen chê - ngon dở.
- Vẫn tiếp xúc nhưng không đắm mê vào những êm dịu mịn màng.
- Ý vẫn nhận biết tất cả những gì đến với mình nhưng không chìm vào ý thức lý trí và tình cảm thế gian.

Vẫn khởi niệm nhận hiểu và hành động nhưng là vô niệm; tư tưởng - lời nói và hành động không hiện diện vọng niệm khởi. Thế nên, thấy biết như người vô tư là cái thấy biết trực nhận mọi sự việc - mọi hiện tượng diễn biến nhưng bất nhiễm.

24. Áp dụng vào sinh hoạt để thấy chính mình!

241. Thí dụ 1: Ngô Tánh!

Nhìn cảnh vật thấy biết cảnh vật - thấy biết mọi diễn biến của cảnh vật mà không qua nhận thức phân biệt, không qua so sánh khen chê hay tình thức tham dự vào. Đây là tiêu biểu cho trực nhận thực tại ngoại cảnh bằng trực giác.

Nhìn vào nội tâm thấy biết dòng tâm thức đang lưu hành, thấy biết niệm khởi tham sân si ái hiện, nếu có. Thấy biết như hiện tượng diễn biến lưu hành đến rồi đi vậy thôi, hoàn toàn không có mình trôi theo. Đây là tiêu biểu cho trực nhận thực tại nội tâm bằng trực giác.

Sự thấy biết này không do giác quan thường tình vì giác quan thường tình sanh vọng thức. Sự thấy biết thực tại bằng trực giác chính là tự thân của thấy biết do giác quan thường tình, cũng là chỗ thấy biết từ giác quan thường tình mà vượt lên giác quan thường tình. Ngộ ra chỗ tự thân chính là ngộ tánh: Tự tánh sáng suốt vốn sẵn có nơi mình!

Từ bản ngã phàm phu nhưng không vướng vào bản ngã phàm phu! Chỗ tự thấy biết thật khách quan, không vướng vào bản ngã phàm phu là xả vọng ngã khởi. Tuy rằng những thất tình - lục dục vẫn có thể còn lưu hành vì tất cả đều từ tâm mình mà. Vả chăng, mình đang mang thân tứ đại mà, nhưng nó không còn khả năng chi phối mình nữa. Ngay cả chỗ gọi là thấy biết sáng suốt cũng không lưu vướng vào tâm trí. Đây là pháp xả trong trí lìa xa vọng động hay “trụ ưng vô sở trụ!” Thấy biết này là thấy biết tự tại! Cái giác - cái tịnh nơi trí mình là đây!

242. Thí dụ 2: Tân xả!

Khi làm việc, định tâm vào việc làm, làm xong rồi thôi. Buông việc ra là tâm trí buông hết, mọi tình thức đều lặng chìm, không vướng víu chi cả. Việc đến với mình rồi đi tự nhiên. Như mảnh gương soi, vật đến thì hiện, vật đi thì không. Như mặt hồ phẳng lặng hiện ảnh trăng mây trôi qua rồi đi vậy thôi.

Khi đối việc vẫn thấy biết nhưng chỗ thấy biết này không bị chi phối bởi sự việc hay các vọng thức, không bị sự việc dẫn đi. Thấy biết đó gọi là niệm. Tuy có khởi niệm nhưng bất nhiễm, tức niệm mà bất ly tánh giác.

Chúng ta ai cũng có khả năng này nhưng gì chưa biết dùng vì bị các vọng thức sai khiến đó thôi!

Sự việc nơi đời là môi trường học xả bỏ! Trường đời là trường mộng cảnh, đưa thân tâm sống từ mộng cảnh này sang mộng cảnh khác có chi đâu mà mang lòng chấp lấy cho nặng nề phải không, thừa các vị? Hãy xả đi! Tận xả đi! Tự thân - tự tánh sáng suốt từ mộng cảnh này hiện bày trực nhận sự việc nơi đời làm nên trường mộng ảo mà mình nhận thấy trước đây cùng 1 bản thể thực tại - cũng là bản thể chơn như đó! Vậy thì có chi đâu là xả hay không xả đâu?!!! Tận xả trở thành ngôn ngữ tâm thức mà thôi!

3. Kết luận: Trở về các căn thanh tịnh tự nhiên!

31. Từ công phu đi vào đời:

Không tập trung tư tưởng - để đầu óc trống không trong công phu là tập lìa vọng tưởng nơi tâm.

Nhìn chót mũi tự nhiên trong công phu - cũng không tập trung tư tưởng vào cái nhìn là tập lìa hiện tượng giới tướng.

Tu tập trong môi trường công phu là môi trường tĩnh, không giao tiếp với sự sống rộn rịp nơi đời. Dụng kết quả của công phu nơi môi trường tĩnh đem vào môi trường động nơi thế sự làm đối pháp để học bất nhiễm - thanh tịnh.

Đức Ngài dạy là đi đứng nằm ngồi lúc nào cũng giữ vững tình trạng công phu và tịch tĩnh trong mọi sinh hoạt!

32. Trở về các căn tự nhiên!

Dụng môi trường công phu làm môi trường soi tâm, trực nhận các thức duyên sanh, có đó rồi mất đó, không phải là cái thật của mình!

Dụng môi trường công phu này đem vào sinh hoạt thường ngày, đi vào sự việc đã từng tác động làm nên phàm ngã do các thức chủ động. Lấy sự việc - sinh hoạt làm phương tiện đối pháp nhằm thông sáng các thức chỉ là mộng ảo - hư huyền, mà trở về các căn vốn thanh tịnh tự nhiên của mỗi chúng ta.

Từ công phu, áp dụng vào đời, đi vào thế sự mà mình đang hiện diện, tương tự như tượng Đức Ngài Di Lạc với 5 - 7 chú bé chỉ thẳng vào các căn - các giác quan, để học sống với tinh thần không ảnh hưởng giác quan mà trở về bản thể thiên nhiên.

TỰ NHÌN TÂM TÁNH QUA HÀNH DỤNG!

Bài viết góp phần thực hiện lời Thầy Từ Minh Đạt dạy tu là gội rửa - thanh lọc từ hành động đến tư tưởng và tâm thức nhằm soi sáng tâm tánh qua hành dụng.

Căn bản tu sửa thân tâm là trau dồi đức hạnh. Phương tiện trau dồi đức hạnh có nhiều như: Dâng hương, dâng hoa quả cúng dường, bát chánh, nhẫn nhục, hộ bệnh; tất cả sự việc xảy ra từ nội tâm đến ngoại cảnh đều là phương tiện trau dồi đức hạnh và môi trường sống là nơi thực hành. Tâm tánh mình như thế nào qua chỗ thực hành này? Chúng ta cùng nhau tìm hiểu:

1. Tánh hành động nơi tâm đi vào sự việc:

Khi dụng phương tiện tu học, khi gặp 1 sự việc phải làm hay khi đối diện 1 sự việc từ bên ngoài đưa đến, từ nơi tâm hiện lên tánh hành động đi vào sự việc. Tánh hành động nơi tâm này thể hiện 2 nét chính:

11. Tánh bị dẫn hay bị động:

Tánh hành động vì sự việc. Tánh này bị động làm nên hành vi hay cái hạnh hiện bày phàm tánh. Đây là tánh thuận theo tâm vọng do phàm trí hướng dẫn. Thực tế, phần đông người học chạy theo vì phương tiện, vì sự việc nên tâm ý bị dẫn đi!

Thí dụ: Dâng hoa quả cúng dường!

Thông thường, đến ngày mừng 1 - ngày Rằm - ngày vía Phật hay ngày vía các vị mà mình để tâm đến, chúng ta dùng hoa quả dâng lên Ngôi Tam Bảo, những ngày thường khác thì không mấy quan tâm. Tâm ý bị chi phối bởi đối tượng cúng dường. Tánh hành động bị động!

Đi theo tánh bị động là nuôi dưỡng sự gia tăng tiềm lực chấp ngã, thể hiện qua ý thức, qua lời nói hay hành vi. Tự nơi ý thức hay hành vi dù có kín đáo đến đâu đều ít nhiều hiện diện chấp ngã nơi đó.

12. Tánh tùy thuận:

Tánh hành động tự chủ, thuận theo tâm không vọng, duyên theo sự việc. Ngay nơi sự việc mà hành! Tánh này không bị lệ thuộc theo phương tiện. Tuy hiện diện cùng sự việc nhưng không bị sự việc lôi cuốn. Tánh thuận theo tâm không vọng, tức thuận theo tâm định - thuận theo tâm thanh tịnh tùy theo khả năng của chính mình, do trí sáng suốt hướng dẫn, còn gọi là trí giác.

121. Thí dụ 1: Thản nhiên trước sự bất chánh đem vào thân mà không phải lỗi của mình:

Một vị thật lòng mua giúp cho pháp đạo một số vật dụng khá nhiều theo nhu cầu cần dùng. Sau khi mua xong mới vỡ lẽ là số vật dụng này có xuất xứ tiềm ẩn hành vi bất chánh do lòng người bán không thành thật lúc họ nhận hàng trước khi đem giao cho mình. Lỗi không phải của người mua vì người mua không biết trước khi mua, nhưng dùng vào đạo pháp mà có tiềm ẩn bất chánh thì không thể chấp nhận được. Tuy để ra

số tiền khá lớn mà không dùng được nhưng vị này vẫn thần nhiên và vui vẻ tiếp nhận bài học về lòng thành thật và hành vi ngay thẳng. Chỗ thần nhiên này một phần nào nói lên tâm không bị chi phối trước nghịch cảnh, tức thuận theo tâm không vọng động hay thuận theo tâm định hiện diện cùng sự việc xảy ra.

122. Thí dụ 2: Dụng phương tiện công phu vào sự việc thuận theo tâm định.

Vào làm việc với môi trường yên tĩnh chúng ta dễ dàng buông mọi việc không đâu cho tâm ý an định.

Vào làm việc với môi trường động chúng ta vẫn buông mọi ý nghĩ mông lung, chỉ biết có việc làm mà thôi. Hiện diện cùng sự việc là chỗ động mà chỉ biết có việc làm là định được tâm nơi sự việc. Tuy hành mà định! Tuy động mà tịnh! Đó là tánh hành động thuận theo tâm định, đi vào sự việc, không can dự đến vọng niệm khởi.

Đi vào môi trường động có - tịnh có mà vẫn an định nơi sự việc! Vọng khởi so đo phân biệt tốt xấu - hay dở không chi phối mình được là tự lìa ý thức. Tánh hành động theo ý thức phân biệt không còn. Đó là nhờ định lực! Định lực do công phu ở đây thể hiện qua tánh hành động thuận theo tâm định hiện diện cùng sự việc. Tánh hành động thuận theo tâm định là hướng đi làm tiêu giảm - mất đi tiềm lực chấp ngã: Hành vi, tự nó không hiện diện tiềm lực chấp ngã, tự nó không hiện diện ý thức khởi.

Cùng một việc làm, sự khác biệt giữa phàm và thánh - giữa chúng sanh và Phật là cái dụng của tâm không vướng vào ngoại tướng cùng các thức chi phối như lý trí so đo hay tình cảm thường tình. Việc làm này tiêu biểu tánh hành động đi vào sự việc nhưng không có mình trôi lăn theo sự việc dù rằng mình hiện diện cùng sự việc!

13. Quan hệ tánh hành động nơi tâm và hạnh hữu vi:

Qua 3 thí dụ vừa rồi giúp nhận ra chỗ hành dụng với 2 điểm:

131. Tự nhìn Tánh - Hạnh biết mức độ lìa tâm - ý - ý thức:

Tánh là hành động ở trong tâm, thể hiện ra ngoài là hạnh hữu vi. Tự nhìn vào hạnh hữu vi hay tác phong hành xử - tác phong làm việc có thể tự thấy biết tánh của chính mình:

- Hạnh bị động trước sự việc là bị động trước ngoại tướng, thể hiện tánh hành động bị động do tâm vọng.
- Hạnh thanh thản tự nhiên trước sự việc là thanh thản tự nhiên trước ngoại tướng, thể hiện tánh hành động tự tại thuận theo cái dụng của tâm thanh tịnh đi vào sự việc, không vướng vào tâm - ý - ý thức.

Cho nên, tự nhìn vào hạnh hữu vi, tự nhìn vào tánh hành động nơi tâm là có thể tự thấy mức độ lìa tâm - ý - ý thức hay mức độ thanh sạch của tâm thức và mức độ thanh tịnh của tánh hành động. Tự nhìn ở đây là tự mình nhìn thấy chính mình.

132. Quan hệ tánh hành động và hạnh hữu vi trong tu tập:

Muốn tu tập tánh là hành động ở trong tâm phải hành vào sự việc. Có hành mới thấy được tánh hành động hiện lên như thế nào. Tự nhận ra mà tự sửa - tự tu dưỡng và tự thẳng lấy mình:

Tập tánh thuận theo tâm không vọng - thuận theo tâm định, duyên theo sự việc mà hành, người học phải thấy

được cái hạnh của mình: Thấy sự việc - bắt tay vào sự việc! Từ nơi cái hạnh của mình, tự nó thoát mọi tư tưởng hay ý thức phân biệt.

Ngược lại, tập tánh thuận theo tâm vọng đi vào sự việc thể hiện phàm tánh, người học thấy được cái hạnh của mình hiện diện cùng ngã tướng.

14. Vô Vi không tách rời Hữu Vi - Đạo không lìa Đời!

Tánh tiêu biểu hành động ở trong tâm, thuộc vô vi. Tu tập tánh ở trong tâm còn gọi là tu Đạo. Hành phương tiện tiêu biểu hành động ở bên ngoài, là cái hạnh thuộc hữu vi. Tu tập hạnh hữu vi còn gọi là tu Đời.

Mở rộng sự tu tập đi vào mọi sinh hoạt nơi môi trường sống giúp chúng ta sáng tỏ Tôn ý Đức Ngài: Vô Vi không tách rời Hữu Vi! Đạo không lìa Đời - bỏ Đời không có Đạo!

Cho nên, nếu như chỉ nói tu tâm - tu tánh mà không thật hành là tu tướng tức cái hạnh hữu vi, là nói theo ngôn ngữ. Thí dụ: Người đời thường nói tu ở tâm còn hạnh hữu vi nếu có chẳng là do phàm tánh chủ động thuận theo tâm vọng khởi. Hoặc nói tu tập tác phong ở hữu vi mà không tu tập tánh nơi tâm là đi theo hình tướng bên ngoài.

2. Đi vào định lực hành dụng mở hướng giải thoát tư tâm:

21. Định lực:

211. Yếu tố làm mất định lực là tiềm lực chấp ngã:

Trong sự sống thường ngày, ý thức được coi là chủ của tâm thức điều khiển thân - khẩu - ý. Sống theo ý

thức khởi là tự mình trói buộc vào sự việc vì ý thức khởi thể hiện mức độ tiềm lực chấp ngã của mặt na thức đi vào hành vi - hiện diện cùng sự việc. Nói cách khác, chỗ ngã chấp hiện bày qua ý thức chính là tiềm lực chấp ngã từ mặt na thức phóng ra khiến cho vọng niệm khởi, định lực không có.

212. Yếu pháp giảm tiêu tiềm lực chấp ngã đi vào định lực:

Nhận diện tiềm lực chấp ngã qua sự việc: Khi chúng ta vận dụng khả năng trí lực hay lý trí vào phân tích - nhận định - khen chê về 1 sự việc, có nghĩa là ý căn hiệp với giác quan sanh ra ý thức, tức là đã phóng lực vào 1 sự việc. Lực này chính là lực chấp ngã từ mặt na thức huân tập vào ý thức hiện diện nơi phân tích - nhận định - khen chê. Nếu càng vận dụng trí lực, càng vận dụng khả năng tư tưởng - ý thức thì tiềm lực chấp ngã càng tăng. Chỗ chấp ngã hiện diện cùng thất tình - lục dục cũng tương tự như vậy! Chỗ định tâm không có thời định lực cũng không.

Bước đầu tu tập định lực:

Khi đứng trước 1 sự việc - trước cảnh vật, tuy thấy biết nhưng không phóng ra vọng niệm hay ý thức như so đo - tính toán lợi hại - khen chê - thương yêu ghen ghét. Khi vọng niệm khởi, tự thấy biết là vọng niệm khởi, không theo - không chạy theo tìm hiểu cho thỏa mãn! Nói chung, tuy thấy biết diễn tiến sự việc xảy ra từ ngoại cảnh đến nội tâm nhưng không chạy theo lý trí như so đo - tính toán - lợi hại - khen chê - lấy bỏ đi vào sự việc, không chạy theo tình thức như tham - sân - ái đi vào sự việc. Nghĩa là, thấy biết mà không nhiễm bởi các giác quan thời không có sự hiện hữu của ý thức lý trí và tình cảm; đồng thời, áp lực của giác quan chi phối cũng không còn, khả năng chấp ngã từ mặt na

thức phóng ra sẽ giảm tiêu dần. Tiềm lực chấp ngã giảm tiêu dần khi đối việc có nghĩa là định lực gia tăng dần.

Thấy biết mà không nhiễm nghĩa là trực nhận sự việc từ ngoại cảnh đến nội tâm mà không hề có sự hiện diện của so đo phân biệt - của tình thức thường tình theo giác quan đi vào sự việc. Định lực từ đây mà hiện qua hành dụng!

22. Định lực - Công phu - Đức hạnh ở bước sơ cơ:

221. Vai trò công phu trong trợ lực gia tăng định lực ở bước sơ cơ:

Căn bản bước đầu qua công phu: (1) Tuyệt đối không tập trung tư tưởng. (2) Đầu óc trống không. (3) Mắt nhìn chót mũi 1 cách tự nhiên. Trong bước đầu, đây là 1 cách tiêu giảm dần tiềm lực của các giác quan chi phối ý thức và tiêu giảm tiềm lực ngã pháp chấp của mặt na thức hiện qua dòng tâm thức lưu hành trong môi trường công phu.

Thế nên, 1 người đang sống với phàm ngã - với vọng niệm khởi chi phối đời sống thường ngày mà không học căn bản bước đầu trợ giúp định tâm, lại đi vào sự sống với môi trường động nơi thế sự, thì định tâm - định lực khi đối việc là điều không thể có được.

222. Công phu đi vào định tâm và đức hạnh ở bước sơ cơ:

Trau dồi đức hạnh trong giai đoạn đầu này song song với khả năng định tâm hay định lực có tác dụng hình thành chủng tử thiện hạnh, làm giảm tiêu khuynh hướng hướng hạ - vị kỷ hẹp hòi của mặt na thức. Từ đây, lòng vị tha - tình thương đến với tha nhân có cơ hội mở ra. Có trau dồi đức hạnh - có hành mới có cơ hội mở tâm hạnh - mở trí khi đối việc. Nhờ định tâm -

định lực khi hành - khi đối việc nên tâm trí không dấy động nơi sự việc.

Khi tiềm lực chấp ngã của mặt na thức không còn thời bản ngã hay phàm tánh hiện diện nơi lòng vị tha - tình thương cũng không còn.

23. Định lực hành dụng:

231. Dụng tâm với định lực mở ra vô ngã - vô tướng:

Thế nên, chỗ yếu quyết đi vào sự việc là cái dụng của tâm với định lực mở ra hành dụng vô ngã - vô tướng:

- Vô ngã: Hiểu thông thường là không dụng phàm tánh đi vào hiện diện cùng sự việc, tức tánh hành động không thuận theo tâm vọng. Tánh hành động thuận theo tâm định - tâm thanh tịnh thời tiềm lực chấp ngã đi vào sự việc tự không, dù mình đang hiện diện cùng sự việc.
- Vô tướng: Hiểu thông thường là không ôm lấy vào tâm các sự việc, phương tiện tu tập hay hành động, thời nơi tâm không vướng víu sự việc hay sự tướng.

Cái dụng của tâm là định lực: Mức độ thanh tịnh của tánh hành động do mức độ thanh tịnh của tâm. Mức độ thanh tịnh của tánh hành động thể hiện mức độ định lực hiện diện nơi sự việc. Tức cái Dụng của tâm với định lực, mà tuyệt đỉnh là định lực tự tại, đi vào hạnh hữu vi có động - có tịnh khác nhau.

Với định lực, làm mà không vướng víu bận bịu vào tâm việc làm cùng với thành quả hay những gì có được qua việc làm tuy rằng mình tự chủ làm - tận lực làm.

232. Giải thoát tự tâm với định lực tự tại:

Như vậy, chúng ta vẫn làm việc như nhân sanh, vẫn sinh sống như mọi người nhưng hiện diện cùng vô tướng - vô ngã và định lực.

Sự giải thoát nằm ngay nơi chỗ dụng với định lực tự tại dù đó là cái dụng vào môi trường động hay môi trường tĩnh. Với thân tâm này thì thiên đàng - niết bàn là đây!

Trên đường tu tập, dụng tánh tùy thuận theo tâm không vọng tức là thuận theo tâm định, mà tuyệt đỉnh là tâm thanh tịnh; duyên theo sự việc mà hành với định lực, mà tuyệt đỉnh là định lực tự tại. Như vậy, hiện tướng hành động ở hữu vi và tánh hành động ở nơi tâm có khác chi đâu! Với định lực tự tại, đây là chỗ tịch diệt của tướng hành động ở hữu vi và tánh hành động nơi tâm. Tánh tướng như nhau mà! Vốn vô sanh - vốn tự chơn không - từ định lực tự tại mà có!

24. Vài thí dụ về định lực hành dụng:

241. Thí dụ 1:Hành Bát Chánh Pháp:

241.1. Bước đầu từ ý thức:

Trong bước đầu học bát chánh tất nhiên chúng ta còn vướng vào so đo - tính toán nên làm hay không nên làm khi gặp việc do đã quen sống với phàm ngã. Đây là bước đầu mở bát chánh qua phàm ngã mà chủ động là ý thức. Từ ý thức đi dần đến quen thuộc, trở thành hạnh bát chánh phải có qua đời sống thường ngày. Trải qua thời gian tu tập dần dần nhập tâm: Thấy là làm, làm 1 cách bình thường.

Như hiếu hạnh chẳng hạn: Ban đầu người con ý thức bốn phận hiếu dưỡng cha mẹ. Dần dần hành vi hiếu dưỡng đi vào nhập tâm, tự lòng người con hiếu dưỡng - phụng dưỡng cha mẹ mà không đắn đo tính toán. Tự lòng mở ra hiếu hạnh!

241.2. Đi dần vào giới luật vô vi:

Khai Tâm Điển Pháp tập 1

Từ hiểu hạnh đi rộng ra cho thấy: Bát chánh tự tâm mở ra, không do ngoại cảnh tác động làm nên cái hạnh hay cái tướng bát chánh qua cách nhìn của người đời theo hình thức. Bát chánh tự tâm hiện bày mức độ định lực của tánh hành động đi vào hạnh hữu vi. Từ đây mới có thể bước dần vào hạnh bát chánh vô ngã với hành dụng bát chánh vô tướng. Điểm này đòi hỏi ở người học nương phước tiện công phu đi vào định - đi vào thanh tịnh song song với hành động thực tế mà học dần chỗ thanh thân tự nhiên. Từ phạm ngã, đang trên đường tu học, nói đến tu tập vô ngã - vô tướng mà không nương công phu đi vào định - đi vào thanh tịnh là việc mà chúng ta rất khó thành tựu.

Hạnh vô ngã và hành dụng vô tướng mới có thể đi vào giới luật vô vi:

- Tuy hành bát chánh mà không vướng vào hình tướng bát chánh như đây là lễ - đây là hiểu hay thể hiện cho người xung quanh thấy cái hạnh bát chánh của mình.
- Tuy hành bát chánh mà không vướng vào tiềm lực ngã tướng hiện diện nơi bát chánh nhờ hành dụng vô ngã.
- Tuy hành bát chánh mà không vướng vào ôm giữ bát chánh nhờ thấy là hành - hành tự nhiên, hành xong rồi buông - buông tự nhiên. Nơi tâm không vướng sự tướng bát chánh. Chính chỗ hành dụng tự nhiên nói lên bát chánh là danh từ tạm đặt ra để gọi vậy thôi.
- Tuy hành bát chánh mà không vướng vào gò bó - trói buộc như người khép mình vào khuôn khổ giới luật phải theo nhờ tự tâm hành với định lực. Đây là chỗ dụng từ tâm định - tâm thanh tịnh đi ra.

Nên tuy hành bát chánh - sống cùng bát chánh mà không thấy mình hiện diện cùng bát chánh là vậy.

Điểm yếu quyết vẫn là cái dụng của tâm thật bình thường với định lực hay định lực tự tại!

Từ tu tập bát chánh theo ý thức đi dần đến sống với trực hạnh bát chánh hiện diện nơi sự việc. Vậy căn bản của bát chánh không đặt nền trên phạm trí hay phạm ngã mà là chọn trí hướng dẫn hành bát chánh với định lực xuất phát từ tâm! Hành bát chánh với định lực tự tại là sống với thật ngã! Từ bát chánh làm căn bản mở rộng ra vạn hạnh với tâm thật bình thường!

242. Thí dụ 2: Định lực tự tại thể hiện như thế nào?

Nếu như tâm mình luôn tự nhiên trước trần cảnh biến chuyển mà mình đang hiện diện; nếu như tâm mình luôn tự nhiên trước các thất tình - lục dục hay tình cảm thường tình chẳng hạn mà mình đang hiện diện; tức là tâm mình luôn tự nhiên trước các sự việc dù thuận - dù nghịch là mình đang sống với định lực tự tại.

3. Tu Tâm qua hành dụng:

31. Lấy căn bản là tu tâm:

311. Mọi tu tập đều lấy tu tâm làm chính:

- Phương tiện dùng do tâm, hiện bày ra là giả có hay giả lập dành cho người học:
- Tu tập tánh ở trong tâm qua hành dụng đi vào sự việc chính là tu tâm.
- Duyên theo sự việc mà hành để tu tập tánh chính là tu tâm.
- Dụng phương tiện công phu tu tập tánh định - tánh thanh tịnh qua hành động nơi sự việc là học thoát dụng tướng nơi tâm với định lực, chính là tu tâm.

Hành vi, việc làm thể hiện cái hạnh qua chỗ hành dụng! Có thấy được cái hạnh qua chỗ hành dụng mới nhận chân tánh hành động hiện ra nơi sự việc và tâm hành dụng của mình như thế nào.

312. Đi vào sự việc nơi đời mà học tu tâm qua hành dụng:

Hiện diện nơi đời, sinh sống như người đời, đầy đủ Sinh Lão Bệnh Tử, trầm mình như nhân sanh, thì: Mọi phiền não mà người học phải bước vào, mọi nghịch cảnh mà người học phải trải qua là nơi trui rèn chỗ hành dụng với tâm không phân biệt từ lý trí như khen chê - lấy bỏ đến tình cảm như thương ghét chẳng hạn. Tập lắng hết lưu vướng vào tâm các thức phân biệt này.

- Không lưu vướng thức phân biệt này mới có thể mở tâm hòa đồng vào thực tại mà mình đang hiện diện, bằng không là đi vào tâm hòa đồng vị ngã, tức hòa đồng mà còn mang phân biệt đối tượng hòa đồng là chỗ vọng kiến hòa đồng do giác quan chi phối.
- Không lưu vướng thức phân biệt này mới có thể nhận ra tướng hạnh hữu vi thể hiện tánh tâm của mình: Thấy đó - hành đó! Hành đó là hạnh, cũng chính là tánh hiện có của mình. Nên còn được gọi là thấy tướng qua hành động thời thấy tánh nơi tâm.

Đồng thời, chỗ gọi là lìa tướng, lìa nhất thiết ngoại tướng nơi tâm, lìa tâm - ý - ý thức là chỉ cho tâm hành dụng không dính mắc vào các tướng - các thức, chớ không phải lìa là lìa bỏ - từ bỏ - đoạn diệt mất đi đâu cả. Tức là vẫn hiện diện cùng sự việc - cùng các tình thức mà không vướng bận vào tâm mà thôi.

Như dâng hoa quả cúng dường mà không mang lấy hình tướng phân biệt hoa quả tốt xấu. Cái tâm hạnh - cái tánh hạnh thể hiện qua hành động dâng hoa quả không vướng vào đối tượng là mừng 1 - Rằm hay vị Phật nào là không vướng vào thời gian và không gian. Tức vẫn dâng hoa quả cúng dường mà lìa dụng tướng nơi tâm, lìa thấy biết theo vọng khởi nơi tâm. Vậy yếu quyết đi vào đời học tu tâm là cái dụng của tâm với định lực! Các thức tự lìa!

32. Bài học thực tế về tu tâm qua hành dụng:

Để phụ Thầy đến với các vị pháp hữu đang đi vào thử thách, chúng tôi nhận 1 vài việc làm nho nhỏ do Thầy giao. Nói là phụ nhưng khi bắt tay vào việc chúng tôi nhận ra đây là bài học cho bản thân.

321. Nhìn vào việc làm của Thầy:

Trong lúc làm việc, chúng tôi thấy ra điểm cao quý mà Thầy dành cho đệ tử:

- Thầy luôn đi cùng với tất cả các phiên thảo luận lên do bài học đưa đến dành cho từng đệ tử một để hòa nhập vào diễn tiến tâm trạng người đệ tử đang trải qua.
- Tuy đi vào thử thách là tự đi một mình bằng khả năng hiện có của chính bản thân người đệ tử nhưng Thầy vẫn trực tiếp hay gián tiếp mở đường trợ lực chỉ dạy những gì mà người đệ tử có thể nhận hiểu và hành được hầu vượt qua sàng sẩy từ thử thách mà đôi khi người đệ tử không hề hay biết luôn luôn có Thầy bên cạnh mình.

Từ việc làm, từng bước chúng tôi nhận thêm: Người học trò đang học và hành pháp nên hiện diện hòa nhập cùng những phiên thảo luận như thương yêu - ghen ghét -

buồn vui chẳng hạn và cả những điểm thật xấu theo cái nhìn của người đời họ hiểu. Để làm gì?

322. Bài học dành cho pháp hữu chúng ta:

322.1. Học tâm không phân biệt từ chỗ động nơi trường đời:

Trước là học tâm bình thường với mọi nghịch cảnh trái ngang - phiền muộn - khổ lụy. Cái bình thường thật sự tự tâm như người vô tư vô sự.

Từ chỗ bình thường mà học tâm không phân biệt nơi các sự việc. Tức là hiện diện cùng phiền não - hiện diện cùng nghịch cảnh trái ngang nhưng không vướng vào tâm các trạng thái phiền não hay nghịch cảnh trái ngang này. Học không phân biệt từ nội tâm vọng khởi cho đến ngoại cảnh tác động vào giác quan.

Đây là bài học về cái Tĩnh nơi cái Động để thấy ra Động - Tĩnh như nhau! Nói dễ hiểu: Vui buồn - thương ghét - tốt xấu - hay dở có khác chi đâu! Chỉ vì tâm động mà vướng vào tâm các trạng thái sai biệt đó thôi! Chúng ta thử tự nhìn mình xem có buồn cười chẳng với những vui buồn - thương ghét - hờn giận mà trong quảng đời vừa qua mình đã từng vấp phải với tâm vọng động này. Ai cũng có cả!

Thế nên, chỗ gọi không lìa đời - không xa đời mà học đạo có khác gì hiện diện cùng phiền não như tham - sân - si - ái, hiện diện cùng nghịch cảnh trái ngang, hiện diện cùng thể thái nhân tình mà học đạo. Đồng thời, cũng không phải bận tâm dứt trừ hay từ bỏ các phiền não - các vọng khởi, vì từ tâm mà có, bỏ là bỏ đi đâu? Vẫn hiện diện cùng sự việc, hiện diện cùng phiền não bằng hành dụng vô ngã - vô tướng và định lực. Thành thời tự tại hay “nơi tâm vô sự - nơi sự vô tâm” từ đây mà có!

322.2. Học hành dụng qua phương diện đời thường:

Chỗ hành dụng mà Thầy đã mở ra, chúng ta đem vào bản thân mình qua đời sống thường ngày:

Đời Đạo như nhau!

- Vẫn làm các việc của 1 người bình thường ở đời như: Bỏn phận làm chồng vợ, làm cha mẹ, làm con; bỏn phận của 1 công dân tốt là tôn trọng luật pháp.
- Vẫn hiện diện cùng các phiền não như người đời.

Để làm gì? Học hành dụng vô tướng - vô ngã cùng với định lực nơi môi trường sống để thấy rằng sự việc thường ngày là phương tiện học đạo. Sự việc nơi người đời cũng là sự việc của người học đạo! Đời - Đạo có khác chi đâu! Đời chính là Đạo!

Phương tiện tu tập do tâm mà có:

Các phương tiện tu tập có nhiều do: (1) Sự phân biệt từ tâm nhân sanh. (2) Căn tánh trình độ nơi nhân sanh không đồng mà lập ra nhiều giáo pháp cho thích hợp. Thật ra, tâm và phương tiện pháp tu tập duyên nhau mà có - nương nhau mà thành:

Chỉ vì ôm lấy phương tiện giả lập nên vướng bận vào tâm các phương tiện giả lập mà không thấy rằng: Nếu không có tâm thì không có phương tiện tu tập, không có tâm thì không hiện diện sự việc để hành là đối tượng của tâm và người học đang sống với phàm tánh - đang sống với vọng khởi không làm sao nhận ra tâm tánh mình như thế nào để tu sửa. Các phương tiện tu tập đây là tiêu biểu cho duyên khởi sai biệt mà người học phải hành phương tiện này nơi sự việc để nhận ra tâm tánh hiện có của mình. Đứng vào vị trí người học,

phương tiện ở đây tiêu biểu vọng tâm biến đổi mà người học tạm mượn để dùng mà thôi.

Các vọng niệm khởi gọi chung là tâm hành. Các phương tiện tu tập do tâm hành mà có, tức do vọng khởi hình thành hay nhân duyên sanh khởi mà có, nó tiêu biểu cho vọng tâm biến đổi. Đồng thời, các phương tiện tu tập cũng tịch diệt theo tâm hành dứt, tức vọng khởi tự lìa hay nhân duyên sanh khởi không còn, nó tiêu biểu cho diệu dụng của tâm chơn mà các bậc minh sư ban cho nhân sanh làm phương tiện tu học. Như vậy, sự hiện hữu của phương tiện do tâm hành khởi và sự tịch diệt của phương tiện do tâm hành dứt. Tất cả nằm vào chỗ hành dụng của người học. Chúng ta hiện nay đang trên đường tu học, tùy theo khả năng, nên thuận theo tâm không vọng khởi - thuận theo tâm định để từ đó mà thể nhập cái dụng của tâm định - cái dụng của tâm thanh tịnh tức tâm chơn hầu nhận ra cái dụng của chơn tâm là phương tiện giả lập mà lâu nay mình ôm lấy vì vọng tâm sanh khởi.

Nhận ra phương tiện giả lập và yếu quyết hành dụng với định lực là tự mình mở bung mọi tư tưởng - mọi nhận định về giáo pháp cao thấp, các phương tiện tu học đem lại kết quả nhanh chậm, các ý niệm về đời - đạo khác nhau.

Nhân nơi bản thân chúng ta nhận ra thêm vài nét về lý trí và tình cảm:

Bình thường, thân tâm này qua sự sống thường ngày có đầy đủ tánh tốt xấu - tánh thiện ác, hiện lên tâm thức mà đại diện là ý thức: Tức lý trí và tình cảm.

Chỗ cội gốc phát sanh hiện tượng lý trí và tình cảm vốn không tốt xấu - không chánh tà. Sở dĩ có tốt xấu - có chánh tà là do chỗ dụng của tâm. Chỗ dụng của tâm thiện thì là tốt - chánh, chỗ dụng của tâm ác thì là xấu -

tà. Chỗ dụng của tâm tịnh thì phiền não không - tạp khí ô nhiễm không, chỗ dụng của tâm động là phiền não - tạp khí ô nhiễm nơi lòng. Nói chung là do chỗ dụng của tâm chơn hay chỗ dụng của tâm vọng mà vọng phân ra vậy thôi.

Ý nghĩa hàm chứa nơi hiện tượng lý trí và tình cảm do tâm mà có. Đó là cái dụng của tâm đi vào tướng hạnh hữu vi mà tốt xấu - chánh tà là do chỗ dụng. Nên tất cả tốt xấu - chánh tà có khác chi đâu?! Tự lìa bỏ phân chia chơn - vọng thì tất cả đều như nhau! Nên các bậc giác ngộ không làm lành cũng không làm dữ mà là thuận theo tâm lực hay định lực tự tại đi vào sự việc, còn lành dữ tốt xấu do người đời gán cho.

Cội gốc phát sanh hiện tượng lý trí và tình cảm là tâm mình, ý nghĩa hàm chứa nơi hiện tượng lý trí và tình cảm là do tâm mình, hiện tượng của chính bản thân lý trí và tình cảm cũng là do tâm mình. Tịnh tâm trực nhận từ chỗ hiện tượng này mà thấy tâm, từ chỗ phiền não này mà thấy tâm. Trên đường khai mở điểm kẹt, từ chỗ điểm kẹt mà thấy tâm! Tất cả hiện tượng chính là dụng tướng từ tâm - tất cả cùng bản tâm mà có! Không có tâm thì không có các dụng tướng lý trí - tình cảm này tuy rằng tâm là tâm và lý trí - tình cảm là lý trí - tình cảm. Điểm đầu tiên để người học thấy tâm là thấy cái gì? Đó là chân tịnh - bất nhiễm được trình bày ở phần kết luận.

4. Chỗ nhận hiểu của chúng tôi khi đi vào sự việc mà Thầy giao:

Qua việc làm của Thầy và những chỉ dẫn mà Thầy dạy, chúng tôi từng bước nhận ra khi đi vào hành động với 3 điểm chính:

41. Điểm 1: Diệt dụng phương tiện vào hành pháp độ sanh:

Trên đường hành pháp, có dịp bước vào mọi ngõ đường từ nội tâm đến ngoại cảnh, cả những ngõ đường thật xấu theo cái nhìn của người đời đặt để. Điều đó không đáng cho người hành pháp phải quan tâm. Chủ yếu là hành dụng!

Đi đúng trong ngõ đường mà mình đang đi dù đó là ngõ đường sai .

Vì sao? Học phải có thử thách. Thử thách đến từ mọi mặt mà tuyệt đại đa số là đi vào điểm yếu nhất của mình, đưa mình vào “những ngõ đường nan giải - những ngõ đường xấu tệ” mà mình phải bước ra từ những ngõ đường này.

411. Thí dụ 1: Đi theo thói quen của nhân sanh để hòa nhập:

Một vị nghiện thuốc lá, muốn cứu độ vị này đôi khi người hành pháp cũng phải dùng đến hút thuốc để cảm thông - hòa cảm cùng người mà dần dần giúp họ thoát ra đi theo hướng của người hành pháp. Đây là mượn phương tiện để hành pháp mà thôi!

412. Thí dụ 2: Đi theo nội tâm phiền não để hòa cùng đệ tử:

Một vị đệ tử đang chìm vào buồn phiền, tâm tư dấy động với môi trường mà vị đệ tử đang sống. Nếu cần thiết cho cứu độ, người thầy tự đặt mình vào hoàn cảnh như đệ tử, đi song song với đệ tử để từ đó mở dần các gút mắc nơi lòng đệ tử thoát dần các buồn phiền - thoát dần tâm tư dấy động.

Như vậy, hút thuốc - hiện diện cùng phiền não là sai với điểm nhìn theo người đời thường dành cho người học đạo, nhưng đây là hướng đúng của người hành pháp cứu độ nhân sanh khi không còn phương cách nào khác hơn.

42. Điểm 2: Mở tâm hòa đồng vô ngã:

Các phương tiện được dùng: Tốt có, xấu có, hay có, dở có đều do tâm đối việc mà có. Các diễn biến nơi tâm ý người đệ tử đang đi vào thử thách có thể hiện ra hành động đủ tính chất thể thái nhân tình mà người hành pháp phải đón nhận tất cả và thực nhận ra rằng chỉ vì thức động hay tâm động nên có vậy thôi! Thế nên, muốn thực học tâm không biệt từ nội tâm phiền não đến ngoại tướng tác động phải đi vào mọi hướng trên đường hành pháp. Từ đây, dụng tâm không phân biệt vào mọi sự việc mở ra tâm hòa đồng vô ngã.

421. Thí dụ 1: Ý niệm phân biệt qua hình tượng:

Một vị được giao việc phân phối thực phẩm: Ý niệm phân biệt người thân - người không thân qua sự phân phối thực phẩm ít nhiều là thể hiện trí so đo. Chỗ bình đẳng qua cái dụng của tâm chưa có. Ý niệm phân biệt thân sơ đủ hiện lên tinh thần hòa đồng, nếu có, là hòa đồng theo phân biệt đối tượng thuộc vị ngã.

422. Thí dụ 2: Hành dụng với tâm bình đẳng:

Một nhân sanh đến xin hộ bệnh trong hoàn cảnh bị giới hạn về thời gian và phương tiện di chuyển, Thầy mở rộng cửa đón nhận bất cứ lúc nào vị này đến.

Một nhân sanh lâm bệnh xin đến gặp Thầy lại tự xưng là Phật - là Như Lai và nhiều lời ngã mạn thái quá, Thầy vẫn mở rộng cửa đón nhận và chờ đợi sự tỉnh thức của vị này qua từng phút - từng giờ - từng ngày để cứu độ.

Sự hòa đồng cảm thông với tình thương như nhau của Thầy đến tha nhân không phân biệt là đệ tử, người thân hay nhân sanh từ các nơi đến mà chúng tôi nhận được qua thời gian bên cạnh Thầy đã giúp chúng tôi nhận ra chỗ vị ngã của mình vẫn còn tồn tại.

43. Điểm 3: Hướng về nguồn cội!

431. Nhìn vào cội gốc tánh tướng!

Tất cả những phiền não, những trạng thái tâm - ý - ý thức khác nhau của 1 con người nơi cõi thế có vô số mức độ, thậm chí đối nghịch và mâu thuẫn nhưng không ngoài tâm mà hiện. Tất cả các phương tiện tu tập, các phương tiện hành sử là cái dụng của tâm đi vào sự việc, đi vào các phiền não, cũng không ngoài tâm mà có. Chỉ vì quen sống với tâm thức so đo phân biệt mà bị vô cùng sai khác này sai khiến thành ra cuộc sống lúc nào cũng bị động. Định tâm lặng nhìn xem: Tất cả do mình mượn dùng qua sự sống thường ngày đó thôi! Như vậy, với tâm thức, tánh hành động và tướng hạnh hữu vi thay đổi theo môi trường sống với sự chi phối của giác quan nên có gì là thật của mình đâu!

Cùng một môi trường hoàn cảnh sống, cùng một sự việc đưa đến, sự khác biệt phạm thánh là do chỗ dụng: Do chỗ dụng từ tâm vọng khởi với người đời là mê tánh - sống cùng phàm ngã, do chỗ dụng từ tâm thanh tịnh với bậc giác ngộ là giác tánh - sống cùng diệu dụng chơn như.

Như vậy, tánh hành động thuận theo tâm không vọng khởi, thuận theo tâm định - thuận theo tâm thanh tịnh đi vào sự việc hiện bày ra tướng hạnh hữu vi vốn từ định lực là tâm lực. Vậy tánh - tướng nào có khác chi đâu với định lực tự tại! Vốn tự không mà hiện bày ra tâm hạnh - tướng hạnh đó thôi! Mê tánh - giác tánh có khác chi đâu với bậc tự tại! Phàm - Thánh hay chúng sanh - Phật là danh tạm gọi theo người đời vậy thôi!

432. Vài thí dụ hướng về cội gốc tâm thức phiền não:

432.1. Thí dụ về phiền não:

Từ tâm phát sanh ra tướng phiền não khi gặp việc. Phiền não đó là cái dụng của tâm khi đối việc. Định tâm nhìn tận cùng chỗ xuất phát phiền não là bản tâm mà nhận chân phiền não vốn không tốt - không xấu. Chỉ vì chỗ dụng của tâm với giác tánh hành động - tánh hành động theo trí giác, hoặc mê tánh hành động - tánh hành động theo trí mê, mà có tốt hoặc xấu đó thôi.

Định tâm nhìn tận cùng chỗ xuất phát phiền não mà nhận chân phiền não vốn vô sanh, vốn chơn không, hiện ra chỗ gọi là phiền não vốn chơn thật. Từ bản tâm đi ra mà!

Giúp sáng tỏ chỗ này, tạm mượn theo hình tướng thể hiện sự thật của phiền não như sau: Ví như ngọn sóng lúc nổi lên - lúc chìm lặn trên biển nước. Lúc nổi lên là sóng - lúc chìm lặn là hết sóng nhưng có ra ngoài biển nước đâu! Chỗ hiện tướng sóng là nước nơi biển, nay hòa lại biển nước vậy thôi. Như vậy, hiện tướng phiền não là hiện tượng nơi tâm nhưng với người đời đó là vọng niệm khởi, là phiền não chướng vì chỗ thấy của họ thuận theo tâm vọng mà dụng mà nhìn. Với bậc giác ngộ, phiền não đó là diệu dụng chơn như làm phương tiện đi vào thể sự.

432.2.Thí dụ về việc làm của Thầy vừa được trình bày:

Khi nhìn vào hạnh cứu độ người đệ tử đang chìm trong thử thách mà Thầy đã hành là đi vào những phiền não của đệ tử như người đời bình thường, chúng ta nhận ra chỗ hành dụng với tâm không phân biệt mở ra tánh bình đẳng: Tất cả các loại phiền não hay mức độ phiền não xảy đến đều như nhau. Chỉ vì vọng khởi mà vương phải nhiều sai khác khiến cho tâm động loạn thêm.

Trong khi đó, người đời nhìn theo hình tướng với vọng niệm thì đó là vương phải phiền não. Có gì đâu mà gọi

rửa hay thanh lọc phiền não? Với người học, có chăng là chỗ Dụng của tâm đi vào thể sự với Định Lực, có chăng là khả năng sống thật với tánh bình đẳng mà mình nhận hiểu, tức mức độ sống thật với chân lý!

Tất cả đều chân thật! Tất cả đều như nhau! Tất cả đều cùng thể tánh: Tánh bình đẳng! Người học phải đi vào hành dụng mới có thể thể nhập diệu lý này!

44. Nói chung: Bước chuyển pháp mở hướng đi vào hành động thực tế:

Đây là đại hạnh mà Thầy Từ Minh Đạt mở ra cho các đệ tử học: Học hạnh giải thoát ngay nơi sự việc - ngay nơi phiền não, đồng thời cũng là diệu dụng của tâm không phân biệt đi vào hành hạnh nguyện độ sanh của các vị pháp hữu trên đường thực thi Bồ Tát Đạo.

5. Kết luận: Bước chuyển trên đường tu tập của chúng ta là Tân thanh lọc - tân xả sống với thanh tịnh - bất nhiễm:

51. Mở hướng chân tịnh - bất nhiễm:

511. Bài học ban đầu về thanh lọc cấu bần:

Trước đây, chúng ta thường nhắc đến tứ bỏ tình cảm hay thất tình như tham - sân - si - ái, từ bỏ lý trí phân biệt như so đo - tính toán. Đó là bài học thanh lọc để nhận ra tâm thức chỉ là hiện tượng mà lâu nay mình mang lấy vào thân được thể hiện qua sự sống thường ngày và cho đó là cái thật của mình. Bài học này giúp chúng ta thanh lọc cấu bần - thanh lọc các bệnh căn, đi vào định tâm.

512. Đi dần vào lý thanh tịnh:

Giờ đây, với đại hạnh mà Thầy vừa mở ra, chúng ta có cơ hội nhận ra: Chỗ thanh lọc đó mới là 1 chặn đường tu học! Tất cả những gì chúng ta thanh lọc đều từ tâm

mà hiện, thanh lọc làm sao khi mà tất cả không ngoài tâm hiện ra?! Do đó, từ bài học ban đầu giúp định tâm, chúng ta tiếp nhận thêm 1 bước là không có gì để thanh lọc nữa, tạm gọi là Tận Thanh lọc - Tận Xả nơi tâm: Tâm không có gì vướng víu bận bịu như gương:

Vật đến thì hiện lên gương - vật đi thì không hiện lên gương, gương không lưu giữ vật đến hay đi. Vật hiện lên gương nhưng gương không có vật, vật đi thì gương không hiện nhưng gương cũng không mất vật.

Tận thanh lọc - tận xả cũng tương tự như vậy: Sự việc đến thì nhận biết sự việc đến nhưng sự việc không có trong tâm, sự việc đi thì nhận biết sự việc đi nhưng tâm không lưu luyến, sự việc đến hay đi là phần của sự việc - tâm vẫn là tâm tương tự như như gương.

Như vậy, có gì đâu mà tận thanh lọc hay tận xả?! Có chăng là người học đi từng bước từ trí tận xả đến tâm tận xả và sống thật bằng tâm tận xả! “Tận xả mà trụ nơi tận xả thì chưa phải là tận xả!” Như vậy mới gọi là tâm thanh tịnh!

513. Hướng vào đời với công phu làm phương tiện học thanh tịnh:

Trên đây là lý thanh tịnh mà người học nên biết để từ đó ứng dụng vào đời theo khả năng của mình. Về phương diện thực hành, tinh thần thanh tịnh này đòi hỏi ở người học dụng đến công phu làm phương tiện nhằm thanh lọc toàn diện bản thể bằng thanh điển hay tiên thiên khí và nuôi dưỡng thần thức nhờ đại định. Từ đây mới có thể nói đến thanh tịnh. Bằng như không thanh lọc bản thể bằng thanh điển hay tiên thiên khí, việc nuôi dưỡng bản thể bằng trước điển hay hậu thiên khí vẫn tiếp tục tồn tại mà nói đến thanh tịnh là điều không thể có với phàm thân nơi cõi thế này. Các bậc minh sư lâm phàm mang thân tâm nơi cõi thế này vì

hành pháp độ sanh mà đôi khi phải trải qua giai đoạn đốt xác để thanh lọc bản thể làm phương tiện trợ lực là vậy.

Đức ngài đã từng dạy trong thời gian truyền pháp vào những năm sắp hồi vị là tiên thiên khí tràn đầy - hậu thiên khí không còn - thanh tịnh không mờ cũng đến!

52. Sự tương quan Tâm - Pháp:

521. Về phương diện lý pháp:

Từ thí dụ vật và gương đến sự việc và tâm, cho thấy: Vật là vật và gương là gương, sự việc là sự việc và tâm là tâm. Nên người xưa có câu nói dành cho các bậc tự tại: “Nơi Tâm Vô Sự - Nơi Sự Vô Tâm!”

Như vậy các phương tiện Dụng - Tướng xuất phát từ Bản Thể của tâm - do tâm mà có. Tuy cùng 1 bản thể nhưng bản thể và dụng - tướng khác nhau, tuy khác nhau nhưng bản thể và dụng - tướng là 1.

522. Về phương diện thực dụng qua sinh hoạt thường ngày:

Chúng ta vẫn hiện diện cùng sự việc, vẫn thấy biết sự việc, còn gọi là thấy tướng. Cái dụng của tâm đi vào sự tướng vốn nhiều diễn biến thay đổi theo sinh hoạt thường ngày, đó là diệu dụng của bản tâm - còn gọi là diệu dụng của chơn như tánh. Tánh này thuận theo tâm thanh tịnh - thuận theo tâm chơn như, do chơn trí hướng dẫn, duyên theo sự việc đổi thay mà đi vào hiện diện cùng sự việc. Tánh này đi vào sự việc thể hiện tướng hạnh có động - có tịnh, có vui buồn như nhân sanh nhưng tánh vẫn là tánh do chơn trí hướng dẫn thuận theo cái dụng của bản tâm.

Tâm vẫn là tâm - sự việc vẫn là sự việc. Sự khác biệt giữa phàm phu và thánh nhân là chỗ dụng của tâm vọng động và tâm thanh tịnh mà thôi!

Thưa các vị! Đây cũng là bước ngoặt được mở ra mà Tạp Chí Quy Nguyên dành cho các vị pháp hữu thực hành lời Thầy Từ Minh Đạt dạy được nhắc lại vào phần cuối của bài Vô Ngã trong số 68.

53. Học Tôn ý Đức Ngài qua hành dụng:

Chúng ta hiện diện nơi đời, hiện diện cùng chỗ gọi là những tham - sân - si - ái, những ham muốn như thế nhân, những phiền não như người đời, những thể thái nhân tình nơi thế sự, để học tận thanh lọc - tận xả nơi tâm qua hành dụng từ bản tâm đến trường đời.

Nói cách khác: Mang thân phàm này, sống như nhân sanh, hiện diện cùng phiền não như nhân sanh, học hỏi thấy biết như nhân sanh, nhưng tâm không vướng víu vào các phiền não - các thấy biết - các sự việc mà mình hiện diện. Chỉ có thể thôi! Thanh lọc hay tận xả không còn đặt ra nữa! Như vậy là chúng ta bước vào học Tôn ý Đức Ngài: Tai vẫn nghe - mắt vẫn thấy nhưng tâm không vướng víu bận bịu vào cái nghe - cái thấy đó, vẫn làm việc thật nhiều nhưng không thấy mình làm cái gì cả!

54. Vấn tất: Chúng ta mượn lời dạy của Đức Ngài dạy làm kết luận cho toàn bài:

Ta phải lấy Tâm làm Đạo, lấy Tánh làm Pháp. Chỉ rõ thẳng nơi Tánh, thấy thẳng tự nơi Tâm, tức khắc thành Phật Đạo!

Muốn thấy sự thật phải tiếp nhận thẳng sự thật. Đó là nguồn gốc của Đạo!

Thưa các vị,

Trợ giúp thực thi Vô Ngã được trình bày qua vài nét sơ lược trong số 67 và 68, Tạp Chí Quy Nguyên đã chuyển đến các vị pháp hữu:

*"Bước đầu mở hướng giải thoát tri kiến" và "Thanh lọc từ hành động đến tư tưởng" trợ giúp thanh lọc phàm trí mở hướng trực giác và thực tại - lìa bỏ tri kiến lập tri là gốc của vô minh.

*Trong số này, chúng ta đi vào thanh lọc tâm thức qua hành dụng nhằm hiển bày tánh thanh tịnh - tánh bất nhiễm trước các diễn biến từ nội tâm đến ngoại cảnh.

Tánh là hành động ở trong tâm do chơn trí hướng dẫn! Tánh thuận theo tâm thanh tịnh hay tâm chơn như, thể hiện diệu dụng chơn như đi vào tướng hạnh động tịnh ở hữu vi duyên theo sự việc, biến đổi theo việc làm.

Đi vào hành động - đi vào sự việc - hiện diện cùng việc làm qua sinh hoạt thường ngày mà thanh tịnh là trui rèn được tánh, còn gọi là thấy tánh. Chúng ta cùng nhau bước vào lời Đức Ngài dạy:

"Tu chỉ cần thấy Tánh thì hôn mê Thần Thức mới chuyển hóa, các dữ kiện không còn thì Thần Thức trong sáng".

"Tánh là do hành động! Trui rèn được Tánh là Đạo".

Mến chào các vị!

TƯ NHÌN ĐIỂM KẾT BẢN NĂNG

1. Ý niệm về điểm kẹt bản năng:

Một vị đến Đức Ngài thọ pháp tu học, dần dần tâm tánh chuyển đổi tốt hơn, mọi mặt đức hạnh tốt dần theo cái nhìn từ tha nhân vì điểm xấu lần lượt ra đi. Tuy nhiên, nhìn tận tâm thức vẫn còn tồn tại điểm xấu kín đáo, gọi là điểm kẹt bản năng.

Điểm kẹt bản năng trải qua vô số kiếp tiến hóa vẫn còn tồn tại dù rằng có thể ở vào vị trí sống hay các mặt khác của sự sống khá hơn nhiều. Đây là điểm khó gỡ và khởi phát nếu có dịp.

11.Thí dụ 1: Học đạo trên ngôn ngữ!

Một vị thật tâm tầm đạo, mở rộng mọi hiểu biết về đạo pháp nhờ Kinh Luận, nay đến Đức Ngài thọ pháp:

Trải qua thời gian tu học mọi mặt đều tương đối tốt nhưng chỗ học đạo trên ngôn ngữ dù là ngôn ngữ diễn ra nơi tư tưởng hay lý trí tưởng tượng vẫn còn. Vào đúng thời điểm vị thầy hướng dẫn chỉ thẳng nhẹ nhàng vào chỗ này thì tâm thức người học trở phùng lên như tác động lung lay toàn vẹn sự hiểu biết xưa nay của mình. Bấy giờ, buông ra thì tiếc uổng, nắm lấy thì chưa thấy lợi ích gì với mớ hiểu biết tích lũy lâu nay thuộc phạm trí.

Trong trạng thái này, nếu vận dụng lý trí - nhận thức cố thoát ra thì càng rơi vào hố sâu của vọng ngã đang phùng khởi động loạn.

12.Thí dụ 2: Hận!

Một vị thường nổi tánh hận tha nhân nếu như họ làm tổn hại đến của cải vật chất hay đời sống tinh thần của mình. Nay đến đạo pháp tu học, có thể nói mọi mặt

hiểu biết về đạo pháp và tâm hạnh đều khá nhiều nhưng cái hận vẫn còn tồn lưu chưa thể xóa bỏ dứt.

Qua sinh hoạt hàng ngày với nhiều nghịch cảnh làm nên phiền lòng nếu như là người khác, mà vị này vẫn bình thường, chỗ phàm tánh dường như không còn, nhưng nếu gặp phải một sự việc dù nhỏ mà chạm đúng vào chỗ hận thì cái hận hiện lên bất chấp mọi việc xung quanh.

Thật ra, cái hận hiện lên không phải do sự việc tạo ra mà vốn đã sẵn có từ vô số kiếp, là chủng tử của A Lại Da Thức đi theo luân hồi đến ngày nay, chỉ cần một sự việc nhỏ thích hợp diễn ra hay tác động đúng chỗ thì lòng hận phùng hiện lên.

2.Điểm kẹt bản năng qua đối việc:

21.Về mặt nhận hiểu:

Khi chưa nhận ra điểm kẹt bản năng hiện lên nơi mình, tức là tâm thức còn tăm tối và hành động còn sai trái. Khi nhận ra điểm kẹt bản năng hiện lên nơi mình, đây mới là cái thấy thuộc tri kiến, chưa đủ lực đi vào sống với chỗ tri kiến này.

22.Về mặt thanh lọc:

Nếu đang ở vào môi trường công phu như tịnh tọa chẩn hạn, nhận ra điểm kẹt hiện lên, chúng ta có thể buông bỏ tương đối dễ dàng nhờ vận chuyển thông quang. Nhưng đây chỉ là nhất thời buông bỏ!

Nếu đang ở vào môi trường sống yên ổn - an thân - có cuộc sống tương đối nhàn hạ, không có chuyện gì tác động nhiều vào đời sống tinh thần: Lúc này, tự nhìn vào điểm kẹt của mình thấy cũng không có gì quan trọng lắm cho gọi rửa!

Nếu ở vào môi trường thuận tiện hay thích hợp cho sự tác động vào điểm kẹt bản năng thì dù bản thân có nhận ra điểm kẹt hiện lên nhưng rất khó mà tĩnh lặng tâm tư.

Thực tế, vọng ngã còn tồn tại là còn vọng khởi, là còn hiện bày điểm kẹt bản năng mà lâu nay mình tưởng chừng không còn nữa. Nếu như thân khẩu có đủ khả năng chế ngự mà người ngoài nhìn vào không nhận ra nhưng tâm ý vẫn nhiều bấn loạn.

3. Điểm kẹt bản năng qua hành động thuận theo vòng luân hồi tái diễn:

Những thí dụ về vai trò của tâm thức qua cuộc sống đi theo luân hồi sanh tử được trình bày qua: Phần mở đầu của bài Vô Ngã, vài thí dụ trong bài Điểm Kẹt Theo Vòng Luân Hồi. Ở đây, chúng tôi xin phép trình bày thêm về sự việc có ý thức mà là vô thức mở đường điểm kẹt tái diễn trong sinh hoạt thường ngày mà Đức Thầy Từ Minh Đạt đã mở ra cho các pháp hữu nhân có vài vị vươngong phải:

31.Thí dụ 1: Hành động có ý thức mà là vô thức!

Một vị sống trong cung đình thời tiền kiếp, theo qui định phải mặc triều phục do triều đình đặt ra đã trở thành thói quen đi vào tiềm thức. Ngày nay, vị này tái sanh vào môi trường sống khác thời cung đình. Vào thời điểm đúng lúc, vị này gặp lại những người đã từng sống với mình vào tiền kiếp trong cung đình mà ngày nay họ tái sanh lại hiện kiếp. Trong buổi họp mặt, vị này có ý thức về ăn mặc thích hợp với môi trường sống hiện nay nhưng chỗ ý thức này là ý thức vô tình làm tái diễn cách ăn mặc thuộc triều phục thời tiền kiếp.

Từ đây cho thấy: Cái thức về thói quen, phong tục, tập quán hay cá tánh đi sâu vào tiềm thức từ tiền kiếp lưu lại hiện kiếp, tái diễn qua đời sống bình thường mà mình cho là phải - là đúng, đó là sự lưu diễn tâm tánh theo vòng luân hồi mà thôi. Nên tuy hành động có ý thức nhưng là vô thức. Có thể tạm nói theo hiện kiếp, chỗ này tương tự như ý thức hệ thời niên thiếu lưu giữ vào tuổi già mà mình luôn cho là đúng nhưng với giới trẻ cho là bảo thủ - cổ chấp vậy!

32.Thí dụ 2: Chứng tử nhân sinh quan đi vào luân hồi.

Một vị trong nhiều tiền kiếp đã từng hại nhiều người. Điểm kết là tâm hại người, không cho người chung quanh mình có được cuộc sống an lành. Hiện kiếp, thức tâm tu sửa tâm tánh - trau dồi đức hạnh ngày hoàn thiện hơn, mở lòng giúp người nếu có dịp qua các sinh hoạt thường ngày. Thức tâm tu học và việc làm với ý thức tốt tự đáy lòng!

Trong nhiều trường hợp, sự giúp người theo ý nghĩ của vị này là tốt nhưng khi giúp xong nhìn lại kết quả là hành động hại người. Chỗ hại người, tuy ở vào môi trường hiện kiếp nhưng là vòng luân hồi tái diễn mà chính bản thân vị này cũng khó nhận ra. Đó là do cái thức hại người đã đi sâu vào tâm khảm mà vị này không thấy đó là hại người! Ý nghĩ cho là đúng - là phải với việc mình vừa làm, đó là do chứng tử nhân sinh quan như vậy đi theo luân hồi sanh tử bao đời nay trở thành lẽ sống bình thường không có gì sai trái hết.

Hoặc, tuy bước vào tu học, nhưng nếu môi trường sống hiện tại ở vào hoàn cảnh thích hợp cho tâm hại người lộ diện, thì vị này bắt tay vào hành động mà không ngại ngùng vì ý thức hiện tại luôn cho là đúng.

Thế nên, chỗ gọi là thức tâm tu sửa trong hiện kiếp lại là chỗ thức buộc tâm thức chìm sâu vào vô minh.

Qua thí dụ này, chúng ta thấy rằng gọi rửa và thanh lọc hoàn toàn điểm kẹt bản năng lưu lại từ vô số kiếp đến nay không phải dễ dàng nếu như mình chưa đủ ý chí - chưa đủ dũng khí và nhất là chưa đủ trí sáng suốt nhận chân tướng các phiền não nơi bản thân.

4. Điểm kẹt bản năng trên đường thử thách!

41. Hai phương diện của tâm thức:

Vừa rồi, nhiều vị pháp hữu trải qua cuộc thi về tâm thức trên 2 phương diện:

- Hữu vi: Cái hạnh hiện bày trước sự việc mà mắt thấy tai nghe qua sự sống thường ngày. Cái hạnh này chúng ta có thể tự thức và làm chủ nhờ bình tĩnh.
- Vô vi: Cái hạnh hiện bày trước sự việc xuất phát từ vô thức, từ A Lại Da Thức qua vô vi như giấc mộng hay giấc chiêm bao. Cái hạnh này chúng ta rất khó tự chủ và thường thì thi là rớt.

42. Thí dụ: Điểm kẹt bản năng ái dục.

Một vị mang lấy điểm ái dục do ngoại cảnh đi vào tâm thức từ vô số kiếp, nay bước vào cuộc thi: Chỉ cần bóc lấy ra cái thức ái dục từ vô số kiếp đó, đem vào môi trường thích ứng khiến cho điểm ái dục nơi tâm vị này hiện ra:

- Về hữu vi: Cái thức ái dục hiện ra mà người thi có thể bình tĩnh hay tự thắng lòng mình nhờ tự thức và kiểm soát được.
- Về vô vi: Cái thức ái dục hiện thẳng ra mà người thi hoàn toàn không làm chủ được như qua giấc chiêm bao chẳng hạn. Điểm ái dục mang vào

tâm thức từ vô số kiếp phô bày “thanh thiên bạch nhật”.

Từ thí dụ này cho thấy, muốn đi vào vô vi trước hết phải học hạnh hữu vi cho nhập tâm. Vì sao? Cái hạnh hữu vi thể hiện cái tâm vô vi không hình không tướng! Tánh hành động ở hữu vi thể hiện tánh hành động ở nơi tâm! Hành động trong thực tế hiện bày hành động nơi tâm!

5. Tập bình tĩnh để tự thắng mình!

51. Yếu quyết là tập bình tĩnh!

Điểm kẹt hiện lên do đối tượng bên ngoài, do tác nhân ngoại cảnh. Mỗi khi hiện lên phải tự biết nó hiện lên và tập bình tĩnh lại:

Đừng vội vàng hành động đáp trả theo sự dẫn dắt của tâm ý lúc bấy giờ đang phùng lên trước đối tượng!

Bình tĩnh lại! Bình tĩnh lại! Hôm nay chưa bình tĩnh được thì lần sau tập lại! Lần sau chưa bình tĩnh được thì lần kế tiếp tập lại! Từ từ sẽ có giây phút bình tĩnh dù là thật ngắn ngủi! Có được giây phút bình tĩnh là có được giây phút tự thắng lòng mình! Điểm chính là phải có tinh tấn trong sự đem lại bình tĩnh nơi mình dù là thật ít với mỗi lần điểm kẹt hiện lên. Giây phút bình tĩnh gia tăng dần!

Ban đầu, điểm kẹt bùng phát mạnh, dần dần điểm kẹt hiện lên nhẹ dần - nhẹ dần. Phải có ý chí quyết tâm tu sửa!

52. Đi từ bình tĩnh có ý thức!

Có vị, Thầy tạo nhiều duyên cho điểm kẹt phát khởi, tâm ý lộ diện và vị này bị cuốn trôi theo điểm kẹt vì chưa bình tĩnh được.

Thầy cứ tạo duyên, mỗi lần điểm kẹt phát khởi, vị này cảm thấy muốn xa lánh Thầy- xa lánh mọi người xung quanh. Mãi cho đến một hôm, vị này thức tỉnh và hiểu được sự phát khởi tâm ý vướng điểm kẹt, nó đang dẫn mình đi. Nhận diện điểm kẹt, bình tĩnh dần! Tuy nhiên, tâm ý vướng điểm kẹt vẫn chưa phai mờ được. Người học cần phải đối diện nhiều với đối tượng hay tác nhân làm phát khởi điểm kẹt, dần dần mới có thể từng bước bước vào bình tĩnh trước đối tượng. Đây là bình tĩnh có ý thức!

53. Vài thí dụ về mức độ bình tĩnh:

Với các vị thường gặp điểm kẹt hiện ra khi đổi việc, lâu ngày thành quen và nhận thức được nên có thể phần nào làm chủ thân khẩu. Người ngoài trông vào có vẻ bình tĩnh mà kỳ thực nơi tâm thức bấn loạn là lẽ thường. Thí dụ các vị phụ nữ mang tánh ghen trầm lặng. Đây là chỗ bình tĩnh ngoại thân! Đa số người đời nếu có bình tĩnh thường là nằm vào ngoại thân như trường hợp này.

Với các vị bước đầu trên đường tu học, có thể nhận biết điểm kẹt hiện lên nhưng mình vẫn bị điểm kẹt tác động dẫn đi mà khả năng chưa đủ lực tự chủ được, tuy rằng người ngoài nhìn vào có thể không nhận ra điểm kẹt khởi nơi mình. Đây cũng mới là bình tĩnh ngoại thân!

Với các vị siêng năng công phu tinh tấn, hưởng nhiều thanh điển, thanh điển thanh lọc dần cạn bã ô trược nơi tâm thức. Tự mình cảm thấy tâm trí nhẹ nhàng - thanh thoi như người vô sự. Khi đối diện sự việc nghịch cảnh - nghịch ý tác động mạnh vào, chỗ nhẹ nhàng - thanh thoi như người vô sự nay hiện lên tràn đầy cạn bã của tâm thức dấy động mà người ngoài nhìn vào tưởng là vị này tâm tư tĩnh lặng! Đây là chỗ công phu có tinh tấn nhưng chưa đủ lực đi vào bình

tĩnh trước sự việc tác động điểm kẹt. Tánh hành động nơi tâm còn động nhiều!

Với các vị phần nào mở trí, nhận biết điểm kẹt phát khởi chỉ là sự nổi dậy của dòng tâm thức động trước đối việc mà có. Tuy biết không phải là cái thật của mình nhưng vẫn bị nó dẫn mình đi như bao người bình thường khác, có khác chăng là trí tương đối sáng suốt hơn 1 chút, có cảm giác như mình là người đang hiện diện ngoài cuộc. Đây chỉ là tri kiến, tánh bình tĩnh tự tâm chưa thật có. Tức chỉ là trí hiểu mà tâm sống thật với chỗ hiểu này chưa có!

54. Vai trò thiết yếu của công phu song song với hành đã động thực tế: Đi vào vô niệm trước mọi sự việc!

Ngoại trừ các vị đại căn trải qua trực tiếp đốt xác thanh lọc bản thể, chúng ta là phàm nhân phải tự tu tập, thí dụ như công phu vận chuyển thông quang khai thông bá mạch đi vào vô niệm. Từ vận chuyển thông quang đi dần vào thông quang thường chuyển là điều mà Đức Ngài hằng mong nơi đệ tử Từ Tôn.

Từ đây cho thấy, điểm yếu quyết của phương tiện công phu không phải là cắt đứt dòng tâm thức đang tuông chảy hay xóa tan điểm kẹt đang hiện lên mà là khả năng vô niệm hiện diện nơi dòng tâm thức hay điểm kẹt đang hiện lên đó. Bởi vì, chúng ta đang mang thân phàm hiện diện nơi trần thế, hiện diện cùng thể sự trong sinh hoạt thường ngày và đang tu tập mà, làm sao mà không có khởi niệm!

Với khả năng tu tập tinh tấn, niệm khởi hiện hay điểm kẹt hiện chúng ta đều biết nhưng vô niệm. Chỗ yếu quyết là nhận biết điểm kẹt hiện mà vô niệm, tức không thả niệm chạy theo, điểm kẹt không còn đủ lực hiện

hành và tác động chi phối, nên tự mất! Như những tham sân si ái, những tình cảm thường tình tự lìa vừa khi hiện lên nhờ niệm mà vô niệm!

Chỗ này thể hiện định lực hiện diện nơi dòng tâm thức hay điểm kẹt hiện lên. Với định lực, niệm khởi hay điểm kẹt hiện lên sẽ đi vào vô niệm.

Chỗ này rất hay với người có khả năng định lực nhưng lại là chỗ không thực tế với phần đông người đời vì họ luôn bị dòng tâm thức hay niệm khởi dẫn đi.

Thí dụ: Tỉnh thoảng, gặp 1 việc nghịch ý tác động mạnh vào thân tâm. Thân tuy vẫn bình tĩnh nhưng niệm khởi đối ứng hiện lên. Với người chưa đủ định lực, niệm khởi hay điểm kẹt hiện lên dẫn đi vào hành động bị động, là chỗ mà đa số thể nhân đi vào bị sống. Với định lực, nhận biết niệm khởi hay điểm kẹt vừa hiện lên, liền nhìn thẳng vào. Đây là khả năng trực giác nhìn thẳng vào nội tâm - nhìn thẳng vào điểm kẹt vừa hiện lên! Chúng tự tan hóa - tự lắng chìm vì không còn đủ lực để hiện hành trước định lực! Đây cũng là chỗ soi tâm mình để tìm thanh tịnh!

55. Nói chung:

Với cái nhìn qua điểm kẹt theo vòng luân hồi, chúng ta không lấy làm lạ với các vị đi vào học Bồ Tát Đạo - các vị phát tâm hành hạnh nguyện vì lợi ích nhân sanh đã trải qua thật nhiều kiếp trong luân hồi sanh tử. Vì sao?

Hành hạnh nguyện độ sanh, hành pháp vì tha nhân là hành cho chính mình học hạnh lành, lìa bỏ dần vi tế điểm kẹt, mở dần tánh thanh tịnh - mở dần đức tánh thanh tịnh.

Thế nên, khai mở điểm kẹt hay điểm kẹt bản năng thường trải qua rất nhiều kiếp là chuyện bình thường! Lìa bỏ điểm kẹt vi tế qua hành Bồ Tát Đạo đi trong

sanh tử luân hồi qua vô số kiếp là vậy. Những vi tế còn là còn điểm kẹt bản năng và còn phải đi trong luân hồi lấy hành nguyện độ sanh vào khắp nẻo đường thế gian làm phương tiện học hỏi cho đến khi tâm thức hoàn toàn thanh sạch.

6. Kết luận: Điểm kẹt và tần số rung động của tâm thức.

61. Tập bình tĩnh với mình!

Phải tập bình tĩnh trước mọi sự việc tác động điểm kẹt hiện lên vì điểm kẹt đó thể hiện tâm thức phạm ngã với các tần số rung động thấp kém. Các tần số rung động thấp kém đem đến tư tưởng hướng hạ đi vào hành vi hướng hạ.

Từng bước bình tĩnh - từng bước tự thắng mình là từng bước thanh lọc tần số rung động thấp kém, đồng thời là từng bước sống với tần số rung động thanh cao hơn, với tâm thức thanh sạch hơn và sống với tiềm lực chi phối bởi phạm ngã tự mất dần.

62. Tập luôn sống với tâm thức thanh sạch!

Trong thực tế, các vị có cùng tần số rung động thường tìm đến bên nhau và dễ cảm thông - hòa đồng nhau. Là người học, chúng ta không ngại sự khác biệt của các tần số rung động mà nên hiện diện cùng mọi thành phần để học hòa đồng tâm thức qua các tần số rung động. Người có tần số rung động thanh cao có sức cảm hóa tha nhân và hòa đồng vào tâm thức tha nhân dễ dàng hơn. Người có tần số rung động thấp kém gần gũi người có tần số rung động thanh cao thường cảm thấy tâm hồn mình nhẹ nhàng hơn.

Do đó, phải luôn tập sống với tâm thức thanh sạch. Khi nào tâm thức thanh sạch đủ thanh cao - đủ vững thì mọi tiềm lực chấp ngã tự tiêu mòn và tan hóa, thân -

khẩu - ý an trú trong tâm thức thanh sạch hiện diện cùng đời sống thể nhân.

Con đường tự thắng mình - con đường thanh sạch hóa tâm thức có mở ra mới có thể bước vào giác ngộ và phát triển tâm linh thật ngã!

MỤC LỤC:

1	Lời nói đầu	1
2	Tâm - Ý - Ý Thức	6
3	Đi vào hành pháp	25
4	Ngũ Uẩn Pháp	30
5	Khai Tâm - Hành Thiện	35
6	Bước đầu mở hướng giải thoát tri kiến	39
7	Thanh lọc từ hành động đến tư tưởng	58
	<i>Khai Tâm Diễn Pháp tập 1</i>	150

8	Điểm kẹt theo vòng luân hồi	68
9	Học lớp cao hơn	75
10	Vô ngã	78
11	Khai tâm mở điểm kẹt	88
12	Không tập trung tư tưởng trong công phu áp dụng vào đời	100
13	Tự nhìn tâm tánh qua hành dụng	116
14	Tự nhìn điểm kẹt bản năng	142